

HUỲNH MINH

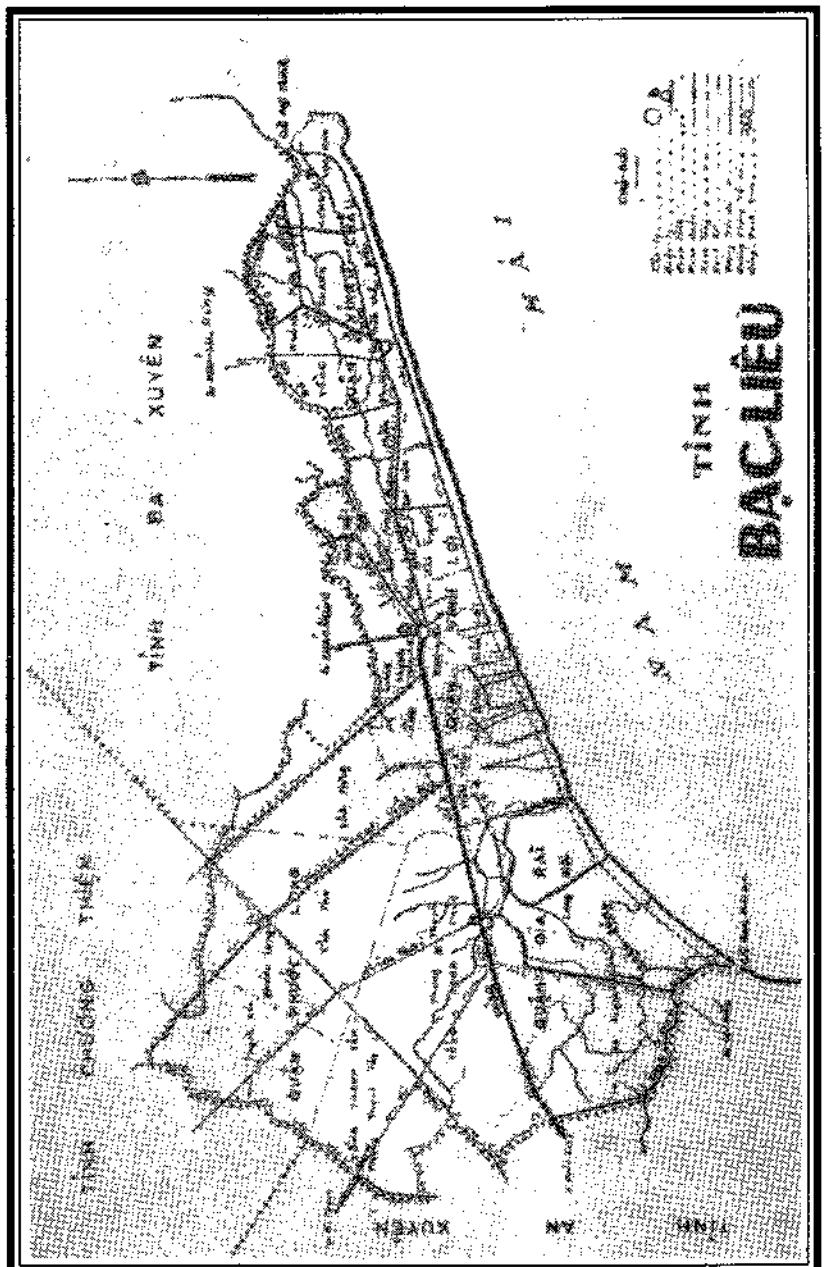


BẠC LIÊU
XƯA VÀ NAY

HUỲNH MINH
TÌM HIỂU DANH LAM THẮNG TÍCH
CÁC TỈNH NAM PHẦN

BẮC-LIÊU
XƯA và NAY

LOẠI SÁCH SUỐ KHẢO



LỜI NÓI ĐẦU

Tìm hiểu non sông đất nước vẫn là nguyên động lực thúc đẩy bồi dưỡng tinh-thần yêu nước mà mỗi công dân không thể không biết đến. Có biết mới yêu, có hiểu rõ mới cảm xúc thắm thía, lòng yêu mới đậm đà thắm-thiết.

Nói rằng yêu nước, mà không hiểu gì hay chỉ hiểu biết mơ-hồ về non sông quốc thổ, công nghiệp tiền-nhân, nếp sống của đồng bào ruột thịt quê hương, chẳng là một khuyết điểm lớn lao sao ? Tuy nhiên, không phải ai ai cũng có phương tiện và cơ hội di khắp đó đây. Phần đông chúng ta đều bị đời sống buộc ràng, có người suốt đời không ra khỏi lũy tre xanh, hay giới ranh của đô thị.

Để bù lại, duy chỉ còn cách lèm đọc sách báo.

Nhưng đọc gì bây giờ ?

Nhan nhản truyện kiếm hiệp, liêu trai, tiểu thuyết khiêu dâm. Loại sách sưu-khảo hữu-ich thì thừa vắng góp mặt trên thị-trường buôn bán chật, vì loại sách này đòi hỏi nơi người viết nhiều học thức lẫn công-phu, mà thủ tục lại không baô nhiêu lợi lộc.

Nếu ở đời, ai ai cũng chỉ đặt lợi lộc lên trước hết, thôi còn chi nữa mà mong ? !

Chúng tôi, một nhóm vân-nhân ký-giả nghèo tiền nhưng không nghèo tâm chí, nhận thấy chỗ khiếm khuyết cần được bồi bồ trong nền văn học quốc-gia, muốn đáp ứng sự đòi hỏi của một số đồng đồng-bào thật lòng yêu nước, sau mấy phen phiêu-lưu đầy huyết lệ đã nhận chân được dân là nguồn sống và phát-triển của dân-tộc, chúng tôi không ngần-ngại lanh làm cái công việc vừa khó-khăn vừa bắc-bẽo : sưu-tầm khảo cứu và xuất-bản loại sách tìm hiểu danh-lam, thăng-cảnh và nhân-vật nước non nhà.

Khởi đầu với cuốn "ĐỊA-LINH NHƠN-KIỆT" về tỉnh Kiến-hoa, mặc dầu có nhiều khuyết-diểm vẫn gặp, được sự cảm-thông và hoan-nghinh nhiệt-liệt của báo-chi và các giới đồng-bào khuyến-kích, hôm nay chúng tôi tiếp-tục giới-thiệu với quý-vị bạn đọc thân-mến : tỉnh Bạc-Liêu qua các thời-dai, và rồi sẽ lần-lượt đến các tỉnh Định-tường, Cần-Thơ, Kiên-giang, Ba-xuyên, Bình-dương, Long-an, Biên-hoà v.v...

Đường xa gánh nặng, công-trình e quá sức, chúng tôi chăng ?

Chúng tôi cũng tự lượng sức mình không thể nào "đối đà và trôi". Nhưng nếu cứ ngồi một chỗ mà ngại núi, e sông thì không bao giờ có công việc gì được khởi sự.

Cứ đi rồi sẽ tới !

Và, chúng tôi tin rằng dầu chúng tôi có mệt-mỏi giữa đường, sẽ có những bạn đồng-hành đồng-chí khác cứ tiến lên, nâng cao ngọn đuốc tinh-thần bất-khuất của dân-tộc,

HUỲNH-MINH

BIÊN TẬP ĐẠI Ý

CÂY có cội mới nở ngành xanh ngọn.
NƯỚC có nguồn mới bờ rộng sông sâu.

LICH-SỬ loài người, dân-tộc, đất-dai sông núi đã có trên quả đất này, tất cả vạn-vật đều do Thượng-Đế dựng nên.

Chúng ta đã sanh làm người dân Việt sống trong bần dư đồ chữ S từ Nam-Quan chí mũi Cà-Mau, há chẳng niệm công ân tổ tiên đã gian-lao khổ-nhọc gầy-dựng nên mà lưu lại hậu thế ? Thiết-tưởng chúng ta phải cần biết đất-dai, tinh-ly xứ-sở làng-mạc của mình có những gì, do ai khai-sáng, đồng-bào dân-chung sống như thế nào ? tài-nghiên kinh-tế có trù-phú hay không ? sự tiến-bộ qua mỗi thời-đại ra sao, điều ấy rất quan-trọng và cũng là điều tối-cần cho những ai mang dòng máu Tiên Rồng, bốn ngàn năm văn-hiến kết-tinh.

Ngày nay thế-hệ chúng ta ở vào thời-đại nguyên-tử, vật-chất bao trùm, ánh-sáng khoa-học tây-phương càng ngày càng bành-trướng khắp thị-thành lẩn thôn-quê. Văn-hoa ngoại-lai tràn-ngập : tiêu-thuyết khiêu-dâm, phim cao-bồi, kiêm-hiệp, chưởng, đảo hải di sơn v.v... Một số đồng nam-nữ thanh-niên bị đầu độc, hư thân mất nết, bần lương-tâm, mù tối lương-tri, chạy theo dục-lạc của thế-lực kim-tiền không còn giữ được đạo-nghĩa gia-phong thuận-túy, đường như đặc-tính người Việt đã mất hẳn, từ tiếng nói giọng cười cũng đổi, cơ hồ họ muốn quên cả tiếng mẹ đẻ nửa là khác.

Ai là người yêu quê-hương đất-tộc, mến-trọng nghĩa-nhân, bảo-tôn dân-tộc tính, thấy vậy không khỏi đau lòng, e-nại một ngày kia sẽ mất hẳn hết !!! Vì lẽ ấy, chúng tôi chịu khó tìm qua phần lịch-sử của mỗi tỉnh trong miền Nam, nói lên tiếng nói của quê-hương, khơi nguồn sống trong lòng dân-tộc hoà cùng lòng đất thân yêu của tiền-nhân để lại, từ tập-tục, sự-tích, cõi-truyền.

Chúng tôi sẽ trình bày với tinh-cách khách-quan, hướng dẫn quý độc-giả biết qua lịch-sử, địa-lý của tỉnh Bạc-liêu từ chương mục. Thiết-tưởng khi bắt tay vào việc viết qua « Bạc-Liêu Xưa và Nay », là cả một vắn-dề thiếu-thốn về phương-tiện, nhưng với sự cố-gắng, chí nhẫn-nại là yếu-tố phục-vụ của chúng tôi, sẽ không phụ lòng bạn đọc tin yêu, kỳ vọng. Chúng tôi sẽ đưa ra nhiều chuyện hay tích lợ của tỉnh này, công-trình hằng bao nhiêu tháng suy-tâm khảo-cứu, nói lên để làm nổi bật một tỉnh trù-phú, khét tiếng giàu có về ruộng lúa, ruộng muối phì-nhiều, sông dài bè rộng, dân-chung dù cơm ăn áo mặc, sự sống dễ-dàng, con người hay tôn-thờ tín-ngưỡng, hiền-lành chất-phác, phần đông là người Tiều (Triều-Châu), người Hẹ (Hải-Nam) đến sanh cơ lập nghiệp nơi tỉnh này lúc chưa thành lập. Tỉnh Bạc-Liêu ngày xưa có thể nói là một tỉnh thằn-huyền và có nhiều giai-thoại đặc-biệt hơn các tỉnh khác, chúng tôi sẽ trình bày nơi phần thứ III trong tập sách này.

Bạc-Liêu hồi đời Pháp-thuộc rất sung-túc, dân-cư đông-dảo, nổi tiếng là xứ ăn xài, lăm khăch hào-hoa phong-nhã, chợ búa mua bán phồn-thịnh, nền kinh-tế đổi-dào. Cho đến khi chánh-phủ Ngô-dinh-Diệm chấp-chánh, Bạc-Liêu sáp nhập về tỉnh Ba-Xuyên (Sóc-Trăng cũ), trước kia thạnh-vượng đông-dảo bao-nhiêu, bấy giờ lại hoá ra u-trệ bấy nhiêu. Vì bỗng dung bị thâu hẹp lại thành một quận gọi là quận Vĩnh-Lợi, trọn 9 năm chau thành Bạc-Liêu lâm vào cảnh vắng-vé, nền kinh-tế bị sụp-đỗ, du-khách có dịp đi ngang qua cảm-tưởng cho là một tỉnh bị chiến-tranh tàn-phá.

Kịp khi các vị tướng lãnh quân-đội Việt-Nam cộng-hòa đứng lên lật đổ chánh-phủ Ngô-dinh-Diệm, ngày 1 tháng 11 năm 1963, Hội-đồng quân-lực ra nghị-dịnh tái lập tỉnh Bạc-Liêu như trước, từ đây Bạc-Liêu vượt tiến, kè ra không kém-sút các tỉnh khác trong cái đã chính-trang kiến-thiết :

Về mặt quân-sự, nơi đây đặt bản đinh của Tư-lệnh Sư-doàn 21 bộ-binhh do vị Chuẩn-tướng điều-khiển, coi 5 tỉnh : An-Xuyên, Bạc-Liêu, Ba-Xuyên, Chương-Thiện, Phong-Dinh nằm trong lãnh-thổ vùng IV chiến-thuật.

Lần-lượt chúng tôi sẽ đề-cập sự phát-triển của Bạc-Liêu xưa nay qua các phương-diện.

Phần thứ nhất

BẠC-LIÊU QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Phụ-biên Cà-Mau (An-Xuyên)

trái các cuộc thăng-trầm

LỊCH-SỬ BẠC-LIÊU

N

GUỘC dòng thời-gian, vào đầu thế-kỷ thứ XVIII, Bạc-Liêu hâ̄y còn là một hoang-địa. Theo sử sách và lời thuật lại theo ký-ức của các bậc bô-lão, thì dân-cư đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng này chưa qua 200 năm. Những di-tích lịch-sử như các đình chùa, miếu mỗ đã xác nhận điều đó.

Những dân-cư đầu tiên đã đến sinh cơ lập nghiệp ở đây vì nhận thấy có hai phương thế thuận lợi để sinh-sống. Một là gần biển thuận tiện cho ngư-nghiệp. Hai là đất phù sa phi nhiêu thanh-mẫu, trồng trọt thứ gì cũng đắc lợi. Nơi người ta đến ở đầu tiên là khu-vực của lồng Thạnh-Hưng hiện thời.

Những người đến ở vùng này trước nhất là người Miên từ Sóc-trăng và Trà-vinh qua, với những người Tàu gốc Triều-châu tới lập cơ sở đánh cá và trồng tía hoa màu trên những đồi cát bọc theo bờ Nam-hải. Hiện nay cũng có những Huê-kiều tiếp tục sinh-nhai về hai nghề ấy. Lại cũng có một số ít Huê-kiều thử làm ruộng muối.

Những ruộng muối thời xưa nằm gần kề bên tỉnh-ly Bạc-Liêu bây giờ, nhưng ngày nay thi lại cách tỉnh-ly rất xa. Đó là bằng chứng : ngày trước bờ biển nằm ngay ở chỗ hiện thời là tỉnh ly ; đất bồi lấp hồi dã lấp ranh giới của biển dang ra xa, để cho người chiếm ở.

TRẢI 142 NĂM (1740-1882)
TỪ HUYỆN TRẦN ĐI ĐẾN TỈNH BẠC-LIÊU



Ở đầu thế-kỷ 18, trên bước đường Nam tiến, dân Việt ta đã lần hồi có mặt nơi vùng đất Bạc-Liêu, Cà-mau. Cho đến khi chúa Nguyễn-Ánh chạy loạn Tây-sơn, chúa tôi binh tướng nhà Nguyễn qua vùng đất này thường hơn nơi nào cả.

Bạc-Liêu khi xưa chỉ là một huyện trực thuộc guồng máy hành-chánh của Trần-Hà-Tiên lúc ấy gồm có 4 huyện như sau :

- 1) Long-Xuyên (Cà-Mau bây giờ)
- 2) Kiên-Giang (Rạch-Gia)
- 3) Trần-Giang (Cần-Thơ)
- 4) Trần-Di (Bạc-Liêu).

Đến đầu thế-kỷ 19, miền nam Việt-Nam chia thành 6 tỉnh, thường gọi là Nam kỳ lục tỉnh :

Ba tỉnh miền Đông gồm có :

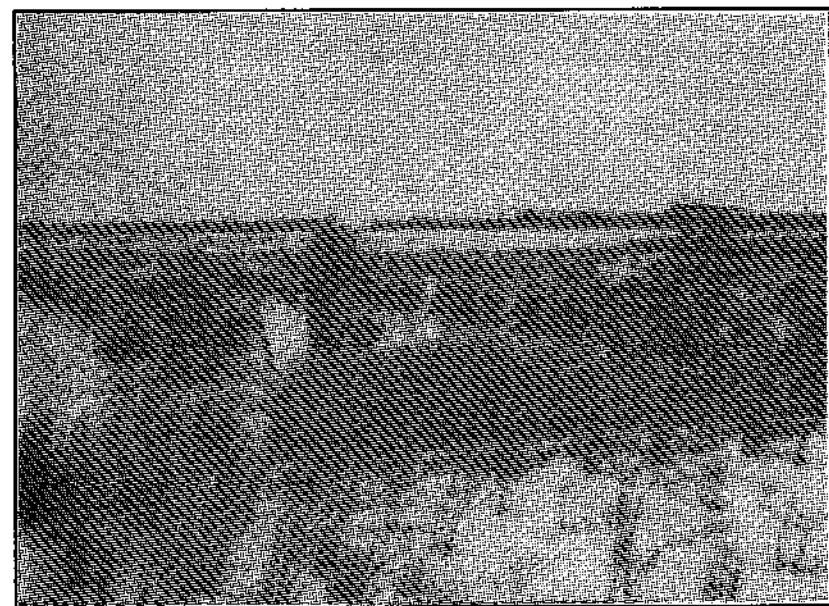
- 1) Gia-Định
- 2) Biên-Hoà
- 3) Định-Tường

Ba tỉnh miền Tây :

- 4) Vĩnh-Long
- 5) An-Giang
- 6) Hà-Tiên

Cố-nhiên trong giai-doan này Bạc-Liêu vẫn là phần đất còn nằm trong hệ-thống tỉnh Hà-Tiên. Mà Hà-Tiên trải các đời chúa Nguyễn đều giao trọng-trách cho họ Mạc (Mạc-Cửu, Mạc-Thiên-Tích) làm Tổng-binhs Đại đò-đốc, canh phòng chốn biên-thùy, ngăn chống quân Tiêm (Xiêm-la tức

Đồng ruộng tỉnh Bạc Liêu



Đây là quang cảnh cây lúa trước một cánh đồng ruộng
thênh thang, dựa theo quốc lộ số 4, đường Bạc Liêu Cà Mau.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

Thái-Lan), dẹp quân Chân-Lạp (Cao-miên tức Cam-bốt) thường sang quấy-nhiều. Họ Mạc vốn người Việt gốc Hoa, nên lúc Hà-Tiên được khai sáng phồn-thịnh, thì người Trung-Hoa ở Phúc-kiến, Hải-nam, Quảng-tây, Quảng-dông, vì chống lại nhà Mân-Thanh nên bị săn đuổi phải trốn sang Hà-tiên ngày một đông. Do đó, đời tòng-binh Mạc-Thiên-Tích (con Mạc-Cửu), đoàn người Trung-Hoa lưu-vong ấy dần dần được di-cư tới huyện Trấn-di để khai-hoang lập-nghiệp, nhiều nhất là người Triều-châu. Chính vì thế mà ngày sau, người Triều-châu (tục gọi là người Tiều) chiếm gần hết guồng máy sinh-hoạt ở Bạc-liêu.

Đời Tự-Đức, Kinh-lược-sứ Nguyễn-tri-Phương có đến tận vùng này lập nhiều đồn-diền và làng xã.

Đến lúc sáu tỉnh Nam-kỳ thuộc Pháp, từ năm 1882, Bạc-Liêu mới được lập thành tỉnh.

TÌM HIỂU DANH-TỪ BẠC-LIỀU



DANH-TỪ Bạc-Liêu, đọc theo tiếng Hoa-kiều, giọng Triều-châu gọi là Pô léo, có nghĩa là xóm nghèo, làm nghề hạ-bạc, tức nghề chài lưới, đánh cá, đi biển.

Pô phát âm theo tiếng Hán Việt là « Bạc » và **Léo** phát âm thành « Liêu ».

Một thuyết khác cho rằng : **Pô** là bót, đồn. **Liêu** là Lào (Ai-lao) theo tiếng Cao-miên, vì trước khi người Hoa-kiều đến sinh sống, nơi đó có một đồn binh do người Lào đồn trú.

Người Pháp do theo tiếng Triều-châu **Pô-Léo** có nghĩa là xóm nghèo làm nghề hạ-bạc — như đã nêu ở trên — nên dịch theo nghĩa ấy là Pêcherié — chaume (đánh cá và cỏ tranh)..

BẠC-LIÊU TRẢI QUA CÁC CUỘC BIẾN LOẠN



Ù năm Đinh-Dậu 1777, cuộc tranh-chấp giữa quân đội Tây-sơn và quân-đội chúa Nguyễn đến giai-đoạn quyết-liệt, vùng Bạc-Liêu Cà-Mau từng là nơi chúa Nguyễn bôn-tâu. (Chúng tôi sẽ lần-luot kể các chuyện trong khi « Gia-Long tâu-quốc » nói phần thứ II và phần thứ III).

Ngoài cuộc nội-loạn lớn ấy, còn có lăm cuộc biến-dộng hãi-hùng trên vùng đất Bạc-Liêu :

1) LOẠN HOA-KIỀU PHỦ-LIÊM

Thể-sự tuẫn-hoàn, hết suy đến thịnh.

Sau thời-kỳ thua Tây-Sơn xiềng-niềng và chạy trối chết, lại đến hời Nguyễn-Ánh nhờ ngoại viện trả phản-công, Tây-Sơn hết thời, Nguyễn-Ánh thoag-nhất giang-san, lập triều-đại nhà Nguyễn dưới danh-hiệu Gia-Long hoàng-đế.

Suốt thời-đại Gia-Long, Bạc-Liêu không có gì lạ. Qua đời Minh-Mạng, xảy ra cuộc nội-loạn do Hoa-kiều chủ-xướng.

Năm 1840, một Hoa-kiều tên Phủ-Liêm gây loạn chống Nam-triều. Nguyên do : vua Minh-Mạng vì tư thù nên xử tệ với công-thần của tiên-đế : Tả-quân Lê-văn-Duyệt Tông-trấn thành Gia-Định.

Lúc sống không dám ngang-nhiên ngược đai, vua Minh-Mạng chờ đến lúc Tả-quân tạ-thế mới dùng nghiêm luật nhục-mạ đắng công-thần, gày công-phản trong dân-tâm, thúc đẩy nghĩa-tử Lê-văn-Khôi dậy lên. Trong bộ tham-mưu của Lê-văn-Khôi có người Hoa-kiều là Mạch-tẩn-Giai làm đầu não. Do đó, khi binh triều dẹp xong Lê-văn-Khôi, chẳng khỏi đòn áp-thẳng tay đến người Hoa-kiều ở rải-rác khắp nơi trên lãnh-thổ ta lúc bấy giờ.

Bị tình-nghi có dính-liu vào cuộc Lê-văn-Khôi dậy binh, những Hoa-kiều ở Bạc-Liêu bị quan-quân của triều Minh-Mạng khủng-bố đủ điều. Bắt binh, họ nổi loạn chống triều đình, dưới sự lãnh-dạo của phủ Liêm, từng đoàn kéo đi đốt phá cướp bóc không nương-tay để trả đũa. Dân-chúng ở Cà-mau chịu thiệt hại rất nhiều. Viên-tri-huyện Nguyễn-Hiền Năng bị hạ-sát. Tại Tân-xuyên hiện nay còn có một đài-kỷ niệm do dân-chúng dựng lên, để kỷ-niệm công-đức ông Huyện Năng (ông huyện này, lúc sanh-tiền vốn là một minh-quan, một người hiền-đức mới được nhân-dân đổi-xử như thế.)⁽¹⁾

Đối với cuộc nội-loạn của Hoa-kiều do Phủ-Liêm cầm đầu, quan-quân ở Châu-đốc và Hà-tiên đồng-tâm hiệp-lực kéo binh qua chinh-tiều một thời-gian mới đàn-áp được.

Do kinh-nghiệm vụ này, về sau Nam-triều đã lập một huyện tại Cồ-Cô, với mục-đich hoàn-toàn về chiến-lược. Đồn-binhs ở Cồ-Cô hiện nay chỉ còn để lại một nền đất cao làm di-tích.

2) CUỘC NỘI LOẠN CỦA NGƯỜI MIÊN TIA, SUM

Năm 1859, hai người Cao-miên tên Tia và Sum gốc gác ở Trà-khương là miền hiện thuộc về Sóc-trăng, tự xưng là nguyên-soái (Sana) dậy binh làm loạn, lôi kéo theo chúng tất cả người Miên và Hoa-kiều. Phong-trào phiến-loạn sôi-nổi dữ-dội và trở nên toàn-diện tại Bạc-Liêu và Sóc-trăng. Viên-lãnh-binhs của Nam-triều chỉ-huy đồn Bãi-Xàu bị tử-trận, đồn-thất-thủ, binh-sĩ bị sát-hại gần-hết.

Hạ được đồn Bãi-Xàu, quân phiến-loạn phán-khởi thêm-lên, kéo đi gây sự khủng-bố khắp-nơi. Quan-binhs ở Bạc-Liêu vô-ké-khả thi phái cầu-viện với Tông-đốc An-Giang.

(1) Xin xem thêm ở phần thứ hai, về chương Danh-nhân.

Vị tông-dốc An-giang phái ngay một viên lãnh-binh chỉ huy đoàn thủy-quân lục-chiến kéo đến đánh dẹp. Trong đạo quân này, còn có đoàn quân tình-nguyễn Mã-Lai gọi là «Chiến thắng quân».

Nghe tin, quân phiến-loạn dàn trận chống cự. Một trận đại-chiến quyết-liệt xảy ra tại Vầm-Léo cửa vào rạch Bạc-Liêu. Đạo binh Nam-triều đánh cho quân phiến-loạn tả-tơi không còn manh giáp. Sana Tia tử trận. Quân phiến-loạn tan vỡ, vác thây chủ tướng đào tẩu.

Công cuộc bình-định đã xong, an-ninh tái lập.

3) NGƯỜI MINH-HƯƠNG VÀ THIÊN-ĐỊA-HỘI

Từ cuộc đô-hộ của người Pháp cho đến mãi về sau, người Tàu và Minh-Hương ở trên đất nước này được hoàn toàn độc lập.

Những nghị-định năm 1867 và 1870 đồng hoá người Minh-Hương với người Tàu, cho họ được miễn nhiều suru-thuế. Mãi đến năm 1874 mới có một sắc lệnh ban hành ngày 31 tháng 8 d.l. thâu hồi những nghị-định nói trên và kể từ đây người Minh-hương được đổi xứ hoàn-toàn như người Việt. Chính vào thời-kỳ này ở Bạc-Liêu phát sinh phong trào hội kin «Thiên-địa-hội», sự an-ninh trong xứ bị rối-loạn vì những hội-viên «Thiên-địa-hội» hoạt-động phi-pháp khùng-bổ lương-dân, bắt buộc những người có máu mặt trong vùng phải đóng tiền vò quỹ của hội.

Những hội viên của hội kin này gồm có Hoa-kiều, người Minh-hương và cả người Việt cũng có chán nữa. Ở vùng Bạc-liêu có hai Thiên-địa-hội hoạt-động mạnh và gây rối

loạn hơn hết là Hội-Nghĩa-hung kèo (cờ) xanh và Hội-Nghĩa hoà kèo vàng. Hai hội tranh đua giành giật ánh-hưởng và quyền lợi với nhau, thường, gây ra những trận ẩu đả chém lợn đồ máu làm mất an-ninh. Để vẫn-hồi trật-tự, bảo-vệ an-ninh cho dân-chúng, chính quyền mới quyết-định phải lập một trung-tâm hành-chánh tại Bạc-liêu. Do đó, tỉnh Bạc-liêu thành hình vào năm 1882.

4) LOẠN LÂM-LÂM

Thò-dâu Lâm-Lâm cầm đầu dân Lạc-Hoà quận Vĩnh-Châu nỗi loạn đồng thời với loạn Tia, Sum đã nỗi trên tại bãi Phù-tụ (tên cũ của Bãi-xàu, tức là quận Mỹ-Xuyên hiện thời). Nam triều phái vò cung vất-vả mới dẹp xong. Trong dịp này Nguyễn-tri-Phương vắng chỉ vua vào tận nơi tö-chức lại hệ-thống cơ-dội, dồn-diền khắp nơi, di-tích còn các nền đồn cũ ở các vùng xã Vĩnh-Trạch, Vĩnh-Mỹ, Long-Thạnh, quận Vĩnh-Lợi, với một số khì-giới tìm thấy khoảng năm 1930.



NHỮNG THĂNG TRẦM, BIẾN CHUYỂN CỦA BẠC-LIÊU

T

RONG thời Pháp-thuộc, tỉnh Bạc-Liêu thành lập vào năm 1882 do viên chủ tinh đầu-tiên là Lamothe de Carrier nắm quyền cai-trị. Lúc đầu chỉ gồm có 2 quận : Vĩnh-Lợi và Cà-Mau. Đến năm 1904, phân ranh lại, lập thêm quận Vĩnh-Châu gồm tổng 5 làng. Rồi đến năm 1918, lại cắt phần đất thuộc quận Cà-Mau và tách-ly mà lập thành một quận nữa là quận Giá-Rai. Trước sau tất cả gồm 4 quận, diện-tích chung phỏng-định 705.000 mẫu-tây (1/8 diện tích của miền Nam), chia ra như sau :

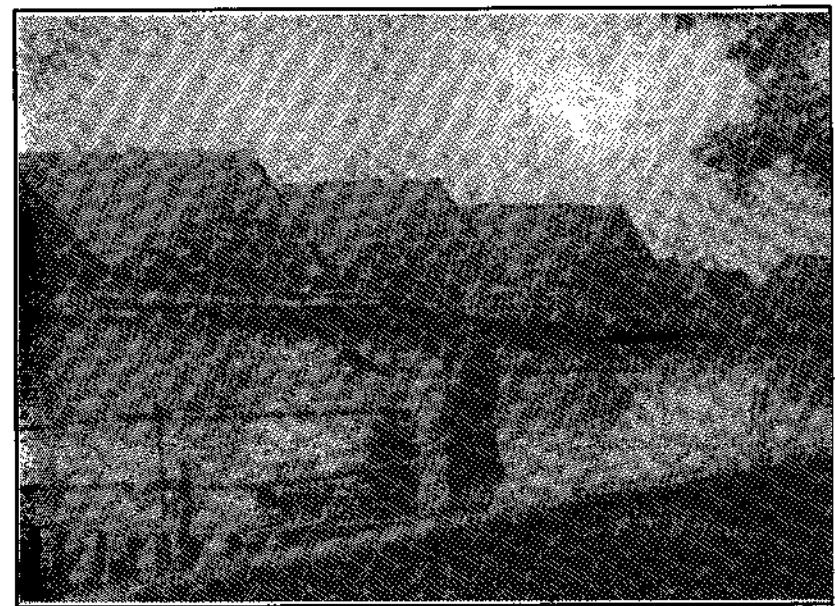
- Vĩnh-Lợi 44.784 mẫu-tây
- Cà-Mau 521.000 —
- Vĩnh-Châu 31.688 —
- Giá-Rai 107.531 —

Năm 1957, quận Phước Long thuộc tỉnh Rạch Giá (bây giờ là Kiên Giang) được sáp-nhập qua Bạc Liêu (trong khi quận Cà-Mau trong tỉnh đã đổi thành tỉnh), chia ra 4 quận:

- Vĩnh-Lợi
- Vĩnh-Châu
- Giá-Rai
- Phước-Long

Tám năm sau, tỉnh Bạc-liêu bị chính-phủ Ngô-đình-Điệm bãi bỏ đi. Do sắc lệnh số 143/NV ngày 25-10-55 bốn quận kè trên đã sáp-nhập với Sóc-trăng thành ra tỉnh Ba-xuyên. Tỉnh lỵ Bạc-liêu trở thành quận lỵ Vĩnh-Lợi. Tỉnh Cà-mau thì đổi tên là An-Xuyên. Rồi năm 1961, nghị định số 244/NV ký ngày 24-12-61, lại rút quận Phước-Long đã sát-nhập tỉnh Ba-xuyên mà đem vào địa phận tỉnh Cửu-long mới thành-lập.

Tu muối ngày xưa



*Tu muối nằm dọc theo bờ sông quận Vĩnh Lợi (Bạc Liêu)
Vì bị chiến tranh tàn phá, nay không còn nữa!*

Ảnh sưu tầm

Những cuộc thay đổi danh-từ và ranh giới đều do một ý định : thủ tiêu các tàn tích của thời-kỳ thực-dân đô-hội. Dụng ý vẫn có hay, nhưng vì không nghiên-cứu kỹ, nhằm mục-dịch tuyên-truyền chính-trị hơn là nghĩ đến sự thiết-thực tiện lợi cho quần chúng, chính-phủ Diệm đã động phạm đến luật tự nhiên. Rốt cuộc, vẫn phải trở về đường lối cũ.

Kể từ ngày 1-10-64, tỉnh Bạc-liêu được tái lập do sắc-lệnh số 245/NV ký ngày 8-9-64 gồm 4 quận cũ, chia làm 5 tổng, 17 xã :

Vĩnh-Lợi	{	rút lại của tỉnh Ba-Xuyên
Vĩnh-Châu		
Giá-Rai		
Phước-Long	:	rút về của tỉnh Chương-Thiện

BỘ MẶT BẠC-LIÊU HIỆN THỜI

VỊ TRÍ – ĐỊA GIỚI

Tỉnh Bạc-Liêu nằm về phía đông nam Nam-Việt. Tỉnh lỵ Vĩnh-Lợi nằm về hướng đông của tỉnh. Phía bắc giáp tỉnh Ba-Xuyên (Sóc-Trăng và Chương-Thiện, đông và nam giáp biển Nam (Nam-hải), tây giáp tỉnh An-Xuyên (Cà-Mau) và Kiên-Giang (Rạch-Giá).

DIỆN TÍCH – DÂN SỐ

Diện-tích toàn tỉnh phóng độ trên 238.000 mẫu tây. (*)
Dân-số lối 257.154 người. Trong số ấy có 46.552 người Việt gốc Miền, 21.543 người Việt gốc Hoa và một ít ngoại-kieu.

(*) Diện-tích toàn tỉnh ngày nay, so với năm 1917 chỉ còn 1/3.

1) QUẬN VĨNH-LỢI :

Diện-tích : 35.172 mẫu tây
Dân-số : lõi 80.622 người

Nằm dọc theo bờ Nam-hải, quận-ly đặt tại xã Vĩnh-lợi tức chúa-thành Bạc-liêu hiện tại, quận Vĩnh-lợi gồm có 1 tổng là tổng Thạnh-hoà, và 5 xã chia làm 59 ấp :

Xã Vĩnh-lợi dân số	45.853 người
— Hoà-bình —	9.591 —
— Long-thạnh —	9.019 —
— Hưng-hội —	8.429 —
— Vĩnh-trạch —	7.640 —

Riêng về thị-xã Bạc-liêu, dân số tới 40.000 người (đó là chưa kể quân-nhân và gia-dinh bình-sĩ). Mật độ trung-bình 825 người sinh sống trên 1 cây số vuông.

2) QUẬN VĨNH-CHÂU

Diện-tích : 37.060 mẫu tây
Dân-số : 50.157 người

Địa phận Vĩnh-châu là một phần đất cũ của quận Vĩnh-lợi được tách rời ra, toạ lạc ở phía đông tỉnh Bạc-liêu, chạy dọc theo bờ biển Nam. Quận-ly đặt tại xã Vĩnh-châu, gồm có 1 tổng Thạnh-hưng chia làm 5 xã, 38 ấp.

Xã Vĩnh-châu	12.615 người
— Vĩnh-phước	12.729 —
— Lai-hoà	10.134 —
— Lạc-hoà	9.261 —
— Khánh-hoà	5.397 —

3) QUẬN GIÁ-RAI

Diện-tích : 109.119 mẫu tây
Dân số : 86.948 người

Địa-phận quận Giá-rai giáp ranh tỉnh Chương-thiện, An-xuyên và biển Nam, nằm về phía tây nam tỉnh Bạc-liêu trên quốc-lộ số 4, giữa đường Bạc-liêu đi Cà-mau. Quận-ly đặt tại trung-tâm diêm của quận tại xã Phong-thạnh, gồm có tổng Long-thủy, chia làm 5 xã, 94 ấp.

Xã Phong-Thạnh	23.722 người
— Vĩnh-Mỹ	12.295 —
— Long-Điền	22.174 —
— An-Trạch	14.358 —
— Vĩnh-Hưng	14.399 —

4) QUẬN PHƯỚC-LONG

Diện-tích : 56.800 mẫu tây
Dân số : 39.448 người

Quận Phước-Long nằm giáp ranh 3 tỉnh An-Xuyên, Kiên-Giang và Ba-Xuyên. Gồm có hai tổng : Thanh-Bình và Thanh-Yên, chia làm 4 xã, 39 ấp.

Xã Phong-thạnh-tây	5.791 người
— Ninh-thạnh-lợi	7.554 —
— Phước-long	6.483 —
— Vĩnh-phú	19.620 —

ĐỊA-CHẤT

Toàn-thể tỉnh Bạc-Liêu là đồng bằng, không có núi non, nhưng sông rạch và kinh đào chằng-chịt.

Vùng quận Vĩnh-Châu và Vĩnh-Lợi đất cao liền lạc và sát biển phù-sa, có nhiều giồng cát dài theo mé biển Nam ; từ bắc xuống nam là nơi trồng-trọt rất tốt, thuận cho sự chăn nuôi ; có vườn cây trái, nhất là nhãn ngon có tiếng.

Dân-cư ở miền này hầu hết là người Miên. Phía nam Bạc-Liêu, ruộng dọc theo bờ biển đất sét cứng rất tốt để khai thác nghề làm muối.

Vùng Giá-Rai và Phước-Long trước kia đồng lầy mênh-mông, đất phèn và đất phèn pha trộn, có nơi thấp hơn mặt nước, nhờ hải-lưu ở Thái-Lan chuyển đất bùn đến bồi cao dần; đồng thời dòng nước Cửu-long-giang cũng cuốn đất phù-sa tận cao-nghuyên Tây-tạng đem đến tăng thêm phần màu mỡ. Gió mùa từ vịnh Thái-Lan thổi vào làm nước trộng hăng niên, nên gọi là láng biển. Biển ngày xưa là vùng rộng lớn gồm Cà-Mau (nay là An-Xuyên), U-Minh và Phước-Long.

Nhiều rạch bắt nguồn từ láng biển tủa ra khắp nơi không có đường phân nước. Đất Bạc-liêu được làm thành trong thời-kỳ yên-tịnh của trái đất (đệ-tứ nguyên-dai) vì người ta không thấy các núi cao hay những loại cá của những nguyên-dai trước. Như vậy sự sống của sinh vật không phải là xưa lắm.

SÔNG NGỜI

Bạc-liêu không có núi đồi, chỉ là cánh đồng ruộng mênh-mông. Mặt đất chỉ cao hơn mặt biển 4 thước. Đồi lại có nhiều sông rạch.

Sông rạch Bạc-liêu bắt nguồn nơi vùng đồng lầy Cà-mau, chia ra hai nhóm :

a) NHÓM CHÀY RA NAM-HẢI

1) Sông Gành hào 55 cây số, nước chảy mạnh, hai bên có nhiều đất đai mới khai phá. Có các nhánh là rạch Giồng ké, rạch quan lộ, rạch Nhà thờ, rạch Cái keo, rạch Gốc v.v...

CỘ LÚA VỀ SÂN



Các nhà nông đều lợ vé hân hoan, đua nhau ra đồng gặt lúa, bó lại từ bó, để lên chiếc cộ, cho xe trâu kéo về sân.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

- 2) Rạch Bạc-liêu 35 cây số nhập với rạch Cồ Cò.
 3) Rạch Cồ Cò 18 cây số từ nguồn đến sông Mỹ-thanh, hay khúc trong đất liền và khúc trước khi chảy ra biển, từ cây số gọi là sông Mỹ-thanh cũng gọi chung là sông Mỹ-thanh (70 cây số) với các nhánh : rạch Lé, rạch Bạc-liêu, rạch Trà-nho, rạch Trà-niêu, rạch Trà-teo.

Hai bên rạch Bạc-liêu, rạch Cồ Cò và sông Mỹ-thanh, ruộng đất phì nhiêu, dân cư trù phú.

b) NHÓM CHÁY RA SÔNG BA-THẮC (BASSAC)

Nhóm này toàn là rạch nhỏ của rạch Ba-xuyên, đều chảy ra sông Ba-thắc (thường gọi là sông Hậu tức Hậu-giang).

Rạch nhỏ, rạch nhánh ở Bạc-liêu rất nhiều không kẽ xiết.

Các sông rạch và kinh đào ở Bạc-liêu đều thông thương với nhau, vì có nhiều rạch nhánh và kinh nhỏ nối liền ; hoặc các sông xuyên qua nhau, nên sự đi lại bằng đường thủy rất tiện bằng tam bản, ghe buồm, tàu nhỏ, nhất là sử dụng các loại máy ho-bo (hors bord) hoặc đuôi tôm.

Tàu lớn khó lưu-thông vì cửa sông có nhiều cồn cạn và trong sông cũng không được sâu đồng đều, khúc hẹp thì sâu, khúc rộng thì cạn, nước ròng có thè lội qua được.

KINH ĐÀO

Tỉnh Bạc-Liêu tuy có nhiều sông chằng-chịt nhưng cũng không đủ sức tháo nước phèn và giao-thông ; nên chính-quyền và các diền-chủ đã hợp-tác đào kinh bằng dù mọi phương-tiện.

Hai nhóm kinh đào, nhóm lớn ở phía tây, nhóm nhỏ ở phía đông.

a) KINH LỚN :

- 1) Kinh Bạc-Liêu — Cà-Mau 66 cây số, đào năm 1915.
- 2) Kinh quan-lộ Phụng-Hiệp tháo nước phía đông bắc tòng Long-Thủy nối liền An-Xuyên với Ba-Xuyên và Phong-Dinh, dài 140 cây số, 34 cây số thuộc địa-phận Bạc-Liêu đào năm 1915.
- 3) Kinh Quan-lộ Giá-Rai tháo nước phía tây tòng Long-Thủy, nối liền Giá-Rai — Chương-Thiện, 17 cây số, đào năm 1920.
- 4) Kinh Hộ-phòng — Quan-lộ 14 cây số đào năm 1931.
- 5) Kinh Bạc-Liêu — Ngãm Dừa nối liền Bạc-Liêu Chương-Thiện dài 28 cây số (— 5 cây số thuộc địa-phận Bạc-Liêu, đào năm 1925).
- 6) Kinh Lộ-Bẽ — Gành-Hàu, 18 cây số, đào năm 1925.

b) KINH NHỎ :

- 1) Kinh Giồng-Me chạy dài theo ruộng muối.
- 2) Kinh Bạc-Liêu — Bãi-Xau chạy qua Cái-Dầy, Phú-Lộc nối liền Bạc-Liêu — Ba-Xuyên.
- 3) Kinh Thạnh-Hưng cạn vì nhiều bùn, nối liền Bạc-Liêu — Vĩnh-Châu.
- 4) Kinh Trà-Nho, kinh Vĩnh-Châu — Cồ Cò nối liền xã Lạc-Hòa, Vĩnh-Phước, Vĩnh-Châu và Cồ Cò.
- 5) Kinh Vĩnh-Châu — Khánh-Hòa.
- 6) Kinh Vầm-Sắt và kinh Thị-Ngạm tháo nước từ Lạc-Hòa ra biển qua rạch Trà-Nhiêu và sông Mỹ-Thanh.

BỜ BIỂN

Bờ biển Bạc-liêu dài trước độ 350 cây số. Phần nhiều bùn lầy và nhiều cây cối, nhất là cây bần. Từ cửa sông Gành hàu đến cửa sông Mỹ-thanh có hai ba bãi cát, bờ biển thấp và phẳng; dân-cư làm muối, trồng trọt hoặc nuôi tép cá.

Bờ biển không có hải-cảng vì bùn lầy và cạn, chỉ có bến ghe nhỏ. Theo truyền khâu: Năm 1882, bờ biển còn

tại chợ chùa Cá Ông và chùa này ở tại mé biển. Năm 1926 bờ biển ở tại Xóm nhà mát (cách chùa Cá Ông độ 1.000 thước) nhưng nay bờ biển dang ra 300 thước cách chùa Cá Ông, tức là đất đã lấn nước biển 300 thước.

ĐƯỜNG SÁ

Đường sá tỉnh Bạc-liêu mỏ-mang rất khó-khăn, vì đất thấp và mềm. Tuy vậy, một số lớn đường sá thuộc tỉnh Bạc-liêu cũng được tráng nhựa và còn lại số ít cán đá xanh hoặc đất hầm.

QUỐC LỘ SỐ 4

Đường bộ: từ Bạc-liêu lên Sài-gòn 280 cây số, rộng 6 thước bè ngang.

Từ Bạc-liêu đến An-xuyên 66 cây số

— — —	Ba-xuyên	48	cây	số
— — —	Cái Dầy	6	—	—
— — —	Hoà-bình	11	—	—
— — —	Giá-rai	30	—	—
— — —	Định-thành	53	cây	số

Tỉnh-lộ 38: Cán đá xanh, bè ngang 4 thước

Đường bộ: từ Bạc-liêu đến Vĩnh-châu 30 cây số

— — —	Lai-hòa	13	—	—
— — —	Vĩnh-phước	24	—	—
— — —	Lạc-hòa	42	—	—
— — —	Mỹ-thanh	43	—	—

Hương-lộ 6 :

Bạc-liêu — Hưng-hội — Gia-hòa 14 cây số

Giá-rai — Gành-hàu 25 cây số

Giá-rai — Mỹ-diền 20 cây số

Đường duyên-hải: Bạc-Liêu, chùa Cá Ông, Vĩnh-Châu, Mỹ-Thanh 53 cây số, 4 thước bè ngang, đất hầm.

Số 7: Cây Bàng ra biển Vĩnh-Lợi 8 cây số.

KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT

KHÍ-HẬU tỉnh Bạc-Liêu mặc dầu nóng-nực và ướt-át, nhưng không quá oi-bức, nhờ có gió biển suốt năm và gió mùa nhiều hơn các tỉnh khác. Thời tiết cũng ít thay đổi và đột-ngột, nhiệt-độ thấp nhất 21° vào mùa mưa, cao nhất 36° vào mùa nắng.

Mưa khá nhiều, từ 1500 đến 2000 li mỗi năm.

Mùa nắng khí hậu khá độc, nước sông mặn đắng, nơi thiếu bóng cây hơi bùn lầy bốc lên, nhiều muỗi-mòng. Gió nồm hay gió mùa thổi từ tây nam sang đông bắc từ tháng tư tháng năm đến tháng 10, 11 dương lịch, từ Vịnh Thái Lan thổi vào ẩm-ướt. Đây là mùa mưa. Gió đông bắc thổi ngược lại từ tháng 10, 11 đến tháng 4, 5 dương-lịch khô ráo, không mưa hoặc ít mưa. Đó là mùa nắng.

Ngoài hai ngọn gió chính còn có gió trờ mùa báo trước sự thay đổi khí hậu. Người ta thường bị đau ốm vào khoảng này.

Gió nam, thổi từ nam qua bắc, nóng bức, báo trước mùa mưa sắp đến, mùa nắng sắp qua.

Gió tây, thổi từ tây sang đông, hơi lạnh, có khi gây giông tố, báo hiệu sắp có mưa nhiều, nước lụt. Mỗi năm gió tây thổi lại vào khoảng tháng 8 âm lịch.

Gió đông, thổi từ đông sang tây, khô ráo, thường bốc lên từng cơn gió lốc cuốn cát bụi mịt trời, thành những cây gió gọi là con trốt, nên gọi là gió chướng, khoảng tháng chạp và đầu tháng giêng âm lịch, báo mùa lúa chín và Tết đến.

Gió bắc, gọi trại là gió bắc, thổi từ bắc xuống nam, lạnh-lùng khô ráo, khoảng tháng chạp âm-lịch. Ngọn gió này làm cho bùn lầy mau khô, nước mau cạn, lá mau héo, lúa mau chín, trẻ con chóng lớn, người lớn chóng già.

Cảnh đồng quê xóm Cái Dầy



Những căn nhà lá của nông dân, ở dọc theo bờ kinh quốc lộ số 4, cách tỉnh lỵ Bạc Liêu 3 cây số ngắn.

Ảnh sưu tầm

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

THẢO-MỘC VÀ CÀM-THÚ



ÍN H Bạc-liêu do đất phù-sa tạo thành, nên đồng ruộng phì nhiêu. Không có rừng lớn và rậm nên không có nhiều loại thú rừng. Thuở xưa chỉ có một ít thú như cọp, mèo rừng, heo rừng, hươu nai, khỉ, lợ nòi, chồn đèn, chồn cáo cọc, ở theo rừng rậm.

Ở Bạc-liêu có nhiều rắn : hổ đất, hổ mây, mai gầm, rắn trun hai đầu, rắn lục xanh, lục lùa (rắn độc), rắn nước, rắn (hiền). Dưới sông có loài đèn (một giống rắn ở nước mặn), cũng có hai thứ độc gọi là đèn cườm.

Cũng có một ít sấu, loại lớn ở sông, loại nhỏ gọi là sấu cá ở bưng và lung. Lại có giống rái ở theo rạch và ruộng. Rùa còn khá nhiều ở các vùng lau sậy và cỏ mọc um tùm.

Các vùng Thạnh-hoa, Thạnh-hưng, Long-thủy có nhiều loại chim như : chẵn bè, gà dây, cò lông bông, le le, vịt nước, công-cộc, mỏ nháy, ốc cao, thằng chài, trich, quạ, diệc và nhiều loại chim nhỏ.

Bảy mươi phần trăm đất đai ở Bạc-liêu trồng lúa, độ 3% trồng trọt các loại bắp, khoai, rau cải v.v...

Tại quận Giá-rai có ít rừng tràm, nách dài, các loại cây già, cây mắm mọc theo sông Gành hào, nhưng thưa thớt.

Quận Vĩnh-châu có rừng mắm và bần mọc ở Cồn-nọc (thuộc xã Lai-hảo). Thường dùng cây mắm làm củi.

Phụ-biên

CÀ-MAU

*một quận xưa nổi tiếng của Bạc-liêu
và quận Năm-căn, nằm trong địa-phận
Cà-mau, tức An-xuyên nay.*

 RƯỜC khi được nâng lên hàng một tỉnh, Cà-mau trong 74 năm là một quận của tỉnh Bạc-liêu.

Lúc thoát tiễn chỉ là một cái trũng, nhờ có vịnh Xiêm-La (Thái-Lan) bồi đất dần dần lên cao thành một cánh đồng ruộng mênh-mông có đất phèn và đất phèn pha trộn, Cà-Mau không bao lâu đã biến thành một vùng trù-phù nhất nhì của miền Nam, thu hút càng ngày càng đông dân chung đến sinh cơ lập nghiệp.

Ở miền này, đến mùa gió nồm thì nước biển dâng lên làm cho nước mưa ứ đọng mãi hăng năm như ở Đồng Tháp Mười, và mọc đầy những cây dừa, tràm, vẹt. Vì nước đọng không chảy được, lá cây rụng lâu ngày mục nát làm cho thối nước và trở thành màu đen. Do đó, đồng-bảo gốc Miên thường quen gọi là « Khamau », nghĩa là một xứ nước đen, và người Việt-Nam ta biến âm thành « Cà-Mau ». Đến lúc người Pháp thôn tính Việt-Nam đặt nền đồ hộ, Cà-Mau lập thành một quận trực thuộc tỉnh Bạc-Liêu.

Sau khi hiệp-định Genève ra đời, Việt-Minh đến tập kết tại Cà-Mau trong vòng 6 tháng. Đến ngày 4-2-55 chánh-quyền quốc-gia tiếp thu vùng này, tổ-chức lại nền hành-chánh quận xã.

Ngày 9-3-56, theo sắc lệnh số 32/NV của chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hoa, quận Cà-Mau trở thành tỉnh Cà-Mau. Bảy tháng sau, sắc lệnh số 45/NV ngày 22-10-56 sửa đổi ranh giới và tên các tỉnh Nam-Việt, tỉnh Cà-Mau được đổi tên là An-Xuyên.

Cuốn sách này tuy chỉ nhắm riêng tỉnh Bạc-Liêu, chúng tôi vẫn phải dành một phần quan-trọng cho Cà-Mau vì, sự liên-hệ mật-thiết giữa hai tỉnh.

VỊ TRÍ — ĐỊA GIỚI

Đông bắc giáp tỉnh Ba-Xuyên và biển Nam.
Tây bắc giáp tỉnh Kiên-Giang và vịnh Thái-Lan.
Nam giáp Nam-hải.

DIỆN TÍCH — DÂN SỐ

* Diện-tích chung toàn quận (nay là tỉnh) là 490.640 mẫu tây, kề cả sông và rạch. Trong số này 122.920 mẫu thành ruộng, 3.356 mẫu trồng-trọt các thứ hoa màu cây trái, 167.961 mẫu rừng, và 101.125 mẫu cồn bỏ hoang.

Từ một quận của Bạc-liêu, sau khi được nâng lên hàng một tỉnh gồm có 6 quận :

1)	Quản-long	gồm	4 xã	49	ấp
2)	Thới-bình	—	4	—	43
3)	Sóng Ông dốc	—	3	—	30
4)	Cái nước	—	6	—	72
5)	Bầm doi	—	4	—	54
6)	Năm cẩm	—	2	—	24

* Dân số chung có 256.442 người, chia ra :

253.250	người	Việt	chính	tông
511	—	—	gốc	Hoa
2.681	—	—	gốc	Miên

Mực-dộ trung-bình : 50 người sống trên 1 cây số vuông.

SÔNG RẠCH

Phần chảy ra biển Nam :

- Sông Gành-hàu dài 51 cây số
- Sông Bồ-dề dài 10 cây số

Nước của các sông rạch đã giúp một phần lớn cho dân chúng sống nghè nồng và nghè hạ bạc. Nhờ sông rạch nối liền làm cho đồng ruộng bớt phèn và trở nên màu mỡ, việc thông thương tiếp tế được điều hoà.

BỜ BIỂN

Vịnh Thái-lan và bờ biển Nam-hải bao bọc miền duyên hải, thuộc các quận Thới-bình, sông Ông-đốc, Cái-nước, Năm-căn và Đầm-dơi là những nơi có nhiều nguồn lợi về hải sản.

Dân chúng sống nghè hạ bạc tập trung theo ven biển. Cửa biển sông Ông-đốc sau này có thể trở nên hải-cảng phồn-thịnh ở miền Hậu-giang. Tàu đánh cá ngoại-quốc thường đến mua cá chở sang Tân-gia-ha.

Các chiến-hạm của Hải-quân hoạt-động trên hải-phận này rất thuận-tiện, và các tuẫn đinh của Quan-thuế, Thủy-lâm cũng di-chuyển mau lẹ nên sự kiềm-soát rất chặt-chẽ dọc theo ven biển.

RỪNG

Các khu rừng ở Cà-Mau chiếm diện-tích 121.456 mẫu, là một nguồn lợi kinh-tế rất dồi-dào. Rừng gồm có các loại cây : đước, vẹt, dà, cốc, mắm, su, tràm, mõp, dừa nước. Hằng năm rừng sản-xuất một số lớn làm-sản trị giá hằng trăm triệu bạc. Rừng cũng giúp một phần lớn vùng này tránh khỏi nạn lụt.

Trên sông Ông-Đốc



Những ngư phủ hành nghề ngoài vòm sông Ông-Đốc
Tỉnh lỵ An Giang (Cà Mau)

Ảnh Cà Mau

NHỮNG NGUỒN LỢI – SỰ SẢN-XUẤT

NÔNG-SẢN

RƯƠNG đất lập trung nhiều nhất ở các xã Tân-Xuyên, Định-Thành, Hòa-Thành, Tân-Lộc (thuộc quận Quản-Long) ; Khánh-bình-đông, Khánh-bình-tây, Phong-Lạc, (quận sông Ông Đốc) ; Tân-hưng-tây, Tân-hưng-đông, Hưng-Mỹ, Tân-Hưng, Thuận-Hưng, Phú-Mỹ, (quận Cái Nước) ; Tân-Duyệt, Tân-An, Tân-Thuận, Tân-Hòa, (quận Đầm-Dơi) ; Tân-Phú, Thời-Bình, (quận Thời-Bình).

Diện-tích cấy lúa được 122.920 mẫu, diện-tích lập vườn làm rẫy 3.356 mẫu, hầu hết do người Việt khai-thác.

Mức sản-xuất trung-bình :

- Lúa mỗi năm 1 tấn 300 ký.
- Rau cải mỗi mẫu 2 tấn.
- Dừa mỗi mẫu 30.000 trái.

HẢI-SẢN

* Ở Cà-Mau việc đánh cá trên sông và dòng băng hằng năm được lối 10.000 tấn cá tươi và 8.000 tấn mắm ; việc đánh cá ngoài biển thi hằng năm được trên 1.500 tấn cá tươi đủ loại, ở trong khoảng từ 300 thước tời 40.000 thước cách bờ và dọc theo ven biển cửa Bồ-dề (phía Nam-Hải) dài đến ranh tỉnh Kiên-Giang (phía vịnh Thái-Lan). Hiện nay có trên 15.000 ghe đánh cá, không kể số ghe ở ngoài tỉnh đến (như ở Gò-công, Vành-cô, Trà-vinh, Ba-xuyên v.v...)

* Ngoài việc đánh cá ở ngoài biển khơi, dọc theo các cửa sông Gành-hàu, sông Cửa-lòn, mũi Bà-quang, Vành Rạch gốc, ngư-phủ còn dùng cách giăng đáy để bắt tôm tươi (tôm cỡ ngón tay trở xuống). Hiện nay có trên 3.000 miệng đáy. Số sản-xuất trung-bình mỗi năm trên 2.000 tấn dùng làm khô để bán vào thị-trường nội-địa.

KHOÁNG SẢN

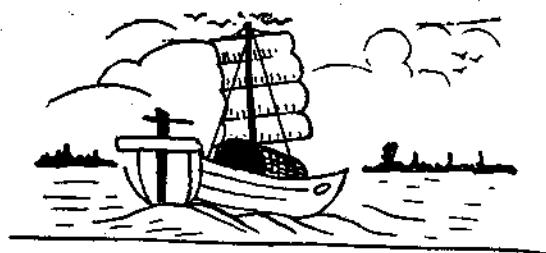
Tại xã Thới-bình có một nguồn lợi khoáng-sản gọi là «than đất» dùng rất tiện và cháy rất dượm, dễ cầm lửa. Nhưng khoáng-sản này chưa được khai thác.

LÂM SẢN

Các khu rừng tại quận Năm-căn và vùng U-minh-hạ, chiếm một diện-tích 167.961 mẫu là một nguồn lợi kinh-tế rất dồi dào. Rừng gồm có các loại cây dược, vẹt, dà, mắm, cốc, su, tràm, mổi, lá dừa nước, sáp và mật ong.

SỐ THAN SẢN XUẤT	SỐ TIỀN THÂU ĐƯỢC
Năm 1956 30.473 tấn 370	14.406.190 \$
Năm 1957 36.853 tấn 780	21.116.505 \$ 19
— 1958 (sáu tháng đầu năm)	
25.745 tấn 023	14.841.918 \$ 39

Hiện nay trong toàn tỉnh có tất cả 634 lò than, tập trung tại hai quận Năm-căn và Đàm-dơi.



NĂM-CĂN MỘT TRONG SÁU QUẬN NỔI TIẾNG CỦA CÀ-MAU

N

Ói đến Cà-mau, chúng tôi không thể không đề-cập quận Năm-căn, một vùng mới khai thác đã chiếm một địa-vị quan-trọng về kinh-tế và có những diêm lịch-sử đáng lưu-tâm.

Thành-lập ngày 2-4-1956, lấy tên xã Năm-căn làm tên quận lỵ, quận Năm-căn ở tận mũi Cà-mau là vùng duyên hải vừa là quận bìa của tỉnh An-xuyên (Cà-mau), vừa là quận chót hết của nước Việt-Nam, nghiêm nhiên là vựa than dược của tỉnh An-xuyên; cung cấp than chum cho cả miền Nam-Việt.

VỊ TRÍ

Năm-Căn nằm ở chót mũi Cà-Mau, đồng giáp quận Đàm-Dơi, tây giáp quận Cái-Nước và vịnh Thái-Lan, bắc giáp quận Cái-Nước, nam giáp biển Nam-Hải. Diện-tích : 71.000 mẫu tây. Gồm có 2 xã : Xã Năm-Căn và Viên-An.

DÂN SỐ

Xã Năm-Căn có 6.721 người, chia ra 6.591 người Việt, 130 Hoa-kiều. Xã Viên-An có 4.494 người, toàn là người Việt. Tổng cộng toàn quận : 11.215 người.

SINH HOẠT

Cũng như ở hầu khắp nơi trên lãnh thổ Việt-Nam, Hoa-kiều mặc dầu là thiểu số, vẫn chiếm ưu thế trên thương trường. Họ chuyên nghề thương-mại, lò than, chỉ có một số ít làm nghề rẫy báy.

Người Việt ở Năm-Căn sống về nghề chài lưới, làm cùi, kỹ-nghệ than, làm muối, cũng có một số đã ra tranh thương với Hoa-kiều.

Trước năm 1945, trong quận Năm-Căn chỉ có tiêu công nghệ lò than, phần nhiều do Hoa-kiều làm chủ, người Việt chỉ làm cùi bán cho họ. Gần đây, người Việt mới dừng lên xây lò làm chủ, và hiện nay chủ lò Việt-Nam nhiều hơn Hoa-kiều.

Ruộng lúa : quận Năm-Căn toàn là rừng sát, quanh năm nước mặn nên không làm ruộng được; chỉ nơi đất rầy theo sông Bãi-Háp, nơi nào trũng sâu, người ta mới cấy chút ít lúa. Tính chung chỉ có lối 10 mẫu ruộng.

Vườn rẫy : xã Năm-Căn có chừng 222 mẫu đất rẫy nằm theo sông Bãi-Háp và rạch Cái-nháo, trồng dưa, bí, bầu, khoai, đậu, đồ hàng bông. Số sản-xuất mỗi năm được chừng 30 tấn bầu, bí, dưa, 15 tấn khoai, 10 tấn đậu, 1 tấn rau cải, hành, hẹ.

Thương-mại : Chỉ có một ngôi chợ duy-nhất tại quận lỵ, cất hồi năm 1955 bằng cây lợp thiếc, dài 20 thước, rộng 12 thước.

Toàn quận hiện nay có cả thảy 167 tiệm buôn lớn nhỏ. Tại thị-trấn Năm-Căn đa số tiệm buôn xây cất bằng cây và ngói, ở trong thôn ấp thì bằng cây lá.

Vùng Năm-căn được tặng là kho vàng đen vô tận, ghe thuyền vào ra chở than cùi tấp-nập nên việc thương-mại rất phát-dẠt.

Kỹ-nghệ : chỉ có 1 nhà máy cưa nhỏ để cưa cây vẹt, cây mắm, dùng tại địa-phương.

Tiêu công-nghệ : tại thị trấn có 1 lò thợ bạc, chỉ làm đồ vàng bạc ăn công chớ không có bán vàng. Có 2 trại xưởng đồ mộc để sửa ghe cộ. Quan-trọng hơn thì có công-nghệ làm tôm khô, cá mặn, ướp cá tươi bằng nước đá, chở lên Sài-gòn bán.

Ngư-nghiệp : số ngư-phủ toàn quận : 2857 người.

Vùng đánh cá : dựa mé Nam-hải và vịnh Thái-Lan chia làm 3 vùng :

1) Lưới biển đánh cá ngoài khơi từ Hòn khoai đến Hòn chuối.

2) Đáy biển bắt tôm tép tại cửa Ông Trang, Gò-công, mũi Rạch Tau.

3) Đáy sông rạch bắt tôm tép từ rạch Tau, rạch Gốc, vòng qua sông Bãi háp.

SẢN XUẤT HÀNG NĂM :

Tôm khô	120 tấn
Cá mặn	50 tấn
Cá gộc	120 tấn
Bong bóng cá	2 tấn
Các thứ cá khô	100 tấn
Cua biển	10 tấn
Phân tôm cá	200 tấn

bán về Sài-gòn, các tỉnh, hoặc xuất-cảng.

Lâm-sản : Năm căn có 71 000 mẫu rừng, chia làm 4 khu : rừng 354, 353, 355 và 534.

Hằng năm khai thác được :

— Cùi được hầm than : 240.000 stères cung-cấp cho các lò than trong quận.

— 50.000 stères cùi vẹt, bán làm cùi chum

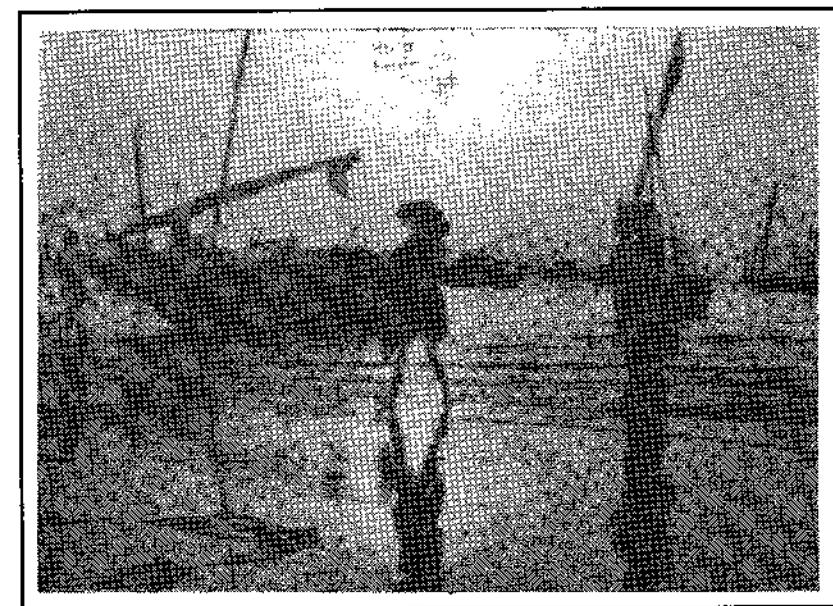
— Cây cất nhà : cây đước 300 thước khối
cây tạp lớn 480 thước khối
cây tạp nhỏ 10.000 thước khối.

Lò than : toàn quận có 634 miệng lò than, chia cho 268 chủ lò. Sản-xuất hằng năm 720.000 tạ than, cung-cấp cho Saigon và các tỉnh.

Thú rừng : Rừng xứ này có heo rừng, chồn, khỉ, lợn nái và trăn. Dân chúng gài bẫy bắt chồn và khỉ đem bán tại Saigon.



Cà Mau Ngư nghiệp



Các ngư phủ làm nghề chài lưới đánh cá,
thường tập trung ghe ngoài bờ biển Nam Hải.

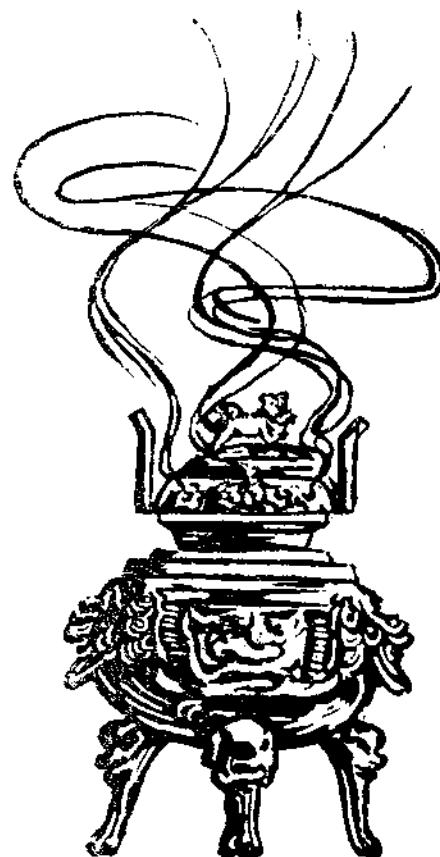
Ảnh sưu tầm

Phần thứ nhì :

DANH-NHÂN[^]

BẮC-LIÊU — CÀ-MAU

**ĐÃ TỪNG THEO CHÂN CHÚA NGUYỄN
VÀ KHÁNG PHÁP**



L

ược qua phần danh-nhân ở Bạc-liêu Cà-mau từ thời xa xưa đã đem xương máu đóng góp cho đại cuộc quốc-gia, hoặc dốc lòng hy-sinh lo việc khai hoang lập ấp cho đồng-bào địa-phương yên vui trong đời sống ấm no, hoặc trai trung gai liệt, bảo toàn tiết trong giá sạch, ta sẽ cảm-khai khôn cùng...

Chúa Nguyễn-Ánh trong lúc bôn-tầu vào Nam, và sau tái chiếm Phú-xuân thống nhất sơn-hà, có phải nhờ vào sự ủng-hộ của nhân-dân miền Nam, với kho lúa phì-nhiều ở vùng đồng bằng làm lương thực nuôi quân ? Có phải nhờ các danh-tướng anh-hùng tại đây hết lòng phò tá, không mang gian-nguy, vào sanh ra tử, dè làm sáng tỏ tinh-thần bất-khuất dân-tộc ?

Nói đến Bạc-liêu mà không nói qua vài nét chí-khí can-trường của các hào kiệt, mưu sĩ ở vùng này, là một điều thiếu sót lắm vậy.

Chúng tôi xin nêu các vị anh-hùng liệt-sĩ ở miền Nam đã từng theo chân chúa Nguyễn lập nhiều chiến-công hiền hách và liên tục tranh đấu đưa giống nòi đến chỗ vinh-quang, cường-thịnh.

Thiết-tưởng còn biết bao nhà ái-quốc chon-thành trong thời cận-đại, diêm-tô cho nền lịch-sử Việt-Nam, có công kiến-quốc và cứu-quốc, chưa được nêu-lên, vì sợ-e quá sớm. Xin bạn đọc thông-cảm, mà chính các sử-gia cũng đồng-ý với chúng tôi về diêm ấy.

Hồ-tướng Dương-Công-Trừng



Dưới bóng trăng khuya, võ-tướng Dương-Công-Trừng mài kiếm thép, khuôn phò Nguyễn-Ánh, trên đường bôn-tầu, tại huyện Long-xuyên (Cà-mau)

Ảnh tượng-trưng

I. HỒ-TƯỚNG DƯƠNG-CÔNG-TRỪNG



N G là người huyện Long-Xuyên (tức Cà-Mau ngày nay), nòi danh dũng-mãnh, được đương thời xưng tặng là «hồ-tướng nhà họ Dương». Bao nhiêu nhân-vật có tiếng võ nghệ ở trong vùng, đến thử sức với ông đều xin bái-phục.

Đinh-Dậu 1777, chúa Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần (sau truy дâng miếu hiệu là Duệ-Tông), cùng với cháu là Nguyễn-Ánh bị Tây-sơn đuổi bức, chạy xuống tận Cà-Mau. Ông cảm cảnh cho nhà vua, đứng ra chiêu-tập dân quân theo giúp. Chẳng may chúa Nguyễn-phúc-Thuần bị Tây-sơn bắt tại đây, rồi đem về Sài-Côn (tức vùng Sài-Gòn bây giờ) hành-quyết, ông càng quyết-chí ứng-hộ Nguyễn-Ánh trong cuộc chống đối Tây-sơn, nhận lấy chức Cai-cơ, rồi đổi làm Khâm-sai diều-khiển.

Dần dần tu chỉnh binh bị, đủ sức quật-khởi, ông từ Sa-Đéc đem binh hiệp với quân các đạo do chúa Nguyễn chỉ huy ở Hồi-oa, tấn-công Tây-sơn tại Long-hồ, rồi đánh thắng tới, thu phục lại thành Gia-Định.

Kỷ-Hợi 1779, khoảng tháng 3, Chân-Lạp có nội-loạn, ông cùng Đỗ-thành-Nhân phụng mạng di dẹp yên. Năm sau, có tù-trưởng ở Trà-Vinh dấy-loạn, ông với Đỗ-thành-Nhân cũng bình-dịnh được.

Quý Mão 1783, ông đóng quân ở Thủ-Thiêm. Tây-Sơn tấn-công. Ông sa cơ bị bắt. Chúng giam ông lại, dụ hàng. Ông ấm-ở cho qua буди, nhủ lòng sẽ tìm cơ hội tháo cùi sô lồng. Đã rắp tâm như thế, nên chẳng bao lâu ông trốn thoát, chiêu tập tàn binh hiệp với Nguyễn-văn-Nhân kéo sang Xiêm-La (nay là Thái-Lan), vì chúa Nguyễn-Ánh hiện lưu-vong nơi đó. Giữa đường, gặp Ngô-công-Quý, Lê-Thượng, Nguyễn-Tần phụng mạng chúa Nguyễn trở về dọ-thám tinh binh địch. Cùng nhau bàn định kế hoạch. Ông đưa ý kiến :

— Quân địch đang lúc thắng sanh kiêu, không phòng bị. Chúng ta hãy lén cất quân đánh chiếm Long-xuyên (Cà

mau) (1) lại làm nơi căn cứ đóng quân, rồi một mặt cho người sang Vọng-các báo cáo với Nguyễn-vương, một mặt mờ thêm quân để chuẩn bị tổng tấn công cho thắng-lợi.

Các tướng đều tán thành. Ngay hôm ấy, ông kéo quân về đánh úp Cà-mau, bắt sống được tướng địch, chiếm lấy cả đồn lũy. Thành-công, ông đóng quân tại đấy và sai thuộc tướng là Nguyễn-văn-Nhân sang Vọng-Các báo tin.

Nguyễn-Vương bảo cùng Nguyễn-văn-Nhân :

— Cà-mau là địa đầu đất Gia-định. Quân địch sẽ tranh lấy để có nơi dòm ra biển được, chờ chẳng khống. Vả lại, đất ấy đường thủy không tiện, đường bộ cũng thiếu nèo giao-thông, việc hành binh tiến thoái đều khó. Họ Dương cùng các tướng chỉ có một nhóm quân cò, thế yếu, lại ở vào nơi tuyệt địa, phỏng như quân địch xuất kỳ bất ý đánh áp đến,ắt là sẽ bị giết cả. Vậy, người hãy lập tức cho dời thuyền ra các hải-dảo xa để dò la tin tức địch xem sao, rồi sẽ định liệu.

Nguyễn-văn-Nhân nghe ra, vội-vã trở về. Vừa đến nơi thì tướng Tây-son là Phạm-văn-Tham kéo binh đến đánh. Đúng như sự dự đoán của chúa Nguyễn, Dương-công-Trừng không gìn-giữ, chết mất hai tướng là Nguyễn-Tần và Lê-Thượng.

Giữa lúc ông tìm đường trốn, bị Phạm-văn-Tham cho quân đón bắt được, giải về bắn dinh. Tham cười gằn, hỏi ông :

— Người, trước đã khứng về hàng với ta, ta đãi người không bạc-bêu gì, sao người lại phản phúc thế này ?

Ông ung-dung :

— Cực chẳng đã ngày trước ta ấm ó cho qua cơn khốn, há chịu khuất thân phục-vụ kẻ địch, trong khi chúa ta hẵn còn kia sao ? Ta bỏ đi mới là hợp nghĩa. Nay lại sa cơ, đành chỉ còn một chết mà thôi.

Phạm-văn-Tham cả giận, đem ông ra chém.

(1) Từ đây xin dùng danh-từ Cà-mau cho rõ-ràng hơn, không lẫn với Long-xuyên bây giờ.

2. NGÔ-CÔNG-QUÝ TẬN TRUNG GIÚP CHÚA



UNG như Dương-công-Trừng, ông quê ở huyện Long-xuyên (Cà-mau) và một lòng theo phò chúa Nguyễn-Ánh trong khi chúa bôn-tầu quanh vùng Bạc-liêu — Cà-mau.

Khi chúa Nguyễn chạy ra đảo Phú-quốc rồi sang Xiêm, ông theo hầu cận. Từ ấy, ông đóng vai gián-diệp, thường lén về vùng Cà-mau, Vĩnh-long, trà-trộn trong quân-cơ của địch để dọ-thám. Ông và Nguyễn-Tần, Lê-Thượng rất giỏi về mặt thu-nhặt tin-tức địch, nhờ đó chúa Nguyễn dẽ bèle hoạch-định chiến-lược đối-phò, dần dần đi đến thắng lợi.

Chẳng may khi Dương-công-Trừng gặp ông và Lê-Thượng, Nguyễn-Tần từ Xiêm về dọ-thám, cùng nhau kéo quân đánh chiếm lại vùng Cà-mau, chưa kịp tồ-chức gì thì đã bị Tây-son phảu-công ; ông chạy thoát, Lê-Thượng và Nguyễn-Tần đều chết trận. Dương-công-Trừng thì bị bắt chém. Thoát nguy, ông càng thận-trọng hơn, phục-vụ chúa Nguyễn rất dắc lực.

Kỷ-Vị 1799, ông giữ chức Trung-thủy-dinh Chánh-hậu-chi Hữu-khâm-sai, thuộc nội Cai-cơ, quản Thanh-châu-dạo. Bấy giờ lực-lượng Tây-son ở trong Nam đã tan vỡ hầu hết, ông lại khéo tồ-chức việc an-ninh, bình-dịnh nhiều vùng, khiến dân-chúng đều xưng phục công ơn.

Chúa Nguyễn càng ngày càng đem lòng tín-nhiệm ông, giao cho ông việc hộ-giá hoàng-thái-hậu.

Công-lao của ông rất dày. Việc lớn mươi phần đã xong đến tám, nhưng ông chưa kịp thấy ngày chúa Nguyễn lên ngôi hoàng-đế, thống-nhất sau-hà, thì đã bình-mất. Chúa Nguyễn thương tiếc khôn cùng, truy tặng ông chức Chưởng-cơ.

Đến năm Gia-long thứ 3 (Giáp tý 1804), ông được liệt thờ vào miếu Hiền-trung và miếu Trung-hưng công-thần.

3. TRẦN-PHƯỚC-CHẤT MỘT VÔ TƯỚNG THEO CHƠN CHÚA NGUYỄN



NG giỏi võ không kém gì Dương-công-Trừng, cùng nhau kết-nghĩa anh em, thề đồng sinh tử. Khi họ Dương ra giúp chúa Nguyễn-Ánh, ông cũng ưng nghĩa trợ lực.

Trong các cuộc đụng độ với Tây-sơn nơi Cà-mau, bao phen chúa Nguyễn thoát nguy, nhờ ở sự gan dạ và lòng trung-thành của ông, quyết tử bảo-vệ, nên chúa Nguyễn rất tin-cần ông, thường lưu ở bên cạnh, bàn việc cơ mật.

Liệu cơ chưa thề dàn trận chống đối với Tây-sơn nòi, chúa Nguyễn chạy sang Xiêm, ngụ ở Vọng-các. Ông cũng theo chúa Nguyễn sống cuộc đời lưu-vong, chờ ngày kéo về phục-cứu huyết-hận. Nơi nước người, ông vẫn lo rèn tập đám tàn binh, chiêu-mộ thêm quân-sĩ xung vào hàng ngũ.

Đến khi chúa Nguyễn đem binh từ Xiêm về, ông được phong Khâm-sai Cai-cơ. Nhưng số phần vắn-vỏi; qua vài trận giao-phong cùng Tây-sơn, ông bỏ mình trong trường xung-sát.

4. NGÔ-VĂN-LỰU BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG



NG cũng là người huyện Long-xuyên (Cà-mau), ứng mọ theo phò chúa Nguyễn-Ánh trên bước đường chạy loạn Tây-sơn. Hơn mấy mươi trận đương đầu cùng Tây-sơn, với tinh-thần quyết-tử, ông từng làm cho binh tướng Tây-sơn khiếp-dâng, những trận đánh ác liệt tại U-minh, Cái nước v.v...

Khi chúa Nguyễn sang Xiêm, chính ông đã chỉ-huy một toán quân đoạn-hậu, từng đợt đầy lui quân địch, đề chúa Nguyễn được an-toàn. Rồi đó ông cũng theo qua Xiêm. Những ngày tháng ôm hận lưu-trú ở Vọng-các, ông cùng bạn đồng hương là Trần-phước-Chất lãnh nhiệm-vụ tồ-chức lại đội ngũ, tuyển mộ thêm binh-sĩ để bồi xung lực-lượng.

Canh tị 1780, mùa hạ, ông giữ chức Cai đội. Toán quân do ông chỉ-huy từ khi ở Xiêm về, nổi tiếng thiện-chiến, đánh đâu thắng đó.

Đang lúc chúa Nguyễn chuẩn bị ra đánh Phú-xuân, ông bỗng vướng bệnh mà mất, không kịp thấy ngày đại định, giang-san thống-nhứt.

Tiên Sư Cổ Miếu



Bạc Liêu ngày nay còn di tích một ngôi Cổ Miếu,
tại ngã ba đường đi Cà Mau.
Thờ những bậc Tiên Bối có công khai hoang, lập ấp, dựng nước.
Các vị anh hùng liệt sĩ vị quốc vong thân.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

**5. NGUYỄN-HIỀN-NĂNG
TRI-HUYỆN NỒI TIẾNG THANH-LIÊM
MÃN-CÁN LỪNG DANH «THẦN-MINH»**

D

Ở I Minh-Mạng, viên tri-huyện Long-xuyên (Cà-mau là Nguyễn-hiền-Năng rất được lòng dân chúng. Tánh ông cương trực, thanh-liêm mẫn-cán. Từ lúc ông đến trấn nhậm, bao nhiêu điều oan khóc tinh tệ trong dân gian đều được ông minh-chánh xét xử, nhân dân điều cảm đúc đội ơn ; mà bọn cường hào ác bá cùng đám gian thương, trộm cướp cũng đều khiếp oai phong, không dám dám lộng hành.

Bấy giờ, có một nhóm buôn lậu, người Mân-Thanh, hay chở hàng hoá lậu đi đường biển vò Cà-mau mua bán. Ông đốc xuất toán quân tuần chặn bắt được, tịch thâu tàu buồm và tất cả tang vật. Chúng khẩn khoản xin dâng của lót trọng hậu, mong ông làm ngơ cho chúng, rồi sẽ còn đến ơn xứng đáng hơn nữa. Ông cương quyết bài trừ, không dung tha.

Du đảng của chúng lấy làm căm giận, trả mưu trả thù bão oán. Thừa dịp, đám Huê-kiều do Phủ-Liêm cầm đầu gây loạn, vì phản-uất vụ án cụ Tả-quân Lê-văn-Duyệt (xin xem ở phần thứ nhất đã có nói đến), bọn Mân-Thanh buôn lậu cho du-dảng của chúng trà trộn vào. Chúng kéo thẳng đến dinh quan huyện.

Ông đang bệnh. Được tin Huê-kiều gây biến, ông vừa toan sai cắt quân binh đi đánh dẹp thì chúng đã kéo ập vào dinh, mặt khác, chúng đã triệt hạ tất cả đám lính ở chung-quanh để chiếm huyện.

Trong gia-dinh ông có 3 người vợ và 2 người con trai. Người con trưởng giỏi võ và người vợ thứ ba cũng can đảm có thừa, lập tức ngăn chống mãnh liệt. Nhưng than ôi ! « Manh hổ nan địch quần hổ », ít không sao cự nỗi với một biển người bồ vây, sau khi đã chém giết được khá nhiều, dần dần bà vợ ba và người con trưởng của ông đuối sức, đành thọ hại. Thừa thế, chúng tàn sát cả gia-dinh ông.

Về sau mới biết, tên cầm đầu đám dư đảng Mân-Thanh buôn lậu vốn là người họ Quách. Từ ấy, bao nhiêu Huê-kiều họ Quách ở Cà-mau đều không sao cù-trú được trong vùng, nếu không tan gia bại sản đến nỗi phải bỏ đi chốn khác, thì rồi cũng bị học máu chết mà thôi. Tình-trạng ấy, khiến dân chúng lưu ý, rồi tiếng đồn vang xa, rằng ông hiền-linh trù diệt kẻ gian manh tàn ác.

Quan tỉnh phái binh về dẹp loạn. Đầu đó đã yên, một ngày kia dân chúng bỗng xôn-xao về tin ông đạp đồng lên, cho biết đã được Thượng-đế phong tặng « Thần-minh ».

Đám Huê-kiều nhốn-nháo khẩn-cầu giác-linh ông đừng giết các người họ Quách nữa, bằng năm sẽ cúng-tế trả lẽ, chẳng bao giờ dám quên. Ông nhận lời xin, và từ đó, họ Quách mới được ở yên làm ăn.

Mộ và miếu của ông ngày trước ở tại móng cầu Quây Cà-mau bây giờ, đến năm 1941 mới dời mộ ông về gần đình-thần An-xuyên (nay đổi lại là Tân-xuyên). Dân chúng chung nhau đóng góp xây cất ngôi miếu thờ ông phía trước mộ.

Hằng năm, ngày rằm và ngày 16 tháng 2, lễ cúng tế rất trọng-thê.

6. NGUYỄN-VĂN-ĐỨC TIỀN-HIỀN KHAI ÁP, LẬP XÃ VIÊN-AN



Xã Viên-an trong quận Năm-căn là xã có một lịch-sử đáng biêt. Nhất là bậc tiền-hiền đã mò-mang thành lập xã, ấy là ông Nguyễn-văn-Đức, thiết-tưởng đáng được lưu danh muôn đời.

Ngày xưa, xã Viên-an chỉ là một xóm nhỏ ở tại Cái-Xép, có từ trước khi chúa Nguyễn-Ánh chạy loạn đến đây. Bằng chứng là lúc chúa Nguyễn chạy đến mũi Cà-mau, vô trong ngọn rạch Xéo-Lá đồn binh, hiện nay còn nền đồn là di-tích cụ-thè. Và binh lính của chúa Nguyễn đóng đồn tại rạch Cái-Xép hiện cũng còn dấu vết : nơi đóng đồn ngày trước cây cổ không mọc được.

Lúc Lê-văn-Khôi, nghĩa-tử của đức Tả-quân Lê-văn-Duyệt, nổi loạn chống Nam-riều, chiếm xứ miền Nam (Quyết 1833), thì giặc Tàu ô (người ta quen gọi là giặc Chà-và) thường hay đến miền duyên hải đánh cướp tiền của và bắt đàn-bà con gái ; dân chúng phải chạy sâu vào nội địa cất nhà cửa ở đó trốn giặc.

Bấy giờ, trong vùng có ông Nguyễn-văn-Đức giỏi võ nghệ, độ lượng khoan-dung, hào-hiệp. Dân chúng làm than điêu đứng vì lũ giặc khuấy rối, ông dè đâu tha thứ phường hung bạo, bèn tò hợp tráng đinh trong vùng đi đánh dẹp bảo vệ dân lành. Ông đuổi tan đám giặc tại rạch Đốc-Neo (nay thuộc ấp Nhưng-miền).

Nhân-dân tỏ lòng quyến-luyến, xưng phục kinh mến ông. Thấy thế, ông cảm động dốc lòng hy-sinh cho dân chúng hơn nữa. Ông đứng ra đôn-đốc việc khai hoang, mở mang phong khí mới, thành-lập xã Viên-an, nghiêm nhiên là bậc tiên hiền, có công với nhân-dân Viên-an nói riêng, dân tộc nói chung. Vì từ sau ngày ông quy dân lập ấp, lập xã, ông cũng khéo tò-chức việc an-ninh, trật-tự, khiến đâu đều được êm đẹp, vui hoà.

Sau khi mất, ông được phong thần do sắc phong của vua Tự-Đức. Cháu chắt của ông hiện giờ hẵn còn tại ấp Cái-xép.

Xã Viên-an lúc đầu tiên chỉ có hai ấp là Cái-Xép và Ông-Định, số nóc gia chẳng có bao nhiêu. Lần lần dần chúng các nơi kéo đến thêm đông, cất nhà cửa ở làm nghè hụ-bạc và khai thác lâm-sản. Cho tới ngày nay, xã Viên-an được 10 ấp, dân số non năm ngàn người, quang cảnh thạnh mậu, đời sống khá sung túc. Các vị bô-lão trong vùng, mỗi khi nhắc đến vị tiên hiền Nguyễn-văn-Đức đều chẳng tiếc lời ca tụng tài đức.

7. TÔ-XUÂN, VỊ TU-SĨ NỘI DANH Ở QUAN-ÂM CỒ-TỰ



NG sanh-trưởng tại Cà-mau. Từ thuở bé, đã có lòng mộ đạo. Đến tuổi thành nhân, dáng người ông nho nhã, tánh nết thuần-hoà, lời ăn tiếng nói không nhiễm tục trần, nghe ra có vẻ tiên căn đạo cốt.

Thân-phụ ông định cầu hôn cho ông noi danh-gia thế-phicket. Nhưng ông đã phát tâm tu-trì, không tưởng đến việc hồng-trần thế-sự, nên thưa cùng nghiêm-thân xin hồi-hôn, cho ông được tròn ước-nguyện thi thân-tầm đạo.

Thân-phụ ông không nỡ tung ép chí con, dành chuẩn cho ông muôn thế nào tùy-ý. Từ ấy ông xuất-gia, cất một cái am nhỏ mà tu-hành. Nơi cất am chính là chỗ nền chùa bây giờ.

Trên đường tầm đạo, ông vẫn đề tóc chỏ không cạo như các tăng-sĩ, việc ăn mặc vẫn cũng như thường dân, duy nâu sồng bô vải, cốt giữ lòng trong sạch, chân-chánh là đủ.

Ơn trên gia-hộ, dần dần ông phát huệ, có được diền-linh, cứu bệnh độ người thường có điều ứng nghiệm. Xa gần nghe tiếng, thiên-hạ đến xin làm đệ-tử của ông ngày một nhiều. Rồi đó thiện-nam tín-nữ cùng góp của, góp công, cất nên một ngôi chùa gọi là « Quan-Âm-tự ».

Chẳng dè có người tên Đỗ-văn Viễn đem lòng ganh ghét, lén tận Gia-định mạch với quan trên :

— Có người tên Tô-Xuân, lâu nay ăn vương nương Phật, chính thật là gian đạo-sĩ, có phép sai đậu thành binh, toàn mưu phản nghịch. Xin lệnh trên kịp cho quân lính xuống Cà-mau bắt tên gian đạo-sĩ ấy cho chóng, kéo sanh biển to.

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

Tin bằng lời, quan trên phái một vị lãnh-binh dẫn quân đi hỏa-tốc xuống Cà-mau.

Trong khi quân binh chưa đến, ông đã hiểu biết việc chẳng lành sẽ xảy ra, liền họp các tín-dồ lại mà dặn bảo :

— Thầy sắp phải vương nạn lớn. Quân binh sẽ từ trên Gia-dịnh xuống tận đây bắt thầy. Phận thầy, rồi chẳng sao cả, khuyên các đệ-tử chờ đê lòng lo-lắng. Hãy siêng tu tâm dưỡng tánh, lòng ngay-thẳng kinh tưởng Phật, Trời, rồi sẽ được tròn quả phúc.

Các tín-dồ đều than khóc. Ông hết lời khuyên-giải, đoạn khiếu tín-dồ phải lui gót, ở đâu thì về đó, cứ yên phận tu-hành.

Đúng như lời ông đã thị-kiến, không mấy ngày quân binh kéo đến chùa, bắt ông đem xuống thuyền, giải di Sài Gòn. Mặc dầu có lời ông dặn bảo, các tín-dồ hay tín đều động lòng, ùng-ùng kéo xuống bờ sông, đứng trông vào thuyền chở ông mà than khóc.

Tại Sài-gòn, đạo hạnh của ông dần dần khiếu các quan trên kính phục, minh-xét cho ông đã bị người vu oan, bèn cho đưa ông vào an-duông tại chùa Kiêm-chương, chờ một thời-gian nữa sẽ trả tự-do lại cho ông và sẽ có sắc của triều đình phong cho.

Nhưng đã đến lúc ông dứt nợ trần ai : Ngày mùng 3 tháng 6 ông viên tịch tại chùa Kiêm-chương, không kịp thấy sứ triều-đình đem sắc phong cho ông làm hoà-thượng, được phép trụ-trì chùa Quan-âm tại Cà-mau.

Linh-cữu ông được chuyển về Cà-mau, an-tàng vào ngôi tháp hiện hấy còn.

Triều-đình có truy tặng ông một cây gấm liệm xác, 2 cây tích-trượng và một tấm bia.

Anh-hùng kháng Pháp : Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự



Thế-kỷ 19, tại rừng Cà-mau, anh em Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự và một số nghĩa-quân, oanh-liệt kháng Pháp, với tinh-thần bất-khuất.

Ảnh tượng-trưng

**8. ANH EM HỌ ĐỖ
ĐỖ-THỪA-LUÔNG, ĐỖ-THỪA-TỰ
OANH-LIỆT CHỐNG QUÂN PHÁP**

N

GOÀI các danh-nhân đã theo phò chúa Nguyễn-Ánh, và một vị tu sĩ đã được vua Minh-Mạng tưởng lèi dã kè trên, vùng Bạc-liêu — Cà-mau đến khi có gót sắt của quân đội Pháp xâm lăng vào đời Tự-Đức, lại được vinh diệu ghi tên hai anh em Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự.

Cuộc chinh-phục của Pháp quân bắt đầu. Bạc-liêu, cũng như nhiều tỉnh khác của miền Nam, đã tỏ tinh-thần bất-khuất của dân-tộc bằng những cuộc khởi-nghĩa chống xâm lăng, đem xương máu viết nên trang hùng sử.

Ngọn cờ khởi-nghĩa được dựng lên đầu tiên tại Cái-tàu, làng Khánh-An. Hai trang thanh-niên đầy nhiệt-huyết : Đỗ thừa-Luông và Đỗ-thừa-Tự, con trai của vị võ-cử-nhân Đỗ văn-Nhân, đã đứng ra qui tụ nghĩa quân kháng-chiến vào năm 1872.

Hùng khi có dư, hy-sinh không thiếu, dần dần anh em họ Đỗ lập nhiều chiến công oanh liệt, khiến quân Pháp phải khiếp-dám. Dưới sự chỉ-huy của anh em ông, nghĩa-quân từng đoạt được cả súng đại-bác của quân địch, mà đem bố trí tại vùng U-minh hạ, phản công lại rất hữu hiệu.

Nhưng trong tình-thế một phần lớn đất nước đã dần dần bị thôn-tinh, thêm hạng xu-mị dần dần cũng quá nhiều ngã theo ngọn cờ tam-sắc, lực-lượng kháng-chiến của anh em họ Đỗ dần hùng mạnh đến thế nào, vẫn khó cứu vãn toàn-thể đồng-bào, lãnh-thổ đã bị chà đạp dưới gót quân xâm-lược !

Tuy nhiên, *Anh-hùng tử khi hùng nào tử !* Tình-thần Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự muôn năm hăng sáng chói tinh Bạc-liêu.

9. NGUYỄN-THỊ-NƯƠNG, MỘT TIẾT-PHỤ ĐƯỢC VUA THIỆU-TRỊ TƯỞNG-THƯỞNG

Có hào-khiết, có anh-hùng, có tu-sĩ vang danh, Bạc-liêu há chẳng có phụ-nữ đáng trọng vọng ?

Sách « Đại-Nam nhất thống chí » phần ghi về lục tỉnh, huyện Long-xuyên (Cà-mau) vẫn có phụ-nữ đáng kề. Ấy là Nguyễn-thị-Nương.

Bà Nguyễn-thị-Nương quê ở thôn Tân-mỹ, có chồng là Lý-văn-Phước.

Dẫu là dân của xứ « quê mùa » như ca-dao vẫn hăng rêu-rao « Bạc-liêu là xít quê mùa », bà vẫn là người doan-trinh tiết-liệt, một đức-tánh cõi-truyền của dân-tộc Việt mấy ngàn năm văn-hiến.

Một hôm, nhân khi di cùng thuyền với người thân-thuộc của chồng là Trần-văn-Xung, Xung toan cưỡng-bức, bà cương-quyết không dễ thất-liết. Xung bóp cổ bà chết.

Quan địa-phương dâng sớ tâu về triều. Năm Thiệu-Trị thứ 3 (quỷ mão 1843), nhà vua truy-lặng tiết-phụ, tưởng-thưởng cho tông-tộc.

Chuyện vẫn là chuyện thường. Nhưng đây ý-nghĩa. Một Nguyễn-thị-Nương đủ để tượng-trưng tinh-thần liết-nữ Bạc-liêu. Gương tốt đẹp dã cổ, tự nhiên trong toàn tỉnh còn có biết bao điều tốt đẹp. Sử sách dẫu ghi chép không có mấy, nhưng xuyên qua một Nguyễn-thị-Nương, dã minh chứng một xù dẫu nỗi tiếng « quê mùa » mà nhân dân chất phác, đầy tinh-thần dũng-cảm (Dương-công-Trừng, Ngô-công-Quý là tượng-trưng), nghĩa-khí (Nguyễn-văn-Đức với công-nghiệp dẹp loạn, khai hoang lập xã), tiết liệt đáng ngợi biết bao nhiêu.

TẠM KẾT

QUÍ bạn đọc đã lãnh hội tinh-thần anh dũng, cương-nghị, của một ít danh-nhân mà chúng tôi suru-lầm được và trình-bày sơ lược chờ không đầy-dủ lắm. Tiếc vì những tài liệu các vị anh-hùng trên đây rất hiếm hoi, sử-liệu chỉ nói đại-cương chờ không dồi-dào như các vị anh-hùng khác, nên chúng tôi không thể nói dài dòng được, xin qui bạn đọc cảm thông cho.

Từ thời xa xưa trở lại đây, hẵn còn bao anh hùng chí sĩ, đã vì tiếng gọi của non-sông mà đứng lên kháng Pháp tại vùng rừng thiêng nước độc, ngã gục vì bình-tật, hoặc đền xong nợ nước nơi chốn rừng già, chôn vùi khí phách hiên-ngang, bao liệt-sĩ hữu danh và vô-danh ấy đáng được muôn đời tưởng niệm.

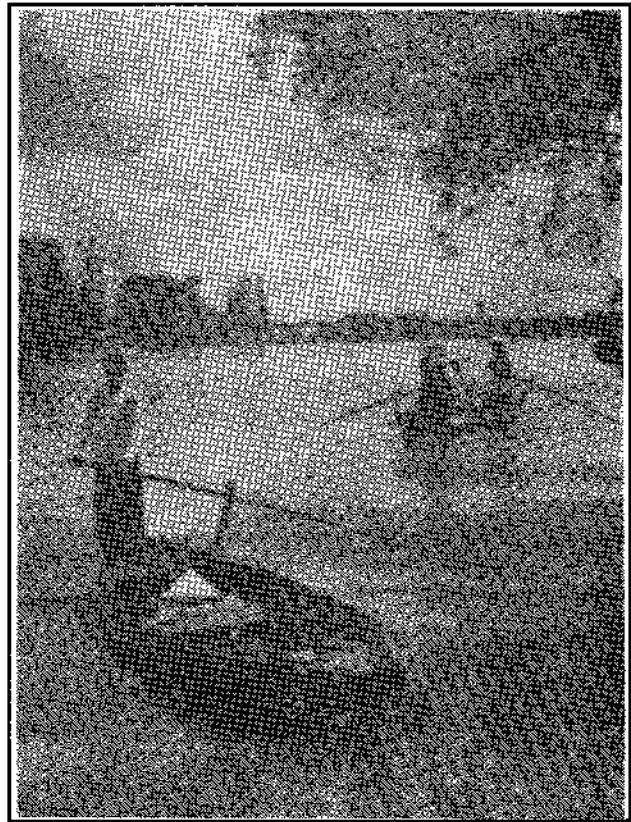
Thay vì nước nhà vẫn còn trong cảnh trạng bất-yên, nên các sứ-gia không ghi chép được đầy-dủ, chúng tôi dành cam thiêu sót với niềm án hận khôn cùng, miên-man thương cảm. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy có bỗn-phận gạch thêm mấy dòng ở nơi đây gọi là chút lòng thành, dâng nén tâm hương tưởng niệm anh-linh các liệt-sĩ còn mai một tánh danh trên đường phụng-sự cho dân-tộc, trong khi hy-sinh bảo-vệ cho đất nước.

Tổ-quốc sẽ ghi ơn những anh-hùng hẫu-công, đã vi-quốc vong-thân, với những trang sử oai-hùng được lưu-truyền mãi mãi.

Phần thứ ba :

**ĐỊA-DANH, GIAI-THOẠI
và HUYỀN-SỬ**

Cảnh đẹp Hậu Giang



*Trên sông Bạc Liêu, một thiếu nữ
nhẹ mái chèo lượt trên dòng nước bạc sang sông.*

ĐỊA-DANH

Bạc-Liêu là xứ quê mùa,
Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều-Châu

T

Á C-GIÁ mở đầu phần Địa-danh và huyền thoại của tỉnh Bạc-liêu bằng câu ca-đao được truyền tụng rất lâu đời ở miền Nam Việt-Nam, ấy là muốn cho những ai chưa biết Bạc-liêu hay chưa đến Bạc-liêu lần nào cũng hình dung được phần nào về đặc tính của địa-phương này.

Nhưng Bạc-liêu có phải là xứ quê mùa không ? Về điểm này đối với ngày nay, khi ánh-sáng văn-minh đã tràn khắp thành thành, làng xóm thì chuyện quê mùa kẽ như không thành vấn-dề nữa. Nhưng trả Bạc-liêu về thời-kỳ xa xưa, nghĩa là chừng nửa thế-kỷ trước, thì Bạc-liêu vẫn đúng với hai chữ «quê mùa». Vì thuở trước dân chúng Bạc-liêu từng sống với nghề nông và nghề biển, đời sống họ phần đông ăn liền với đồng quê.

Ai đã từng đi thăm ruộng lúa ở Bạc-liêu tất nhận thấy nh Bạc-liêu xưa và nay quả là một vựa lúa nhỏ, trong ai vựa lúa lớn của miền Nam Việt-Nam.

Tỉnh Bạc-Liêu từng sản-xuất ra nhà triệu-phú Trần-Trinh-Trạch có lúc dám cho chánh-phủ Pháp vay bạc, ấy ứng nhờ cái kho lúa minh-mông bát-ngát của tỉnh nhà.

Trên 30 năm trước đây, người ta thường nói đến các ay «công-tử Bạc-Liêu» như Dù-Hột, cậu Ba-Quy từng nổi tiếng như còn là «Hắc công-tử».

Như vậy Bạc-Liêu, thời xa xưa tuy quê mùa, mà nay o phồn-thịnh nhờ cái vựa lúa thiên nhiên của vùng đồng bằng trù-phú. Các tay công tử Bạc-liêu xài tiền như nước, ầm đốt giấy bạc để mồi xi-gà, dám lái máy bay đi thăm đồng lúa.

Sự kiện này đã làm cho Bạc-Liêu gây được một thời-oanh-liệt, ăn chơi suốt từ Nam chí Bắc, mỗi khi ngheanh «công tử Bạc-Liêu» là thiên-hạ phải thán phục về lối ai tiền đóm dáng.

Nói về cá chốt ở Bạc-liêu, ai cũng công nhận rằng địa-phương này có hăng hà sa số cá chốt, nó nhiều có thể nói là vô-dịch đối với các tỉnh từ Nam chí Bắc. Ai có đi tàu hay đi ghe trên sông Ba-thắc (thường gọi là sông Hậu-giang) hoặc sông Gành-hàu, muốn biết cá chốt nhiều hay ít, người ta cứ tiêu tiện đại trên sông, tức thi cá chốt nồi lên đặc ngầu lên sông, có người thấy chóng mặt hoặc không dám ăn cá chốt nữa.

Cá chốt Bạc-liêu đã nổi tiếng là nhiều vô-dịch không đâu bằng, nên rất dễ gợi cho người phương xa mỗi khi tới viếng Bạc-liêu trở về, đều không quên được cá chốt Bạc-liêu tức là sẽ nhớ mãi cái đặc điểm khác lạ của địa-phương này.

Bạc-liêu còn nổi danh là nhiều người Triều-châu. Người Tàu đến làm ăn sanh sống ở đây đã hơn một thế-kỷ rồi. Nhưng trong số này người ta thường phân-biệt người Triều-châu, người Hải-nam, người Quảng-dông v.v... đặc-biệt chỉ có người Triều-châu là chiếm đa số. Họ nhiều đến đỗi thấy người Quảng-dông hay người Hải-nam, người ta cũng coi là người Triều-châu.

Ngôn- ngữ thông-dụng ở đây nhứt cũng là tiếng Tàu. Ai muốn làm ăn buôn bán tại Bạc-liêu ngày trước mà không biết tiếng Tiều hay không rành tiếng Tiều là điều thiệt-thời lớn. Mấy mươi năm trước, tới Bạc-liêu, người ta đã có cảm-tưởng tỉnh Bạc-liêu là tỉnh đặc-biệt của người Triều-châu, giống như ngày nay người ta coi Chợ-lớn là thành phố của người Tàu.

Ngày nay, trải qua bao biến cố của đất nước, Bạc-liêu đã sống vững và trưởng-thành, nhưng trước nhứt Bạc-liêu không còn là xứ quê mùa như xưa nữa. Thú đến, Bạc-liêu không còn là tỉnh thành của người Triều-châu, vì trước sự tiến-hoa không ngừng của dân-tộc Việt-nam, thành-kiến cũ đã bị xoá tan : người Triều-châu không còn là đa số, cũng không là giềng mới của mọi sanh-hoạt hằng ngày.

Tìm hiểu danh-từ các quận Vĩnh-châu, Giá-rai, Năm-căn

VĨNH-CHÂU LÀ GIÌ ?



DANH-TỪ « Vĩnh-châu » có nghĩa là hạt châu tồn-tại muôn đời, nói lên lòng triu-mến của nhân-dân đối với vùng đất mến yêu.

Thông thường, người ta quen gọi Vĩnh-châu là quận Trà-Nho, do danh-từ « Chrui-Nhor » của Cao-miên là tên một giống cây mọc rất nhiều ở vùng này. Tuy nhiên, chính người Miên cũng không đồng ý với nhau về ý nghĩa của hai tiếng Trà-nho. Theo một truyền thuyết khác, Trà-nho do hai tiếng Miên « Chrui-Yor » có nghĩa là « Vịnh tử-thần ». Vì ngày xưa ghe thuyền nào vô ý vào cù bến Vĩnh-châu, là người trên thuyền đều bị một hung-thần vật hộc máu chết tươi ngay.

Theo truyền sử, Nguyễn-Ánh trên đường bôn-tàu, có đóng quân ở Cồn-dầm (nay gọi là Cồn-nóc), thuộc quận Vĩnh-châu, đặt tên chỗ ở là Mỹ-thanh. Nơi đây, ngày nay còn di-tích : nền thành đồn trú, giếng nước, chùa và dòng Thủ-yết.

HAI TIẾNG GIÁ-RAI

Về danh-từ quận Giá-rai thì thú vị hơn Vĩnh-châu nhiều, mộc-mạc đến thành ngô-nghe buồn cười.

Khoảng giữa thế-kỷ 19, từ Bạc-liêu đến Cà-mau không có lô và kinh thẳng. Sự giao-thông liên-lạc phải dùng các sông rạch thiên-nhiên quanh co khúc-khuỷu theo rạch Cái-hưu, Cây-gian, rạch Rắn, rạch Lộ-bé, trở ra nơi cách Hô-phòng chừng 800 thước. Khách qua lại thường gặp nhau tại khoảng rạch Cây-gian và rạch Rắn để nghỉ-ngơi và chờ con nước. Khách qua đường nghỉ-ngơi quan-sát phong cảnh chung quanh, nhìn thấy phía đông bắc rạch Rắn có xóm nhà xen lấn với từng chòm cây **Giá** mọc **lai rai**. Họ hỏi nhau :

— Xóm gì đấy ?

Người đối-thoại cũng mù-tịt chẳng biết gì hơn, cười mà nói dùa :

— Thì là... xóm « Giá lai rai » chờ gì.

Lần hồi người ta quen gọi như vậy và lâu ngày thành vẫn gọn lại là **« Giá-rai »**.

Đối lại, ở cách tinh ly chừng 4 cây số, có một xóm ở giữa vùng cây giá mọc um-tùm, người ta gọi xóm này là xóm **« Giá-râm »** để đối lại với **« Giá-rai »**.

NĂM CĂN TỪ ĐÂU MÀ CÓ ?

DỄN như danh-từ Năm-căn, kè ra cũng ngô-nghe mộc-mạc không kém gì giai-thoại về « Giá rai » trên đây.

Danh-từ Năm-căn bắt đầu có từ năm 1092.

Lúc ấy vùng này chưa có nhà cửa xóm làng, chỉ có một thiểu số đồng bào làm nghề săn thú rừng và hạ bạc, ở rải rác các rạch xéo mà thôi. Nơi vầm con rạch Tất đi qua sông Bãi-háp, con đường duy nhất để đi Cà-mau, lúc sơ khai chỉ có một trại đáy vốn vẹn cất năm căn. Kể qua người lại nơi rạch Tất ấy hỏi nhau :

— Rạch gì ?

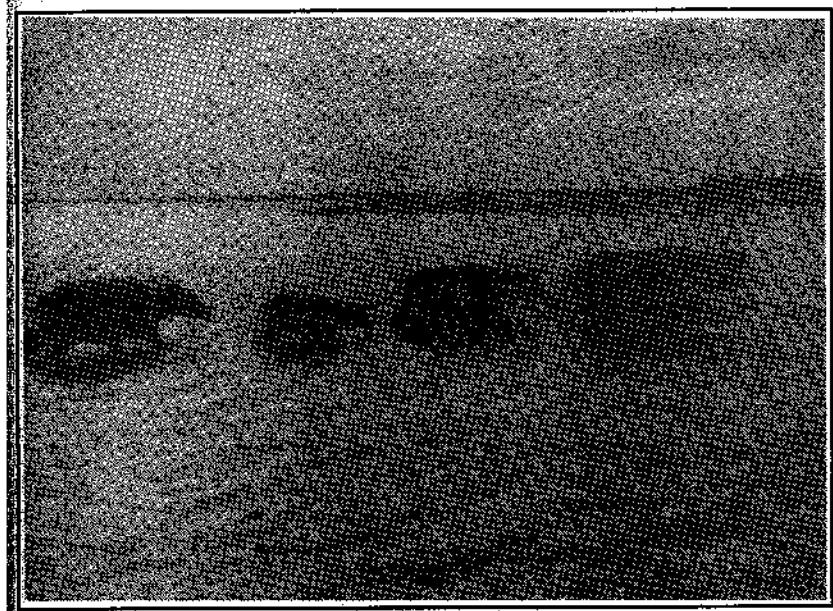
Kẻ đối thoại trong quang cảnh mà đáp phỏng mạng :

— Rạch trại đáy Năm-căn.

Lâu ngày, dân tời ở thêm đông thành xóm, người ta gọi ngay là xóm Năm-căn. Và tên Năm-căn..., đi vào lịch sử cho tới ngày nay.

Vâng, tên Năm-căn đáng được đi vào lịch-sử tời nay vì nơi chốn sơn cùng thủy tận này, khoảng năm 1935 từng hân hạnh được viên thống đốc Nam-kỳ là Pagès đi kinh-lý đấy. Và cũng chính Pagès cho nó và xã Viên-an gồm lại, thành lập làm phân quận hành-chánh, tùy thuộc quận Cà-Mau ; nay thì đã nghiêm nhiên là quận, trong khi Cà-mau được đưa lên lên hàng tỉnh.

Đồng Nọc Nạn



*Cảnh đồng ngập nước như bể cá, bầy trâu ung dung dong ruổi
giữa cảnh trời nước bao la.*

*Đặc biệt, nơi đây đã ghi lại lịch sử một cuộc đấu tranh đẫm máu
của những nông dân với viên cò Pháp, dưới thời thực dân.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

ĐỒNG NỌC NẠN

(QUẬN GIÁ-RAI)

DỒNG Nọc-Nạn có thể nói là một địa danh rất nổi tiếng trên địa hạt kinh-tế cũng như về mặt sanh-hoạt nông thôn.

Dẫu không ở tại Bạc-Liêu, nhiều người cũng diết danh Đồng Nọc-Nạn. Cái tên khô-khan và nôm-na này không phải tự nhiên mà có, Đồng Nọc-Nạn cũng không phải vô cớ mà nổi danh, sự thật nó là một huyền-thoại phát sanh gần một thế-kỷ rồi mà bất luận người dân quê nào ở quận Giá-Rai hay toàn tỉnh Bạc-Liêu cũng đều biết rất rành mạch.

Vậy Đồng Nọc Nạn được liệt vào hàng địa-danh của tỉnh Bạc-liêu hay của cả một miền Hậu-giang cũng không phải là quá đáng.

Đi thăm Đồng Nọc Nạn không phải là việc khó-khăn lắm. Chúng ta cứ theo đường Liên-tỉnh nối liền thành phố Bạc-liêu với thị-xã Cà-mau qua khỏi quận Giá-rai khoảng cách Bạc-liêu chừng 30 cây số ngàn, về phía tay phải, có một cánh đồng ngày nay trở nên mầu mỡ, phì-nhiêu. Nơi đó, ngày nay cũng trở thành xóm vườn đồng-đúc dân quê, nối tiếp với những thôn xóm lân-cận, đó là ấp Nọc Nạn thuộc xã Phong-thạnh, quận Giá-rai, tỉnh Bạc-liêu.

Cái tên Nọc Nạn xuất phát từ chỗ trước kia nơi này là một vùng sinh lầy rộng lớn đầy rừng tràm, choại, dòn, lau sậy chen-chúc nhau mọc dày, quanh năm chỉ có chim muông và rắn độc trú ẩn.

Vì sự sống hằng ngày, người dân quê đói khöh của vùng Phong-thạnh, Giá-rai phải chịu gian-khở, rủ nhau đem mồ-hôi sức lực ra khai phá cánh đồng sinh lầy.

Người dân quê đi khai hoang đến vùng này, muốn có chỗ che nắng dùt mưa, tránh rắn độc nên dựng lên những cái chòi. Bởi vì đất sinh đất dớn không thể cất nhà trệt như ở trên khöh, người dân quê phải chặt cây làm nọc đóng xuống sinh rào gác nạn bén trên làm sàn để cất nhà lên đó.

Công việc thật là gian-nan vất-vả, người dân quê phải tốn không biết bao nhiêu mồ-hôi, nước mắt ; kiên gan từ tháng này đến năm nọ. Công việc kéo dài suốt chín, mười năm trường, mới lần hồi biến được vùng đất sinh lầy, dày choai dớn trở thành cánh đồng màu mỡ gieo trồng được.

Nếu chỉ có như vậy thôi, thì cái tên Đồng Nọc-Nạn không thể trở thành một huyền-thoại, tờ đậm sự nhớ thương của mọi người, cũng như ấp Bình-an, Phong-phú.

Nhưng trải qua gần một thế-kỷ nay, người miền Nam biết đến Đồng Nọc-Nạn nhiều, nhắc-nhở đến Đồng Nọc-Nạn luôn, đó là do câu chuyện sau đây :

Vào khoảng 40 năm về trước, hồi Đồng Nọc-Nạn còn là bãi hoang, thì gia-dinh của ông cha một nông dân tên là Mười Chức, đã đi tiên phuông đến khai hoang ở đây.

Trải nhiều cực khöh, ông cha của Mười Chức và đám dân quê mới biến đổi được đất sinh thành ruộng lúa. Mọi người đang yên phận với cảnh sống chon lấm tay bùn trên đồng Nọc-Nạn, thì có một cường-hảo ở vùng Giá-rai, là một ông Phủ, đã lợi-dụng thời cơ dựa vào thế lực của thực-dân Pháp vào thời-kỷ đó, bằng cách vận-động đứng ra lập sở đè một Huê-kiều tên Bang T. đứng làm tấm bình phong, rồi xin đóng thuế với thực-dân Pháp để cướp đoạt đất dai do công lao của dân quê tạo nên.

Sau đó, ông Phủ cùng tên Mã-Ngân đem linh-tráng vào đồng Nọc-Nạn, tự tiện cắm trụ đá làm ranh đất, bắt hết thảy đám nông dân có công khai hoang phải ký giấy làm tá diền, mướn ruộng của tên Huê-kiều này.

Cái lối cướp đất ngang ngược này lại được thực-dân Pháp che chở và đồng-loã, nên ông Phủ (¹) kề như chiếm được đồng Nọc-Nạn rồi, hằng ngày ông cho linh-tráng đi doạ nạt dân quê, úc hiếp phải làm theo ý muốn của mình.

Trong số người không chịu được sự áp-chế của ông Phủ và những bất-công của thực-dân Pháp, có anh Mười Chức và một đám nông-dân. Họ đã nồi lén dùng gậy gộc dao mác chống lại viên cò Pháp Tournier cùng đám lính mã-tà, vì ăn tiền của ông Phủ mà biến thành tay sai, hằng ngày kéo vào đồng Nọc-Nạn uy hiếp dân quê để góp lúa ruộng.

Ban đầu cuộc kháng-cự của Mười Chức và đám nông-dân còn yếu-ót vì họ chỉ muốn biêu-lộ sự phản-uất một cách ôn-hoa cho viên cò Pháp phải rút lui. Nhưng, thực-dân Pháp và cường-hảo ác-bá thời đó, thường ý vào sức mạnh của đồng-tiền, của thế-lực và võ-khi, nên chẳng những họ không rút lui mà họ còn ra mặt đánh-đập bắt-bỏ dân lành.

Mầm công-phản nồi dày dùng-dùng, Mười Chức và đám dân quê liền đứng lên kháng-cự quyết-liệt.

Đồng Nọc-Nạn nghiêm-nhiêm trở thành sân-khấu của các cuộc đòn-áp, đấu-tranh dầm-máu. Kết quả, viên cò Pháp Tournier bị đám chết, Mười Chức cũng bị bắn chết trong cuộc giao-tranh, và nhiều người bị thương tích.

(1) Ông Phủ thời ấy là Ông Phủ Ng.v.H.

Tán kịch không phải tới đó đã hạ màn. Hồi ấy, một viên cò thực-dân bị đâm chết như vậy chẳng phải là một việc may cho dân chúng ; trái lại, là một tai họa tày trời đối với đám nông-dân ở Đồng Noc Nạn ! Thực-dân Pháp sai lính tráng đi ruồng bắt những người trong gia-dình Mười Chức. Các người em của anh bị bắt bớ, đánh đập tàn-nhẫn và bị đày ra Côn-đảo.

Một số nông-dân khác cũng dành cam chịu số phận lầm than nơi chốn lao tù ! Thế là cảnh đồng Noc Nạn rơi vào tay bọn cường-hào ác-bá.

Bây giờ, đồng Noc Nạn đã trở thành một địa-danh trú-tú, một cảnh đồng lịch-sử, do công khai hoang lập ấp của dân quê, nhưng than ôi ! những bản chàm lấm tay bùn ấy lại bị quân cường-hào ác-bá dùng quyền lực cướp mất.

Ngày nay, nhắc đến đồng Noc Nạn là gây sự xúc-động và căm-phẫn trong giới nhà nông, vì họ đã rõ biết bao mồ hôi, nước mắt để bồi đắp cho cảnh đồng Noc Nạn được phong-phủ như thế này.

Người đến Bạc-liêu, ít ai không đi thăm Đồng Noc Nạn.



Sa-Déc, Aug 12, 2015

GIAI-THOẠI

« CÔNG-TỬ BẠC-LIÊU » DO ĐÂU MÀ NỔI TIẾNG ?

B

A bốn mươi năm về trước, thuở tiền bạc dắt đǒ, ủa chỉ có 7, 8 cây một giạ, tỉnh Bạc-Liêu đã nổi tiếng là tỉnh giàu bạc nhất miền Nam, có lâm nhà triệu-phú về ruộng lúa, ruộng muối. Ngay trong lúc kinh-tế khủng hoảng lúa chỉ còn 0\$25 một giạ, đến nỗi cụ Bùi-thế-Mỹ tức nhà văn Lan-Đinh đã phải thốt mấy câu :

« Nghèo đến thẳng minh còn chạy quỳnh,
Giàu như ông Trạch cũng buồn hiu !

Ông Trạch tức là nhà triệu-phú Trần-Trinh-Trạch ở Bạc-Liêu. Kinh-tế khủng hoảng thì mặc kinh-tế, các tay công tử Bạc-Liêu vẫn cứ còn tiền xài « thả cửa ». Vàng, Bạc-Liêu là tỉnh trù phú, dân cư đông đúc, chợ búa mua bán tấp-nập, cũng là nơi nổi tiếng ăn xài, từng sản-xuất các tay công-tử năm mươi ngàn « đồ một trận cười như không ». Từ Nam chí Bắc đều nghe danh công tử Bạc-Liêu một thuở nào.

Thời thực-dân phong-kiến cai-trị, chúng buông thả cho dân chúng tha hồ chơi đủ thứ : bắt me, đá gà, tò-churc những hộp đêm buôn hương báu phẩm v.v... Nhất là tỉnh giàu như Bạc-Liêu thì dân chúng tha hồ hơn nữa. Có thể nói từ đồ tịnh (bốn bức vách tứ, sắc, tài, khí) người ở Bạc-Liêu phần đông đều vướng mắc, chẳng nhiều thì ít. Do đó, hàng con ông cháu cha sa ngã trong các mè hồn trộn, được thời nỗi danh « công-tử » đệ nhứt là « công-tử Bạc-Liêu » thì thôi, ai cũng ngán cái nước khuân tiền mà đồ sông đồ biển của họ.

Đây, thành tích ăn xài khét tiếng của các tay công-tử Bạc-Liêu hưu bạng :

Chính tại Bạc-liêu, người nỗi danh đầu tiên « công-tử số một » là Huỳnh-văn-Phước kêu là xã Dù-Hột (sau này là Ban-biện Hột), con ông chủ Chá. Ăn xài tại tỉnh nhà phung-phí có tiếng, là dân cậu, mỗi khi lên Saigon — tất-nhiên phải ăn xài hơn nữa — thì công-tử nhà ta càng trò ngón xài sao cho thiên-hạ đều kinh-nê. Ở thi ở các khách-sạn hạng sang như Continental, Majestic chẳng hạn. Ra đường, một mình đi chơi thì dùng đến năm ba chiếc xe kéo, chiếc chở nón, chiếc chở cây gậy (canne), chiếc chở cặp da, mắt kiếng v.v... Đánh bạc thi vò các nhà « xẹt » (cercle) lớn, dám đánh một cây bài đổi ba chục ngàn đồng bạc (nên biết là tiền bạc thuở lúa bảy tám cắc một giá), thấy công-tử Bạc-liêu xài tiền như nước ai ai cũng phải lắc đầu.

Công-tử Bạc-liêu đứng vào hàng số 2, sau Dù-Hột (Huỳnh-văn-Phước) kè trên, kè đó là ba anh em Trần-trinh Định, Trần-trinh-Huy ('). Trần-trinh-Khương, con ông Hội đồng Trần-trinh-Trạch. Gọi là số 2, vì đi sau « cậu » trước, kỳ thật về mức ăn xài lớn của cậu ba Huy chẳng nhượng gì Dù-Hột. Cũng đởm-dáng đủ điều, cũng phung-phí huy-hoát. Đến cái nước ganh-đua với một tay công-tử khác ở Mỹ-tho là Phước Georges, thi cậu ba Huy còn xài buông tay hơn nữa. Trong đêm tối, một bạn bè đánh rơi một vật chi noi xó kẹt chăng ? Lập tức Phước Georges lấy giấy con công (giấy bạc 5\$ thời trước) quết diêm đốt rọi cho bạn kiểm. Cậu ba Huy có mặt nơi đó há dễ chịu thua ? Thản-nhiên như không, « cậu »

(1) Ba người này mỗi người xài một cách khác nhau, nhưng có cậu ba Trần-trinh-Huy trong giới hảo-hoa đều biết danh cậu nhiều hơn hết.

móc ngay tấm giấy bộ lư (bạc 100 \$) hay gọi giấy « sảng » (cent) đốt tiếp. Ấy là chuyện diền hình hai tay công-tử Bạc-liêu và Mỹ-tho... tranh hùng một thuở chơi hoang. Và vì diện-mạo của hai người, Phước Georges trắng-trẻo, cậu Huy đen nám, thiên-hạ đặt cho danh hiệu là Bạch-công-tử ở Tiền-giang và Hắc-công-tử ở Hậu-giang.

Tại Bạc-liêu còn có thêm hạng công-tử ăn xài rất đúng cách và có óc bão thủ là Út Thượng, người này đã mất nhưng còn mang tên một con kinh trong diền kêu là kinh Út Thượng, tại diền của ông ngày nay.

Đại-khai cái danh « công-tử Bạc-liêu » là như thế. Mặc dầu vậy, chó tướng hàng công-tử ở tỉnh muối đều rặc-ròng thứ ăn chơi. Bên cạnh hạng công-tử Bạc-liêu (xài phà hoang phì) mà đời thường nhắc-nhở với ý tiếc rẻ, hãy còn một hạng công-tử Bạc-liêu đáng mặt hơn. Diền hình cho hạng sau này là Phan-kim-Cân, tay công-tử hào-hiệp, trọng nghĩa khinh tài, hiện nay còn ở Bạc-liêu.

Đã là công-tử Bạc-liêu, Ba-Cân cũng thuộc hạng bảnh về mặt ăn xài, có điều Ba-Cân chẳng khác một Đơn-hùng-Tiu thuở loạn Tùy sang Đường, hay đem tiền của trợ cấp cho những anh hùng hào-kiệt cõi thất cơ lõi vận. Biểm đặc biệt của công-tử Phan-kim-Cân, là có mắt xanh nhận biết trang lõi-lạc siêu-quần trong cơn phong-vũ trần-ai, và sẵn-sàng giúp đỡ cho. Nơi nhà Ba-Cân thường nuôi giấu các chí-sĩ cách-mạng. Chính Nguyễn-an-Ninh khi xuống Bạc-liêu đã được Ba-Cân tỏ dạ trọng-dãi vò cùng.

Xuyên qua hai hạng công-tử Bạc-liêu mà chúng tôi đề cập ở bài này, hẳn ai cũng nhận thấy cả về hai hạng ăn chơi vị-kỷ và hoang-phì có ý vị-tha, — phương-diện nào công-tử Bạc-liêu vẫn khác thường thiên-hạ. Bởi lẽ khác thường ấy, cái danh xưng « công-tử Bạc-liêu » tự nó đã hội đủ yếu tố để đáng được... ghi vào lịch-sử nhỉ ?

Điều nên biết thêm, cả hai hạng công-tử Bạc-liêu ấy, dẫu sao cũng danh chấn nhất thời mà thôi. Ngày nay gia đình xã Dù-Hột (diễn hình giới ăn chơi) và Ba-Cân (diễn hình giới hào-hiệp trọng-nghĩa khinh-tài) đều đã sa-sút nghèo-nàn. Dù-Hột nay đã mất, nhưng còn người chỉ là cô Hai Ngó đã chán-chê cảnh phù-hoa, gột rửa trân tâm phần nào mà hướng về nèo Đạo có lập một cảnh chùa tại Bạc-liêu, người sau là cậu Ba Cân còn sống phong-thái vẫn ung dung trong cảnh nhà cửa suy-sụp, nhưng tên tuổi vẫn còn để cho người đời nhắc-nhở. Âu cũng là bài học hay cho đời noi gương, xem đó trau tâm luyện tánh.

Tạo nghiệp đã dành là phải trả cho xong nghiệp quả. Nghiệp trắc ai mang nặng nhiều tội-lỗi sa-doạ, còn kịp có ngày giờ ăn-năn sám-hối thì hãy còn làm lại cuộc đời tốt đẹp được. Và vương mang nghiệp hào-hoa mà còn biết xét nét qua dĩ vãng trong hành-vi cử-động của mình, còn biết có lúc phải làm một đời điều phải đạo, phải lẻ, dẫu mai sau thất-vận, nợ trắc ai tay trắng trả vay hoàn tay trắng, hãy còn được đổi chút an-ủi chuỗi ngày tàn vây.

Nói đến đất Bạc-liêu mà không đề-cập đến các tay công-tử thời ấy là một điều thiếu sót, chúng tôi chỉ sơ lược qua vài nét của hai hạng công-tử đã nói trên, còn sự phê-phán xin nhường cho độc-giả, tác-phẩm thuộc về loại sưu-khảo qua nhiều khía cạnh vì lẽ đó nên không thể đi sâu chi-tiết về hành-động của một cá-nhơn nào, xin bạn đọc thông-cảm cho.



CHUYỆN BÀ MỤ TRỜI BỒ SANH CHO CỘP TẠI RỪNG CÀ-MAU

N

GÀY nay, tại tỉnh Cà-Mau, hầu hết đồng-bào ở đây còn truyền tụng câu chuyện bà Mụ Trời làm một việc bất đắc dĩ, mà cũng là một việc hy-hữu, tức là hộ-sanh cho cọp.

Cách đây gần một thế-kỷ (100 năm) Cà-Mau là một vùng đất phù-sa sinh lầy, gần như hoang vu. Dân cư thưa thớt, nhưng có nhiều thú dữ như cọp, minh và nhiều loại có nọc độc như trăn, rắn mài gầm, và rắn hổ v.v... còn muỗi thì nhiều vô số kê ăn cơm phải giăng mùng đốt ung mới có thể ngồi ăn được.

Vào thời đó, tại Rạch-Bản, thuộc quận Cái-Nước bấy giờ, có một bà rất nhơn đức, tên là Trần-thị-Hoa, tục gọi là Bà mụ Tư, làm nghề hộ-sanh. Thuở ấy hộ-sanh là một việc làm phước, không ai chịu lấy tiền công-đức, bởi vậy dân chúng thường tặng các bà hộ-sanh là mẹ sanh.

Thường lệ nơi đây, hễ mặt trời lặn thì ai ở nhà nấy, rồi cửa đóng then gài. Vì thú dữ quá nhiều, nên họ sợ...

Một bữa nọ vì phải giúp một sản phụ khó sanh, nên bà mụ Tư về muộn. Chủ nhà phải mượn bốn người trai tráng đưa bà. Về gần tới nhà, bỗng nghe tiếng cọp hót rất lớn làm mọi người hốt-hoảng, tay chun bún-rủn, người uất trong quần. Khi hoan hồn bốn tráng định thấy mắt bà mụ Tư thì quả-quyết bà bị ông thầy bắt ăn thịt. Vào thời ấy dân chúng rất sợ cọp, sợ hãi đến nỗi không dám gọi

dịch danh ông hồ hay ông cọp mà phải kinh cần gọi là ông thầy, có nơi còn lập miếu thờ cọp, nên bốn tráng đinh tất tả chạy về làng đánh mõ và thùng thiếc báo động. Dân làng được tin cọp loạn rừng, cùng nhau mang dao rựa và cung nỏ đi ruồng kiềm, nhưng vô hiệu quả.

Rạng ngày dân làng tiếp-tục đi tìm dấu cọp. Họ tiến gần đến nhà bà mụ Tư thì thấy dấu chun cọp, còn ràng-ràng trên mặt đất. Quanh nhà bà cũng thấy có dấu chun cọp, chứng tỏ hồi chiều hôm qua cọp có đến rình nhà bà. Thấy cửa hé mở, dân làng xô cửa bước vào nhà thì rất đỗi ngạc nhiên, họ thấy một người hình dạng giống bà mụ Tư đang nằm trên giường day mặt vô vách.

Nghe tiếng động bà mụ Tư giục mình ngồi ra ngoài. Quả thật là bà mụ Tư. Ban đầu dân làng ngồi là ma hiện hình, nhưng sau khi nghe bà lên tiếng thì họ mới hết sợ.

Một trong bốn tráng đinh đã đưa bà về nhà chiều hôm qua đánh bạo lên tiếng : «Rõ-ràng chiều hôm qua, chính mắt tôi trông thấy bà bị ông thầy bắt. Nhưng sao bây giờ bà còn sống ngồi ở đây ? Phải chẳng bà là ma hiện hồn ? Chúng tôi vái hồn bà có linh thiêng, xin đừng về đây quấy nhiễu, dân làng chúng tôi sẽ lập miếu thờ bà. »

Bà mụ Tư cười đáp :

— Nào tôi có chết chóc đâu mà đòi lập miếu thờ... Thật ra, tôi bị ông thầy bắt.., nhưng câu chuyện còn dài, mấy chú ngồi chơi, chờ tôi rửa mặt mày một chút cho bớt mệt, tôi sẽ kể chuyện lại cho mấy chú nghe.

Rửa mặt xong, bà ngồi lại kể chuyện : « Chiều hôm qua tôi đi dở để ở xóm trên rồi trở về, còn chừng hơn mươi sải nữa tới nhà, thỉnh lín tôi nghe tiếng ông thầy hộc lên dữ-dội, liền đó tôi bị lấn ngã, hòn via tôi lén mây, tôi bất tỉnh nhân sự không hay biết gì hết... Rồi tôi cảm thấy mặt tôi ướt ướt, bên tai tôi nghe tiếng rên, rồi thì tiếng gà rừng

gáy vang. Mở mắt ra tôi thấy nằm dưới đất gần bên bà thầy (cọp cái) đang chuyền bụng có vẻ đau-dớn lắm và coi mồi khó sanh. Lúc ấy không biết tại sao tôi hết sợ hãi. Tôi chỉ thấy có bồn-phận tận-tụy đỡ sanh. Dưới bông trảng khuya, tôi dùng phương-pháp đỡ đẻ cho người, mà giúp đỡ bà thầy hạ sinh hai con được khoẻ-mạnh. Sanh xong, «ông thầy» liếm tay tôi cho sạch huyết do rồi tha tôi về đây. Một quả tôi dề y nguyên quần áo như vậy mà ngủ thì mấy chú vô nhà làm tôi thức giấc.

Mọi người nghe bà mụ Tư thuật chuyện xong, thấy đều vui mừng, khen-ngợi bà ăn ở có đức lớn, nên Trời Phật độ mạng.

Bà nói :

— Nhờ Trời mà tôi thoát chết, nên mai này tôi sẽ cúng neo dè trả lê Trời Phật và luôn dịp mời bà con đến chia vui với tôi.

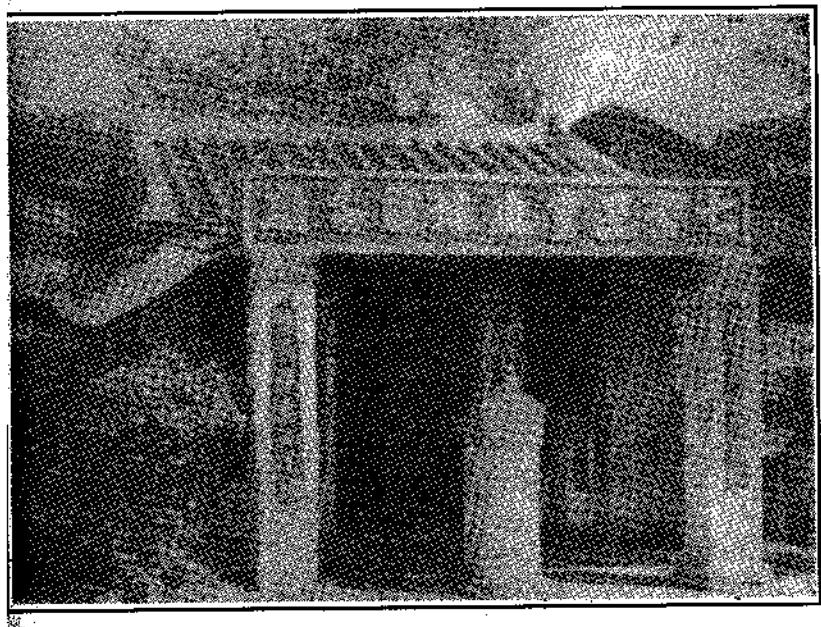
Sáng hôm sau, vừa mở cửa bà mụ Tư thấy một con heo rừng rất lớn nằm ngay trước cửa. Bà hoảng-hốt, nhưng xem kỹ thì thấy con heo rừng này đã bị cọp móc họng vừa mới chết.

Xóm làng hay được tin này đều bảo rằng đó là ông thầy đền ơn bà mụ. Bà nhờ lối xóm giúp tay ngã heo rừng cúng Trời Phật và dãi xóm làng. Mọi người không ngờ miệng khen-ngợi bà là con Trời nên mới dám đỡ đẻ cho « bà thầy » từ đó về sau ai nấy đều gọi bà mụ Tư là **Bà mụ Trời**.

Thỉnh-thoảng Hồ cũng mang biếu bà mụ Trời một vài con thịt rừng cho đến khi bà mãn phần.

Hiện nay đồng-bào vùng Bạc-liêu — Cà-mau còn truyền tụng chuyện bà mụ Trời là do tích hộ-sanh cho hồ cai,

Miếu Bà Cố



*Một ngôi cổ miếu xưa nằm cạnh nhà đèn Vĩnh Lợi.
Nơi thờ phượng này được đồng bào địa phương sùng kính.*

**MIỀU BÀ CỔ LINH-THIÊNG
VỚI QUAN CHÁNH THAM BIỆN
NGƯỜI PHÁP**



AI Bạc-liêu (Vĩnh-lợi) ngày nay ai đến bến xe đò, gần nhà đèn đều trông thấy một ngôi cò miếu vách gạch lợp ngói âm-dương rộng độ 20 thước vuông, dựng tại gốc cây đa cò thụ cành lá xum-xuê ngã ngon de tản bao trùm trên nóc miếu mát rượi cả ngày, gốc rễ mọc ra chấn-chịt thân cây ba bốn người ôm mới giáp. Ngôi miếu này do vị tham-biện người Pháp tên Boudineau trùng tu lại cách nay trên 60 năm dè thờ Thất-Thánh nương-nương, đồng-bào ở đây thường quen gọi là Miếu Bà Cổ. Trước kia miếu Bà nằm trong phần đất của toà Tỉnh-trưởng, cách dinh ông chánh chừng 200 thước, nhưng ngày nay theo thời-gian biến-chuyen, cò miếu này và gốc cây đa lại nằm trong vòng rào thuộc phạm-vi của Tư-lệnh Sư-doàn 21 bộ-binhh vùng IV chiến-thuật, mặc dầu cò miếu ở tại vị-trí cũ.

Hiện thời vào những ngày sóc vọng, đồng-bào bà-tánh tụ họp dè đót nén tâm hương chiêm ngưỡng thành kính sự anh-linh của bà, khôi hương nghi-ngút, đòi bạch-lạp sáng rõ trước linh-bàn như vầng nhật nguyệt.

Nhưng, cũng như tất cả những gì do bàn tay con người xây dựng ngôi cò miếu này non một thế-kỷ bền gan chịu đựng sự tàn phá của mưa nắng gió sương. Đứng trước cảnh rêu phong ngôi đền, vách lở tường long, chúng ta cảm thấy tắc dạ bùi-ngùi mà hồi-tưởng những truyện linh-thiêng hiền hách, do các bô-lão địa-phương thuật lại.

Xưa kia miếu này có một sự-tích hết sức ly-ky, mãi đến ngày nay dân chúng còn truyền-tụng.

Vào thời Pháp thuộc, cách đây hơn 70 năm, gần dinh quan Tỉnh-trưởng tức là dinh ông Chánh tham biện, gọi tắt là dinh ông Chánh, có một cây đa to, cành lá xanh tươi. Tại gốc đại thụ này có dựng một cái trang nhỏ, lợp bằng lá dừa nước, để thờ cốt bà. Nơi đây ngày đêm hương khói nghi-ngút. Dân chúng địa phương rất tin tưởng oai-inh cốt bà, nên mỗi khi đi ngang qua miếu, người người đều phải lột khăn giở nón xá bà, không ai dám thất lễ.

Ít lâu sau, ông chánh tham biện tức là chủ tinh Bạc-Liêu, nhận được nghị-định quan Thủ-đốc Nam-kỳ, dẹp mở rộng địa thế toà tinh trưởng và xây cất dinh chủ tinh lại bằng gạch để thay thế dinh cũ. Vì nơi rộng đất Toà tinh trưởng, thành-thủ miều bà nằm trong phần đất thuộc phạm-vi của dinh chủ tinh xa độ hai công đất.

Tánh người Pháp không muốn có dinh miếu cất trong đất ông chánh, nên gởi trát cho quận phải triệt-hạ miều bà và đốn cây đa. Quan chủ quận được lệnh đem dân đến đốn nhưng không ai dám phạm búa vào cây đa linh-thiêng này cả. Ông quận bèn trình lên quan chánh tham-biện Pháp đến thị-chứng. Ông này đến tận miếu bắt buộc phải đốn cây đa tức khắc. Dân làng sợ quá mới bầm :

— Bầm quan lớn, chúng tôi không dám phạm đến oai linh của bà, nếu quan lớn muốn đốn cây đa này thì xin quan lớn cầm búa chém vào cây đa ba búa trước, thi dân làng chúng tôi mới dám tiếp-tục đốn ngã cây đa.

Ông chánh thấy dân chúng quá tin-tưởng dị-doan, thừa dịp này ngài muốn làm cho dân làng bớt mè-tín, nên mạnh dạn hơii búa định chém vào cây. Bất-thần, trong đòn dân làng có một người nhập cốt xung danh Thất-thánh nương-nương, đồng-dạc bảo thắng với chánh tham-biện Pháp :

— Ta nói cho nhà ngươi rõ. Nếu ngươi ngang nhiên

đốn phá chỗ của ta ở, thì ta sẽ vật mấy đứa con trai của ngươi chết liền trước mắt !

Nói xong thăng ngay. Quan-chánh tham-biện nỗi xung, chém mạnh vào cây đa một nhát búa, song chưa kịp rút ra thì thấy tên bồi giúp việc nhà cho ông sơ-hãi chạy tới cắp bão với ông rằng : Bốn đứa con trai nhỏ của ông là cậu Rọt, cậu Chel, cậu Jacque đang ngồi chơi bỗng nhiên hộc máu và bất tỉnh.

Ông nghe nói hốt-hoảng cắp tốc trở về dinh và cho mời liền bác-sĩ đến điều-trị. Bác-sĩ xem mạch khám bệnh bão là các em bị té nặng động phổi và cho uống thuốc cầm máu nhưng vô hiệu quả. Cả nhà còn đang lo sợ, lúc ấy có ông chủ quận Trương-công-Lành bảo nhỏ với bà chánh tham-biện : chắc có lẽ lúc này quan lớn khắc búa vào cây đa Miều bà nên bị bà quở hành mấy cậu. Vậy bà lớn nói với quan lớn vài tạ. Miều bà thì chắc các cậu mạnh liền. Bà chánh nói lại với ông chánh và có ý phiền-trách hành-vi của chồng vừa rồi, việc làm đã không có lợi mà còn thêm hại cho con. Bà khuyên chồng mau mau lại Miều bà vài xin lỗi lạy tạ. Ông chánh nghe qua bản tin bản nghi, tuy nhiên phần thi thương con, phần nề vợ, nên chịu ra miều bà. Ông khấn vài : « Nếu bà linh-thiêng xin cho con tôi mạnh, tôi sẽ cất miếu lại cho bà ». Vài rồi ông về dinh thì thấy mấy đứa con ngồi chơi như thường. Cả nhà ông chánh đều vui mừng. Liền đó ông thâu hồi lệnh triệt-hạ miếu bà và cây đa, rồi xuất tiền riêng mướn dân làng xây cất miếu lại bằng gạch lợp ngói rất đẹp và nói rộng-rãi hơn xưa.

Từ đó ông chánh bà chánh hết lòng tin-tưởng sự huyền bí của bà, ông bèn ra lệnh cho chuyền đèn điện vào miếu đốt sáng đêm, trước điện thờ bà không đè cho lối, sự linh biền của bà vẫn liên-tục đến nay, đồng bào liên tỉnh Cà-Mau, Sóc-Trăng, Cần-Thơ mỗi khi có tâm-sự gì thắc-mắc có lòng tin-tưởng đến bà, đến xin xâm cầu nguyện, được bà mách bảo sự kiết hung rất linh-ứng, còn những kẻ ngang ngược khinh khi ngạo nghẽ bà sẽ hành cho thấy trước mắt.

Chúng tôi nghe tin đồn sự linh hiển của bà do một ít người thâm niên ở Bạc-Liêu lên Sài-Gòn kề lại, chúng tôi băn tin băn nghi, muốn rõ sự hư thật thế nào, đích thân xuống tận Bạc-Liêu tìm đến nhà các vị cao-niên thần hào nhân-sỹ tại đây, hỏi qua sự-tích Miếu bà Cố do người đồn dồn dài từ lâu. Quý-vị ấy không ngần-ngại tường thuật những sự việc mắt thấy tai nghe cho chúng tôi rõ chi tiết, và còn rất nhiều chuyện hiền linh khác nữa, đồng-bảo quanh vùng chợ Bạc-Liêu có dịp chứng kiến.

Nghé qua câu chuyện chúng tôi có một cảm nghĩ và băn-khoắn : Giữa cái thời-dai nguyên-tử này tại sao có những chuyện thần-thoại gieo rắc vào đầu óc con người như thế ? Có phải phản sự-tín-bộ của dân-lộc không ? Chúng tôi dùng lý-trí xét đoán thuyết duy-tâm và duy-vật, phân tách con người và khoa-học, tất cả những gì đã có trên vũ-trụ này cũng do nơi quyền năng của Đức Thượng-Đế tạo ra tất cả, nếu chúng ta nhận có Trời có cõi vô-hình bất-tử thì chúng ta cũng phải nhận thuyết hữu-thần, mà khoa-học chưa tìm tới khám-phá nỗi, phải dành cùi đầu khoanh tay chịu phép. Thế thì chẳng riêng Miếu bà Cố ở Bạc-Liêu và còn biết bao chuyện huyền-bi khác đã xảy ra trên thế-giới nói chung và ở xứ ta nói riêng, như miếu Bà Mă-Châu ở Cà-Mau, miếu bà Chúa Xứ ở Núi Sam, Châu-Đốc v.v.... bằng năm đồng-bảo lục-tinh đồ xô đến bằng triệu người đê chiêm-ngưỡng trong những ngày via.

Trở lại vấn-dề miếu Bà Cố, chúng tôi không thần-thánh hoá đê gieo sự-mê-tin cho đồng-bảo, cốt thuẬt lại những tài-liệu đã thâu lượm được, cần-nêu lên cho độc-giả rõ biêt với tinh-thần hiểu-cõi và cũng là một di-tich lịch-sử ở tỉnh Bạc-liêu ngày nay được đồng-bảo sùng-kinh, hầu hết khắp nơi đều nghe biêt. Tỉnh Bạc-liêu trải qua bao lần biến cõi, cảnh vật tiêu-bao, nhưng miếu bà Cố vẫn được an-toàn, lúc nào cũng có người tới lui lễ-bái không ngọt, đúng là nơi ngự-tri của đấng vô-hình thiêng-thúy bất-tử.

Trước toà cõi miếu có một tấm biển sơn son phết vàng viết trên hiên bằng chữ Hán như sau :

THÁT THÁNH CHÍ LINH CHƠN TRUYỀN CỒ MIẾU

Và hai bên cột có hai câu đối, chúng tôi mạn phép xin ghi nguyên văn :

THÁNH ĐỨC TỪ BI THÔNG DIỆU PHÁP

THẦN LINH PHÒ BỘ VẠN THIÊN CƠ

Sau khi ghi chép đầy-dủ về sự-tích Miếu bà, lòng tôi nao-nao, cảm-thấy hinh như còn thiếu sót một cái gì, nên có cảm-tác những vầng thơ dưới đây :

CẢM-TÁC

Một giao-thoại, nghe qua càng - hào - hứng
 Đề cao câu nén kinh Thánh trọng Thần
 Ngôi cõi miếu, địa - phương đều tôn - kính
 Bài học hay, cho tham - biện Pháp - triều.
 Đề chứng-minh, oai linh-thiêng Thần-Thánh
 Cõi hữu - hình, đồng - nhứt với vô - vi
 Trong với non sông lăng cảng cõi thụ
 Đêm trăng vè, tỏ đầm nét huyền - linh.
 Ve dế gác, kết - tình thành nhạc diệu
 Gió vòn bay, lá đồ lạnh té ròn !
 Cặp rắn thần (1), như đến ngai chầu-chực
 Bóng đèn khuya là ngọn xé màn đêm.
 Chiều về đến, ánh tà - dương lồ - đồ
 Khói hương trầm nghi-ngút quyền không-gian
 Khúc phim đời, chóp - nhoáng tuân lệnh gió
 Như bức tranh, sống, đẹp nét huy - hoàng.
 Linh Thượng-đế vạn-năng quyền tối-thượng
 Linh Thánh-Thần làm tiêu-biểu nhơn-gian
 Đề đồ đạm câu « Hữu cầu tất ứng »
 Miếu có Bà, chùa điện có Phật Trời.

(2) Xưa kia, nơi đây có cặp rắn rất to, thường xuất hiện trước chỗ thờ bà, nhiều người trông thấy.

MIỀU BÀ MÃ-CHÂU

(CÀ-MAU)

VÈ sự tin ngưỡng, thờ phượng, ngôi miếu được hầu hết đồng-bảo địa-phương, nhất là đồng-bảo Việt gốc Hoa, sùng phụng nhiều hơn cả, là miếu thờ Bà Mã-Châu. Chẳng những tại Bạc-Liêu có miếu thờ, mà tại Cà-Mau, Năm-Căn cũng đều có.

Kè về mặt anh-linh hiền hách, miếu Bà Mã-Châu có tiếng thiêng-liêng chẳng kém gì miếu Bà Cố.

Đời vua Minh-Mạng năm thứ 12 (1831), vùng Bạc-Liêu Cà-Mau hẵn còn trong tình trạng bản khai. Dân cư Cà-mau hầu hết sống với nghề làm cùi hoặc nghề hạ bạc. Người Hoa-kiều thì sống với nghề thương-mại, dùng ghe bầu làm phương-tiện di-chuyển, lưu-thông trong vùng Cà-Mau để tiếp xúc với đồng-bảo địa-phương, bán chác hàng-hoá.

Ngày kia, dân chúng bỗng xôn-xao về tin đồn :

— Có một cái xác dàn-bà lờ-dờ mãi ở ngã ba giáp nước, hình dung còn tươi rói.

Ai nấy đồ xô về phía ngã ba sông Gành-hàu, rạch Tắc-thủ mà xem. Quả thật, xác người dàn-bà lững-dึง trên dòng nước mãi, không trôi đi đâu cả. Thấy lạ, dân làng vớt lên, không ngọt bàn-tán. Vả lại, cũng không thấy ai quanh vùng nhận xác, vì chẳng ai có thân-nhân mất tích. Như thế, đích là xác lạ trôi từ ngoài biển vào, không phải là dân trong làng xã. Nhà chức trách địa-phương xét không ra mối, dành cứ cho chôn cất.

Bất ngờ một cô gái làng bỗng bị hồn thiêng nhập xác, tuyên-bổ đồng-dạc về lai-lịch của cái xác vô thừa nhận :

— Ta là Mã-Châu đây, người trong hoàng-tộc triều Thanh, đi thuyền chạy giặc, chẳng may gặp bão-tổ ngoài khơi, sóng nhộn chìm thuyền. Xác ta trôi-giạt nơi này, đành lòng nương tựa cõi đất thiêng. Các ngươi lập miếu thờ-phượng, ta sẽ phù-trì cho dân làng làm ăn được phát-dạt, mua may bán đắt.

Dân làng cũng chưa lấy làm tin. Lạ thay ! liên tiếp nhiều đêm, nhân-dân quanh đấy đều nằm mộng thấy bà hiện về báo cho biết nhiều điều linh ứng. Cho đến các nhà tai mắt trong vùng, dần dần cũng cảm nhận sự linh-thiêng của bà. Do tặc lòng sùng-kính, đồng-bảo địa-phương bèn cất miếu thờ bà từ đó.

Miếu cất xong, vách ván, lợp lá, sự hiền-hách của bà càng thêm biều lộ. Chẳng mấy lúc, bá-tánh hoàn-toàn xưng phục, xây cất miếu lại khang-trang mỹ-lệ cho đến ngày nay. Nơi miếu Bà, thiên-hạ lui tới dập-diệu, khói hương nghi ngút suốt ngày đêm.

Hằng năm, lễ cúng tế nhằm ngày mùng 9 tháng 3 âm-lịch, tại miếu bà ở Cà-mau. Còn hai ngôi miếu ở Bạc-liêu và Năm-căn cũng làm lễ ngày ấy.

Ngày đại lễ, bá-tánh thập-phương kéo đến dâng hương đồng nghẹt, chen chúc không lọt.

Kẻ khiêng heo quay, gà vịt xôi, bánh đê cúng tế tấp-nập, giấy tiền vàng bạc đốt vô số kè, khói hương ngút toả cả một vùng, có người chịu không nổi, chảy nước mắt sống ngập hơi thở ngắt xìu. Còn giới đồng-bóng có phần âm nhập xác lên nói tiếng tàu, múa hát chúc tụng dung hoa,

dung lộc, bên ngoài có những dàn nhạc, phụ họa nghe rất êm tai, thật là một quang cảnh tung bừng, náo nhiệt.

Kè tới, người lui không ngọt, hai bên mé hiên có những bàn đoán xâm, xú què. Quán xá che từ khóm mọc lên như nấm, bán đủ thức ăn và đồ giải-khát. Đồng-bào địa-phương nhờ trong những dịp này mua bán kiếm được tiền nhiều.

So-sánh ngày via Bà Mã-Châu Cà-Mau không kém gì via bà chúa Xứ ở Núi Sam (Châu-Đốc), từ ngày 23-24-25 tháng 4 hằng năm, có người ở xa đi trước kiểm chô trộ, sự tin-trưởng của người Việt-Nam không thể tả được.

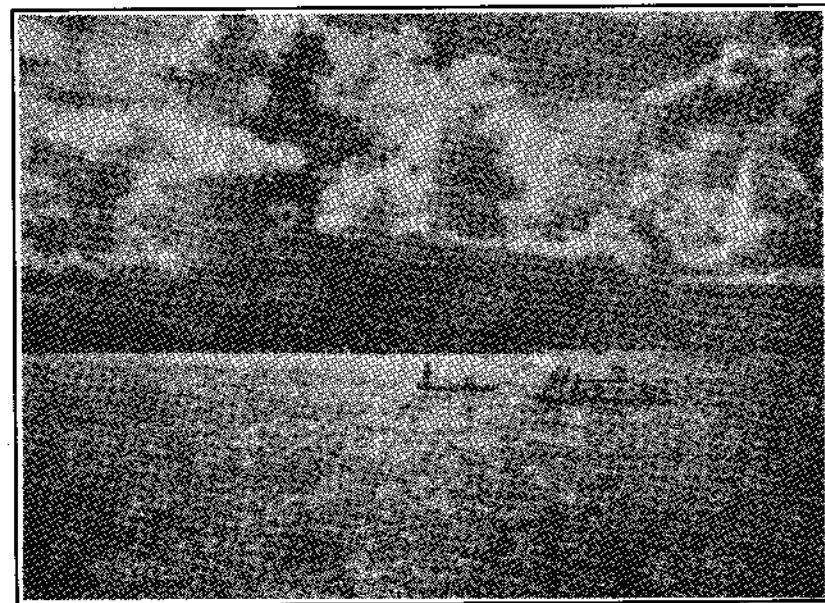
Theo sự chúng tôi biết, mỗi năm nhăm ngày via như trên, số tiền của khách thập-phương đem đến cũng bà có cả mấy trăm ngàn.

Mấy năm gần đây, tình-hình chẳng được yên-ôn, số người đi dự lễ không được phân đồng-dảo như lúc trước, nhưng không kém phần náo-nhiệt.

Ở miền tây hậu-giang có 2 ngôi cồ-miếu được đồng-bảo dân chúng lục-tỉnh Nam-kỳ sùng kính, thành ra cồ-tục được di-truyền cho đến ngày nay.



Tại vòm sông ông Đốc Cá Sấu hiện lên cứu Nguyễn Ánh



Trên đường bôn tẩu, thuyền Nguyễn Ánh đang lướt trên sóng nước, thình lình có một đàn cá sấu hiện lên cản trước mũi thuyền. Sinh nghi, Nguyễn Ánh liền quay trở lại, và cho quân giả dạng ngủ phủ đì dọ tin, thì khám phá ra địch đang phục kích...

Ảnh tượng trưng

HUYỀN-SỨ

CHUYỆN CÁ SẤU CỨU CHÚA TÔI NGUYỄN-ÁNH

ĐƯỢC PHONG CHỨC LANG-LẠI ĐẠI TƯỚNG-QUÂN

N

GOÀI lề lịch-sử, trong dân gian từ trước tới nay người mình đã truyền khẩu lầm chuyện tích ly-kỳ xảy ra trong thời Nguyễn-Ánh (tức Gia-long) tầu-quốc.

Những chuyện tích này làm cho những kẻ theo duy vật chủ nghĩa, tin-ngưỡng khoa-học một cách tuyệt-dối, mỉm cười một cách tự-phụ ngao-nghẽ. Nhưng chính khoa-học và kinh-nghiệm đã dạy ta rằng : đời không có gì là tuyệt-dối. Đời vẫn có những huyền-bí mà khoa-học chưa làm sao khám phá, những bài toán mà khoa-học chưa làm sao giải thích nổi.

Vả lại, không riêng gì xứ mình. Lịch-sử hầu hết các dân-tộc trên thế-giới đều có những huyền-sứ, giai-thoại tràn-trề những câu chuyện thần-bí.

Vấn-dề là : tin hay không tin ở thần quyền.

Ngoại trừ bọn người duy vật, cho rằng kiếp sống con người cũng như thú vật, sanh và sống do tình cờ, theo nhu cầu và định-luật biến thiên tự nhiên của vật-chất, hễ chết là hết. Những ai đã tin có Thượng-dế và vạn-năng, có thần-thánh, định-mạng, con người khác hơn con vật, có linh-hồn bất-tử, có nhân-quả và nhiều kiếp tương-quan, tự nhiên không dám phủ nhận những chuyện gọi là thần-bí.

Ngoại trừ những kẻ thiêu nhện mới có cái thái-độ : « nhắm mắt xua tay phủ nhận tất cả những hiện-tượng gì họ không hiểu hay không quan-niệm nổi », ngay những nhà khoa-học chơn-thành đứng trước những hiện-tượng lạ-lùng, được các tôn-giáo lấy làm tín-diều, cũng không dám phủ nhận, mà chỉ đặt nghi-vấn để nghiên cứu tìm hiểu mà thôi.

Về những chuyện xưa tích cũ ở Bạc-liêu, người ta thuật lại rằng : Hoàng-đế Gia-long hồi còn là Nguyễn-Ánh đang nồi trôi trên đường tàu quốc, trước sự truy-nã của cường địch Tây-sơn. Một hôm cùng tướng-tá và binh-sĩ xuống thuyền định chạy ra Phú-quốc. Đoàn chiến thuyền đang dung ruồi trên sông Ông Đốc, thì bỗng có một đàn cá sấu nồi lên đặc nghẹt cản đường. Thuyền chùa Nguyễn không làm sao vượt qua được. Thấy sự lạ cho là điềm xấu, Nguyễn vương đứng trước mũi soái thuyền, lâm-râm khấn vái :

— Tôi là Nguyễn-Ánh, đồng-cung thừa nghiệp của tiên vương, bị quân Tây-sơn soán-nghiệp yêm-bách phải bôn-dao, đang ở vào lúc thế-cùng vận-bì. Nay tôi định ra Phú-quốc lánh xa cường-tặc, chiêu-binhh mãi-mã để khôi-phục cơ-đồ. Đàn sấu kia sao lại cản đường ta ? Phải chăng lòng trời còn nương-tựa nhà Nguyễn, xui khiến đàn sấu báo điềm cho tôi biết nguy-hiểm đang đón chờ, ở đầu sông kia là tử-lộ ? Nếu phải vậy thì đàn sấu kia hãy dang ra đi rồi tái hiện ba lần. Bằng không, hãy để cho tôi tiếp-tục hành-trình, vì thời-gian rất qui báu.

Nguyễn chùa khấn vái xong, đàn sấu bỗng lặn đi mất. Nhưng một lát sau lại nồi lên cản đường nữa, và làm như vậy đúng 3 lần. Nguyễn-Ánh tin điềm, liền ra lệnh cho chiến thuyền quay trở lại, đồng thời phải thám-tử đi dò xét thử. Vài hôm sau thám-tử trở về, báo cho biết rằng quả có lực lượng Tây-Sơn rất hùng hậu phục-kích ở cửa sông Ông-Đốc.

Một lần khác, thuyền chùa Nguyễn từ trong rạch sắp vượt ra vịnh Xiêm-La, bỗng có 2 con rái cá lội ngang qua rạch dòn trước mũi thuyền như muốn cản đường. Xem đó là triệu-chứng bất-tường, chùa Nguyễn muốn lui quân, nhưng đã trễ, dành phải tiến-tới. Quả nhiên gấp một đội chiến thuyền địch chặn đánh, đoàn thủy binh của chùa Nguyễn sắp bại đến nơi, thì may sao, trời giông gió bão dữ-dội làm đắm các chiến thuyền Tây-Sơn, Nguyễn quân nhờ

đó mà thoát nạn.

Về sau phục được cơ-nghiệp, Gia-Long hoàng-đế không quên ơn những giống vật đã cứu mình trong lúc hiềm-nghèo, phong cho đoàn sấu danh hiệu mỹ-miều là « Tân-Ngạc Ngư-Long », và phong cho hai chú Rái chức « Lang-Lại nhị-đại tướng quân ».

Lúc từ Phú-quốc trở về, do ngã Cửa lớn và sông Bãi háp, Nguyễn chùa ghé lại Cà-Mau, ra lệnh cho quân xây cất « Miếu công-thần » để tưởng niệm những quan binh đã có công hộ-giá mà tử-trận, hoặc vì nước độc rừng thiêng, chịu không nổi phong sương chướng khí, phải bỏ mình trên đường dung ruồi...

Nơi rừng Cà-mau, từ U-minh-thượng đến U-minh-hạ còn để lại rất nhiều di-tích lịch-sử của chùa Nguyễn trong lúc ngài bôn Nam-tàu Bắc-lẫn tránh Tây-Sơn, có lúc ngài vượt thuyền ra hòn Đá-bạc và đảo hòn Chuối, xây đồn đắp lũy, ngăn giặc và cũng chọn nơi làm yết điềm liên-lạc tại đây.

Rất thương cho những vị công-thần đã theo ngài góp công khai hoang lập ấp, phần tuổi già sức yếu đành gởi nằm xưởng tận nơi khách địa. Nhà vua lấy làm thương-tiếc, cho lập miếu công-thần đền thờ tại đất Cà-Mau, ngôi miếu dựng trên một khoảnh đất rộng-rãi có những cây cổ thụ chung quanh, có đặt người coi giữ lo việc lừa hương cúng tế, hiện nay là cơ-sở hiến-binhh, sau này miếu được dời về kế cận đình-làng. Trên đường bôn-lầu của nhà vua khắp trong miền Nam nước Việt, từ rừng núi xa-xôi hẻo-lánh, đều có những di-tích của ngài xây-dựng.

Với câu chuyện nhà vua và đàn cá sấu mà chúng tôi sưu-tầm trong quyền địa-phương chí của người Pháp ghi chép khá đầy-dủ những giai-thoại ở miền Nam.

Câu chuyện trên đây rất lý-thú, chúng tôi soạn lại hiến cho bạn đọc có óc sưu-tầm và thích nghe qua những chuyện cõi-tich.

**NƠI ĐẤT THIÊNG, MỘT VỊ THẦN
PHOI TIỀN CỦA NHÀ VUA
NHIỀU NGƯỜI TRÔNG THẤY**

CÂU chuyện kè ra dưới đây, thoạt nghe thật thần kỳ quái đản, hẳn ai ai cũng lấy làm khó tin. Nhưng mà có thật.

Lúc đúng ngọ, giữa trưa, hồn ma bóng quê xuất-hiện, ai chẳng kinh ngạc sững-sờ ? Thế mà khỉ xưa, chuyện là này vẫn thường xảy ra như ăn cơm bữa. Những ai là người ở vùng Cà-Mau lâu đời đều nghe biết chuyện vị lão quan phoi tiền của nhà vua. Hầu hết đều cho là một giai-thoại huyền-bí, một hiện tượng khó thể đem ánh-sáng khoa-học soi vào mà giải thích cho tò rò.

Tại vùng Chắc-băng, cạnh đền U-minh-thượng, một thuở xa xưa, cứ vào khoảng đúng ngọ, đồng bào quanh vùng đều có thấy một ông lão tóc bạc râu dài tới rún, lui cui trái đậm mà phoi bạc nén, vàng nén và tiền điếu. Vàng bạc phoi lộ thiên, lại đúng vào lúc giữa trưa, ánh-sáng kim khí hòa với ánh-sáng trời rọi ra một vùng chói rực.

Ai lạ thế ? Nào ai có thấy xóm ấy có nhà cửa chi đâu ? Hiện tượng ma quái gì đây ?

Đồng bào ở hai bên bờ kinh và rừng thấy lạ như thế, chẳng khỏi kinh-ngạc, đồ xộ đến xem.

Té ra chạy gần tới nơi, khoảng cách còn chừng hai công đất, không ai còn trông thấy ông lão phoi tiền kia đâu nữa. Một vùng lau thưa, cỏ mọc um-lùm tro-tro đó. Nhưng lạ thay ! khi chạy trở về xa xa, thì lại thấy hình bóng ông lão ràng ràng giữa trời với tăm đêm phoi đủ thứ tiền. Thần chăng ? Ma quỉ gi chăng ? Không ai hiểu được gi ! Càng không hiểu lại càng đám nghi-ngrại, lo lo sợ sợ về cái bóng dáng khác thường quái-gở. Vả lại, ai đâu mà có cả một kho tàng như thế ở giữa chỗ rừng rậm hoang-vu ? !

Từ đó về sau, những ngày lành tháng tốt, trăm người như một, vẫn thấy rõ ông lão phoi tiền giữa ban trưa.

Đồng-bào địa-phương đám ra hoang-mang, đặt nhiều nghi-vấn. Và đây là lời bàn giải phần nào về hiện tượng ấy, của các vị bô-lão hiểu biết ít nhiều :

— Theo truyền thuyết, lúc chùa Nguyễn-Ánh bón-tầu vào Nam, xuống lãnh nạn ở vùng này, có mang theo tiền bạc, ngọc ngà, châu báu. Kho tàng giao cho một vị đại-thần coi giữ. Kịp khi bị Tây-sơn đuổi bức, mới chôn giấu kho tàng ấy đi. Rồi vật đổi sao đổi, vị đại-thần tử-nạn, mà kho tàng chôn giấu vẫn hay còn. Hồn phách chẳng tiêu-tan, nhớ nhiệm-vụ, tiếc của đời, vị lão-quan nghiêm-nhiên như vị thần giữ của, ngày lành tháng tốt mới hiện ra như thế.



NGUỒN GỐC AO NGỤ VÀ ÁP GIÁ NGỤ



RONG cơn quốc biến trên đường tàu-quốc của Nguyễn-vương và đoàn tùy-tùng theo ngài vào Nam để tìm đường sinh lô, thật ra lăm hối gian-nan vất-vả, dấu chogn của ngài đã dẫm khắp đó đây, từ hang cùng ngõ hẻm, sông rạch quanh co, vùng Rạch-giá, Bạc-liêu, Cà-mau, ngài đều trải qua tất cả, đoàn quân của ngài đi tới đâu được nhân-dân địa-phương ủng-hộ triệt-dè, nhờ vậy mà không bị lộ bí-mật, nhờ sự giúp đỡ tận-tinh của người dân miền Nam, một số tinh-nguyệt dân đường lẩn tránh Tây-sơn. Nhờ rằng thuở xưa đất-dai còn hoang-vu, không có đường bộ như ngày nay, từ trấn này qua trấn kia, phải di bằng đường thủy, hai bên rạch rậm-rạp, âm-u, nếu không nhờ người địa-phương hướng dẫn, chắc-chắn phải bị lạc và không thể nào thoát khỏi tay giặc. Trên đường dong-ruồi của Nguyễn-vương, theo con rạch Cái Rắn thuộc xã An-hưng, cách huyện Long-xuyên (tức là Cà-mau bây giờ), độ chừng 15 cây số ngàn. Vùng này là một vùng toàn là nước mặn, gấp phải mùa nắng thiếu nước, chỉ còn có cách đào giếng, đào ao để kiếm nước ngọt dùng. Đặc biệt và lạ kỳ nhất, là đất ở đây rất xốp và rời, cho nên công việc đào giếng lấy nước của dân địa-phương thật là khó-khăn bất-tiện.

Khi Nguyễn-vương bắt buộc phải đồn trú tại Cái Rắn thì việc khó-khăn trước nhất là vấn-dề nước uống. Vì bởi khắp xóm này không có cái giếng nước ngọt nào.

Trong lúc quẫn-bách, Nguyễn-vương không biết làm sao hơn là truyền quân đặt bàn hương án giữa trời, khấn vái để cầu xin phò-hộ cho việc đào giếng được nước ngọt.

Sau đó, Nguyễn-vương truyền cho quân-sĩ đào một cái giếng ở ngay nơi đặt bàn hương án. Khi giếng đào xong, mức nước lên ném thử thì thấy ngọt ngay. Nguyễn-vương cả mừng, tạ ơn trời đất đã phò-hộ mình, ban cho giếng nước ngọt.

Vào lúc quân Tây-sơn nản lòng, không mở cuộc bao vây lùng xét trong vùng Bạc-liêu nữa, Nguyễn-vương cùng tướng-sĩ đem thân-quyến rời khỏi vùng Cái Rắn, theo sông Ông Đốc mà trốn ra Phú-quốc, rồi lại sang Xiêm cầu viện.

Cái giếng nước ngọt giữa lòng đất mặn tại Cái Rắn, lúc Nguyễn-vương rút đi rồi thì bỏ hoang, mưa gió làm đất lở ra gần thành cái ao. Dân địa-phương thấy ao nước qui giá, liền chăm lo tu bồi, trở thành ao nước ngọt tốt nhứt trong vùng.

Nhờ đến gốc gác của giếng nước ngọt do Nguyễn-vương ngự đến Cái Rắn và đào giếng nên gọi cái giếng ấy là AO NGỤ.

Ao này đã đào cách đây gần 200 năm, đến nay vẫn còn, tại xóm Cái Rắn, xã Tân-Hưng. Mùa nắng hạn, dân trong vùng đã nhờ AO NGỤ mà có nước ngọt.

Theo những người không tin dị-doan mà am hiểu địa-lý, sở-dĩ Nguyễn-Vương đào được giếng nước ngọt, có lẽ nhờ trong đám quan quân của ông, có người giỏi về khoa địa-lý, nên tìm ngay vùng đất có mạch nước ngọt để đào giếng, thành ra mới có giếng nước ngọt như vậy, chứ không do lý lẽ nào khác. Dầu vậy, dân chúng Bạc-Liêu đã quen gọi đó là AO NGỤ.

Nói về ấp Giá-Ngự tại Bạc-Liêu, mọi người đều nhớ đến một huyền thoại được lưu truyền trong dân gian, mãi đến nay vẫn còn.

Nguyên vào thời-kỳ Nguyễn Vương tầu quốc, từ rạch Cái-Rắn, quân của Nguyễn-Vương đi lăn ra biển, qua rạch Rau-Dừa rồi tới rạch Cái Nước, đồ ra sông Bãi-háp để vào vịnh Xiêm-La. Nếu đi ngã này thì khỏi phải đi ngã vàm sông Ông-Đốc.

Công việc vượt, sông vượt biển này, không phải một ngày, một bữa mà xong được, cũng không phải không dự-trữ mọi thứ cần dùng cho cuộc hành-trình xa-xôi và nguy-hiểm. Bởi vậy, trên hải-trình vào vịnh Xiêm-la, Nguyễn-vương và đám tùy-tùng phải dừng lại tại một nơi thuộc hữu-ngạn sông Bãi-háp, ở nhầm vị-trí vàm rạch Cái Nước đồ ra.

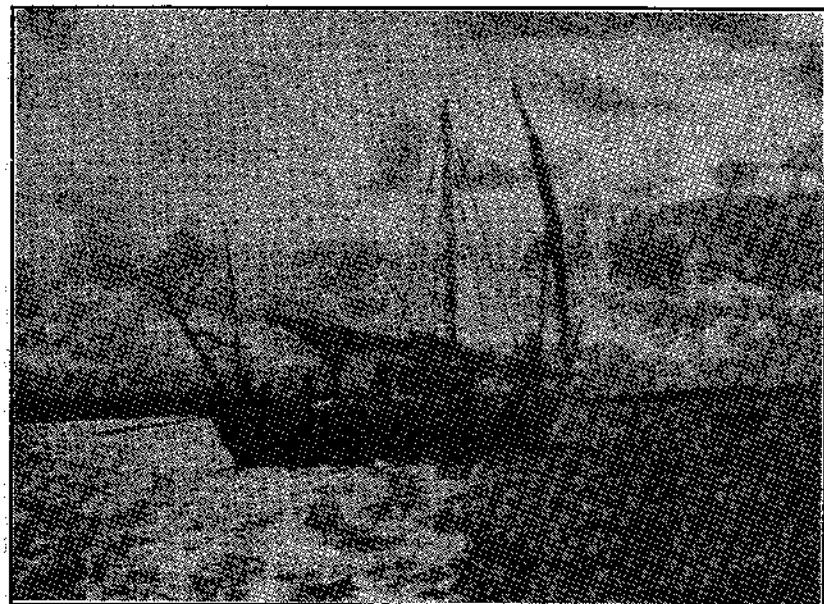
Vì gặp phải giông gió bất ngờ, nên Nguyễn-vương phải tạm hoãn cuộc hành-trình đến gần nửa tháng, dừng lại tại nơi đây. Dân chung quanh vùng có đến yết-kiến Nguyễn-vương, thường gọi là Ngài Ngự.

Đến sau Nguyễn-vương đi rồi, người quanh đó vẫn nhớ tới nơi Ngài ngự đến, nên gọi vùng này là ấp Giá Ngự cho tới ngày nay.

Ấp Giá Ngự hiện thuộc xã Tân-hưng-Đông. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), ấp Giá-Ngự là một trong những địa-phương tiếp-tế lương-thực như lúa gạo, dừa khô, cá lôm. Riêng người dân ở Ấp Giá-Ngự luôn luôn có nếp sống cẩn-cù nỗ-lực để phụng-sự quốc-gia.



Thuyền Chúa Nguyễn



Trên đường bốn tầu, Nguyễn Vương và đoàn tùy tùng vượt sóng trùng dương chạy ra Phú Quốc lăn tránh Tây Sơn.

Ảnh tượng trưng

Bên lề lịch-sử

KINH CẠNH ĐÈN ẤP CẠNH ĐÈN

Đâu xa bằng xứ Cảnh Đèn
Muỗi kêu như sáo thổi,
Điếc lèn như bánh canh.

(Ca-dao)



Ü hơn một thế-kỷ nay, nhân-dân trong tỉnh Bạc-Liêu đã truyền khẩu từ người nọ sang người kia câu ca-dao trên đây.

Sự thật, câu ca-dao này không phải tự nhiên mà có, cũng không phải người ta thêu dệt ra để nghe chơi, mà nó đã xuất phát từ một huyền-thoại để làm sống mãi cái di-tích lịch-sử này.

Cảnh Đèn ở đâu ? Đó là một địa-danh thuộc vùng U-Minh với rừng tràm bao bọc, màu nước đỏ ngầu, ú đọng quanh năm, thuộc xã Ninh-Thạnh-Lợi, quận Phước-Long (Bạc-Liêu).

Ngược dòng lịch-sử để tìm hiểu nguồn gốc của Cảnh-Đèn thì chúng ta được biết, vùng đất này trước thế-kỷ 17 thuộc về người Thủy-chân-Lạp. Cho nên mãi tới ngày nay vẫn có một số người Thủy-chân-Lạp sống trong vùng này với tập quán, cõi tục riêng của họ, và họ sanh sống bằng nghề làm ruộng, giăng câu, bứt choại, đốn củi v.v...

Ngay sau cuộc Nam-tiến của người Việt-Nam dừng lại ở thị trấn Hà-Tiên thì người Việt từ miền Tiền-giang đã vượt qua sông Hậu đến khai hoang trong vùng U-minh này.

Vì là vùng rừng rậm, nước đọng quanh năm nên muỗi mòng, đĩa vắt sanh sỏi nầy-nở rất nhiều, nắng-hà sa sổ, đến đỗi người dân quê phải biết sợ. Còn người phuơng xa mà tới đây thấy muỗi Bạc-liêu, thấy đều ngán ngược. Thiên-hạ đã dùng ca-dao để diễn tả «muỗi kêu như sáo thổi, đĩa lén như bánh canh» thì ta đủ hiểu muỗi và đĩa ở Cảnh Đèn nhiều đến thế nào.

Tại đây, ngoài nghè khai hoang, làm ruộng, người nông-dân còn sống với nghè bắt cá, giăng câu, và rừng đốn củi, làm than, bứt dây choại dùng làm sản-phẩm để mua bán, trao đổi với nhân-dân vùng phụ cận.

Ai có ở Bạc-liêu đều biết rõ Cảnh Đèn, ai ở Hậu-giang cũng đều nghe nói tới Cảnh Đèn. Cảnh Đèn đã thành một địa-danh nổi tiếng của tỉnh Bạc-liêu.

Trở về nguồn gốc, cái tên Cảnh Đèn được khai-sanh vào thế-kỷ 18, nó xuất-hiện trên bước đường bôn-tâu của vua Gia-long.

Năm 1783, lúc Nguyễn-vương bị quân Tây-sơn truy-nã ráo-riết, ngài phải đem Vương-mẫu và cung-quyển chạy trốn đến vùng U-minh.

Lúc bấy giờ trong đám cung-quyển theo Nguyễn-vương đi lì nạn trong vùng rừng sâu nước độc, có công-chúa Ngọc-Hạnh. Công-chúa là phận liêu yếu đào tơ, không quen với phong sương mưa nắng, vùng U-minh lại lầm muỗi-mòng, khí độc, nên công-chúa không chịu nổi cảnh sống gian-lao vất-vả, vướng nhầm bệnh thương-hàn,

Thầy thuốc của Nguyễn-vương dẫu giỏi, nhưng không có thuốc để trị bệnh thương-hàn, thành ra sau bốn hôm lâm trọng bệnh, công-chúa Ngọc-Hạnh nhắm mắt lia đời.

Vương-mẫu và Nguyễn-vương vô cùng thương-tiếc, nên sau khi an-tàng công-chúa ở giữa rừng, Nguyễn-vương truyền cho quan quân dựng đèn thờ công-chúa, tục gọi là Cảnh Đèn.

Danh-từ Cảnh Đèn, bắt đầu được lưu-truyền từ đó.

Trong thời Pháp-thuộc, thực dân mở cuộc khai hoang ở vùng U-minh có dùng xáng đào một con kinh để nối liền chợ Hộc, thuộc xã Tân-phú với sông Bà-ai, thuộc xã Ninh-thạnh-lợi

Con kinh này có đoạn băng ngang Cảnh Đèn, người dân địa-phương quen gọi là «Kinh Cảnh Đèn».

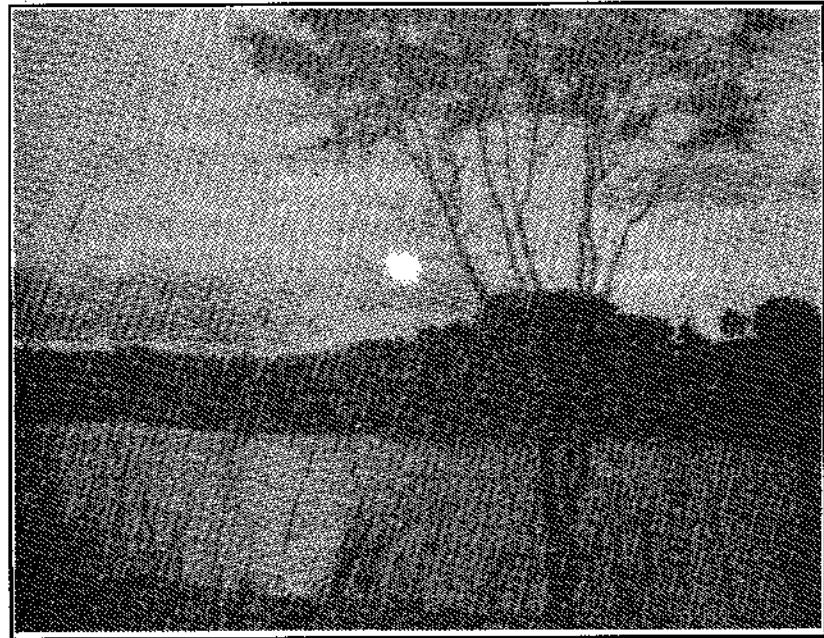
Ngày nay ai đi qua Kinh Cảnh Đèn, đều nhìn thấy di-tích ngôi đền thờ công-chúa Ngọc-Hạnh hẵn còn đứng vững với phong sương.

Người ta còn tìm thấy xác chiếc ghe hởi Nguyễn-vương dùng để lánh nạn quân Tây-sơn, hẵn còn nằm ở kế Cảnh Đèn.

Trong 80 năm dưới thời Pháp-thuộc, vùng đất phi-nhiêu này đã sản-xuất rất nhiều thô-sản, như lúa, khoai, cá khóm, choại. Lúc đó, vùng Cảnh Đèn trở thành đồn-diễn khai-thác lâm-sản của Công-ty Cressier.

Năm 1945, sau ngày miền Nam vùng lên kháng-chiến chống Pháp, vùng Cảnh Đèn lọt vào tay dân địa-phương. Họ đã biến nơi này thành căn-cứ vững chắc của chiến khu miền Tây.

Kinh Chắc Băng



*Kinh Chắc Băng trước cảnh lau thưa cỏ mọc, cây cối lơ thơ.
Lúc Nguyễn Ánh bôn tẩu vào Nam, có đi ngang con kinh này
và lâm trọng bệnh tương chét, mới than rằng: "Trẫm chắc băng!"
mà sau này lại mang tên con kinh đó.*

Ảnh sưu tầm

KINH CHẮC-BĂNG VỚI NGUYỄN-ÁNH

T

ỈNH Bạc-liêu Cà-mau có rất nhiều sông rạch. Bạc-liêu cũng là nơi lưu lại rất nhiều di-tích và huyền-thoại của vua Gia-Long, trong lúc còn bón-tầu ngược xuôi.

Từ Ao-Ngự, ấp Giả-Ngự đến Cảnh-Đền, chúng ta đã thấy những địa-danh này đều là những nơi đã vang bóng vua Gia-Long. Trong thời-gian tâu-quốc miền tây Nam-Việt nên ngài có cho rằng : *Nam thuận Bắc nghịch* (¹).

Miền Nam quả là đất vua Gia-Long dung thân để liên-kết với nước Xiêm-la, và cầu cứu với Pháp-quốc, do sự trung-gian của ông Bá-Đa-Lộc. Lúc bấy giờ ông Bá-Đa-Lộc đang ở tại đất Chân-Bun (Xiêm-La), Nguyễn-vương liền phái người tâm-phúc đến cầu-cứu. Ông Bá-Đa-Lộc bèn giúp ý-kien là Nguyễn-vương phải cho Hoàng-tử Cảnh đi với ông qua Pháp mới được.

Nguyễn-vương liền giao Hoàng-tử Cảnh và quốc-ăn cho ông Bá-Đa-Lộc, lại làm quốc-thor xin Pháp giúp cho binh-sĩ, súng đạn để đánh Tây-son (năm 1783).

Ông Bá-Đa-Lộc đem hoàng-tử Cảnh đi Tây rồi, Nguyễn-vương lại cùng cung-quyến và quan-quân trở về xã Vĩnh-thuận, quận Phước-long (Bạc-liêu), để nương-náu tại đây. Vì nơi đây gần đảo Phú-quốc và vịnh Xiêm-la, nếu quân Tây-son kéo tới đánh bắt, Nguyễn-vương sẽ thuận đường chạy trốn.

Nơi chốn Nguyễn-vương nương-náu là một vùng đất còn hoang vắng, thưa-thớt dân-cư, nằm dài trên một con kinh nối liền với sông Trèm-trèm và sông Cái-lớn, thuộc quận Gò-quao (Rạch-giá).

Con kinh này là một thủy-lộ tiện-lợi nhứt giữa hai vùng U-minh Cà-mau và U-minh Rạch-giá (U-minh-thượng và U-minh-hạ) rồi thông thương đến Ô-môn (Cần-thơ).

(¹) Trong lúc Nguyễn-vương tâu-quốc chạy ra đất Bắc, gặp Tây-son phủ vây, lương-thực thiếu-thốn, ngài mới tìm đường sanh lè ở miền Nam, được địa-lợi nhân-hoa, nên ngài mới thốt câu *Nam thuận Bắc nghịch*.

Theo lời truyền-khâu thì khi nương-náu trong vùng đất
nằm trên con kinh này (lúc đó chưa có tên) để đợi sự cứu
viện. Nhưng ngày tháng dần qua, Nguyễn-vương không thấy
viện binh nào kéo tới cả. Các tướng của Nguyễn-vương vì
thế-lực đang mạnh của Tây-son phải tản-mác khắp nơi, không
nồi dày được, cũng không liên-lạc với Nguyễn-vương được.

Vì nóng lòng phục-quốc, nên Nguyễn-vương sai quân-gia
sứa-soạn thuyền để theo sông Ông Đốc sang Xiêm cầu viện.

Ghe thuyền sứa-soạn xong-xuôi, Nguyễn-vương xuống
thuyền để khởi-hành, bỗng nhiên lâm bệnh nặng. Trong
cơn thập-tử nhứt-sanh, Nguyễn-vương sợ khó sống nên có
lời trối-trăn với quan quân như vậy :

— Cơn bệnh ngặt-nghèo này không chữa hết. Chắc trăm
phải băng rồi. Trầm đau-xót, khi thấy công-việc phục-quốc
chưa thành mà phải tuyệt mạng giữa đường. Đáng buồn thay!

Trong lúc Nguyễn-vương chán-nản chắc mình phải
băng-hà nên mới trối-trăn như vậy.

Nhưng rồi sau đó, nhờ lương-y tận-tâm điều-trị, Nguyễn
vương lần hồi thoát được cơn bệnh ngặt-nghèo. Nhờ đó,
Nguyễn-vương và cung-quyến lên đường sang Xiêm mà
không còn sợ chết nữa.

Về sau, người ta nhớ đến câu nói « Trầm chắc băng »
của Nguyễn-vương trong huyền-thoại này mà đặt tên cho
con kinh là « Kinh Chắc-Băng », để ghi lại một ngôn-từ của
vua Gia-Long.

Thành ra từ đó trở di con kinh được dân địa-phương
gọi là « Kinh Chắc-Băng » cho tới ngày nay.

Ngoài ra, trong vùng đất U-minh cũng có một phần
được gọi là « Chắc-Băng » ở làng Vĩnh-thuận.

Nhưng phần đất « Chắc-Băng » này, có một truyền-thuyết
khác với Kinh Chắc-Băng.

Xưa kia nơi phần đất này, người Thủy-Chân-Lạp khai-
khẩn lập nghiệp, hai tiếng « Chắc Băng » là thô-ngữ của dân địa
phương đặt ra giống như nhiều nơi khác ở Hậu-giang. Tỷ
dụ như « Chắc-Cà-Đao » thuộc tỉnh An-giang hiện giờ vẫn còn.

Phần thứ tư :

- DI-TÍCH
- THẮNG-CẢNH
- CỔ-TỤC



ĐI - TÍCH LỊCH-SỬ

TỈNH Bạc-liêu, vì tương-dối mới thành-lập sau theo số thứ-tự là tỉnh 20 hồi trào Pháp có một ít di-tích lịch-sử. Tuy nhiên, rải-rác từ thời chúa Nguyễn-Ánh chạy vào đàng trong tức miền Nam, Việt-Nam ngày nay, xuống tận Bạc-liêu, Cà-mau hấy còn lưu nhiều di-tích đáng kề. Rồi về sau, theo gót đoàn người Việt dần dần Nam-tiến, do chính sách tàn-thục của Nguyễn-cư-Trinh mở màn từ thời chúa Nguyễn-phúc-Khoát (Võ-vương) và do kế-hoạch đồn-diền, khai hoang lập ấp, của Nguyễn-tri-Phương trong đời vua Tự-Đức (Dực-Tông), mà hình thành miền Nam trù-phú. Bạc-Liêu cũng như các tỉnh khác vẫn có nhiều di-tích đánh dấu khoảng 200 năm lịch-sử đã qua.

BẠC-LIÊU VỚI VUA GIA-LONG

1) ĐỒN BINH TRÊN CỬA SÔNG MỸ-THANH VÀ NGÔI MỘ CỦA MỘT CÔNG-NƯƠNG NHÀ NGUYỄN NƠI LÀNG TÂN-KHÁNH.

NGƯỜI dòng lịch-sử, Bạc-liêu là tỉnh khá nhiều duyên-nợ với chúa Nguyễn-Ánh – người sáng lập triều Nguyễn với bao nhiêu thăng-trầm, công và tội với quốc-gia dân-tộc ?

Bị quân Tây-sơn đánh bại, trên đường bôn-tầu, Nguyễn Ánh phải một phen tìm sinh lô ở Bạc-liêu. Do ngã sông Ông Đốc, Nguyễn-Ánh cùng đoàn chiến thuyền bại trận đã chạy vào ẩn náu một thời-gian khá lâu trên bán đảo Cà-mau, (nên lưu-ý rằng Cà-mau ngày trước là một quận của tỉnh Bạc-liêu. Chúng tôi đã phụ-biên ở phần thứ nhất).

Trên cửa sông Mỹ-thanh, một đồn binh được thiết-lập khi chúa Nguyễn-Ánh lánh nạn ở Cồn-Đầm. Đồn binh này ngày nay chỉ còn lại một khuôn thành sập đổ, cây cổ phủ đầy tại Xâm-pha. Chính lúc đến đây, một vị công-nương của chúa Nguyễn chịu không thấu nỗi gian-lao, đã từ-giã cuộc đời giữa đường bôn-tầu. Hài-cốt vị công-nương vùi chôn nơi làng Tân-khánh.

Địch quân kéo đến tấn-công. Bị bắt buộc phải bôn-dào nữa, Nguyễn-Ánh giao ngôi mộ vị công-nương lại cho một người Hoa-kiều tên Yết trong nom.

Về sau, hết con bỉ-cực tới hồi thống-nhất được giang-san lên ngôi hoàng đế. Gia-Long nhớ ơn xưa ban thưởng cho chú Yết rất trọng-hậu. Chú Yết được phong làm tri-phủ, được quyền thu hưởng hoa lợi tất cả các sở đánh cá dọc dài theo bờ Nam-hải, giữa khoảng vịnh Mỹ-thanh và cửa Hoành-tầu, tên phủ Yết được đặt cho các giồng nơi chú Yết ở lúc sinh tiền.

2) SÔNG ÔNG ĐỐC : ĐỐC BINH HỌ HUỲNH ĐÃ LIỀU THÂN CỨU NGUY CHO CHÚA NGUYỄN-ÁNH, NAY CÒN LƯU DANH VÙNG QUẬN SÔNG ÔNG ĐỐC.

Nơi Tân-khánh hãy còn di-tích một toà thành-lũy cũ Tân-khánh, nguyên là chỗ lánh nạn của chúa Nguyễn-Ánh khi bị Tây-sơn đuổi bức. Nhân-dân vùng Tân-khánh bấy giờ tập họp nhau lại dưới sự chỉ-huy của một vị lãnh-tụ có tài (tương truyền là ông Tân-khánh-Huỳnh) ; xét trong chính sử không thấy chép tên họ, nhưng suy-nghiệm theo truyền sú, có lẽ đó là ông họ Huỳnh hoặc tên Hoàng, cư-ngụ vùng Tân-khánh. Dân quân suy-tôn ông làm Đốc-bin, tục gọi Đốc-Huỳnh, sẵn-sàng hy-sinh bảo-vệ cho chúa Nguyễn-Ánh chống Tây-sơn.

Quý Mão 1873, một sáng tinh sương, quân Tây-sơn kéo đến. Chiêng khua trống gióng vang ầm một góc trời. Chúa Nguyễn-Ánh và đoàn tùy-tùng đã mau chân lướt dặm băng ngàn, ngay sau khi có tiếng túc tú-và của quân canh báo động, và sau lời khàn-thiết của Đốc-Huỳnh :

— Chúa-công hãy kip lánh thân. Phen này ắt chẳng tránh khỏi một trường xung-sát, vì binh Tây-sơn quyết đốc toàn-lực tấn-công.

Chúa Nguyễn-Ánh khi ấy, ngâm-ngùi bảo Đốc-Huỳnh :

— Nếu thế giặc mạnh tợn, tướng-quân liệu khó nhắt thời chống nỗi, chỉ bằng hãy tạm lui cả, đem nhau lánh nạn rồi sẽ hay.

Đốc-Huỳnh khẳng-khai :

— Không nên đâu. Chúa công cần bảo trọng tấm thân, kip lánh đi cho thoát. Hạ thần nguyện liều mình ngăn giặc cho.

Tây-sơn tấn công dữ dội. Đốc-Huỳnh cố sức chống cự càng lâu càng hay, cố ý cầm chân một số đồng binh tướng Tây-sơn, để chúa Nguyễn được cao bay xa chạy.

Trong tình thế bất lợi, Đốc-Huỳnh đành ngã gục trong trận. Nhưng sự hy-sinh của ông không uông, nhờ đó Nguyễn-Ánh qua khỏi cơn nguy.

Về sau, tên con sông ở vùng ấy mang tên là sông Đốc-Huỳnh (hoặc Đốc-Hoàng). Huỳnh (hay Hoàng) có nghĩa là màu vàng nên nhân dân cũng gọi trại là Đốc Vàng đê kiêng húy. Ít lâu, tên sông đổi gọi là Huỳnh giang (sông Huỳnh hay Hoàng). Bên sông có ngôi chợ gọi là chợ Huỳnh-giang, quán xá đông đúc, thuyền buôn tụ tập.

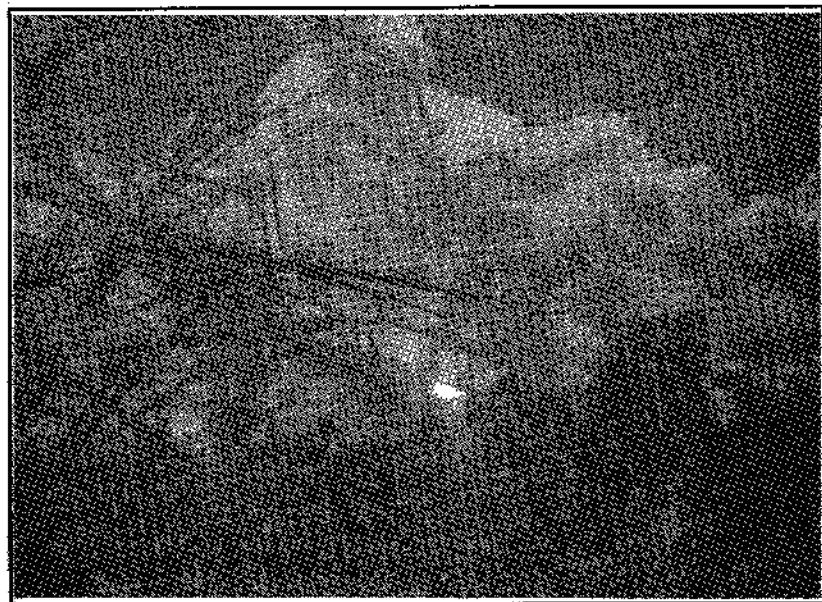
Sông Đốc Vàng hay sông Ông Đốc khi xưa nằm trong ranh tỉnh Bạc-liêu. Vì vùng này khá rộng, nên khoảng năm 1929 được tách ra làm 3 xã : Khánh-an, Khánh-lâm và Khánh-bình. Người ta thường gọi là vùng « Tam-Khánh ».

Đến cuối năm 1949, lại tách ra làm 4 xã :

- * 1— An-bình
- 2— Khánh-bình
- 3— Trần-lợi
- 4— Khánh-hưng.

Năm 1954, chính-phủ Việt-nam cộng-hoa lập lại nền hành-chánh nơi đây, đặt lại thành hai xã : Khánh-bình A và Khánh-bình B thuộc phân quận sông Ông Đốc quận Cà-Mau, tỉnh Bạc-liêu. Và qua năm 1955 theo sự phân chia ranh giới các xã trong quận Cà-Mau, xã Phong-lạc trước kia thuộc quận Cái-nước, được ghép vào quận sông Ông Đốc, nên nay quận sông Ông Đốc gồm 3 Xã : Khánh-bình đông, Khánh-bình tây và Phong-lạc, thuộc tỉnh An-Xuyên (Cà-Mau cũ đổi tên).

Quang cảnh Cồn Đàm



Cảnh hoàng hôn bao trùm trên vạn vật,
Mây giăng tứ phía, trời nước bao la.
Nhớ lại chuyện xưa, nơi cồn Đàm này,
Còn phảng phất vong linh một công nương,
Theo cùng phụ vương, lánh nạn Tây Sơn,
Nhưng than ôi! tối đây thì tuyệt mạng!

Ảnh sưu tầm

3) NHỮNG CƠ-SỞ ĐỒN-DIỀN DO KINH-LƯỢC-SỨ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG THIẾT LẬP

Để chống Tây-sơn, ngoài việc tò-chức binh-bị, chúa Nguyễn-Ánh còn tò-chức kinh-tế bằng cách cho thiết-lập những cơ-sở đồn-diền.

Về tò-chức đồn-diền, trong nguyệt-san «Sinh-lực» số 14, ông Nguyễn-thiệu-Lâu giải-thich :

«Trên một miền hấy còn hoang-vu, ta đem trâu bò tới cày, ta đào mương lấy nước vào ruộng. Rồi ta lập làng. Nhưng công-trình khai-thác này ta phải phòng giữ cẩn-thận, nhất là những miền ở gần biên-thùy như miền Hậu-giang, dân Miên thường hoành-hành. Vì vậy, người nông-dân Việt một mặt thi cày ruộng, lập làng, một mặt thi đắp đồn-linh để phòng-vệ...»

Bắt đầu từ năm Kỷ-dậu 1789, chúa Nguyễn-Ánh đặt ra chức quan Diền-toán, cử các ông Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang Định, Ngô-tùng-Châu, Hoàng-minh-Khánh v.v... cả thảy 12 người xung vào chức ấy, chia nhau đi khắp các nơi ở miền Nam đốc suất dân-chúng chăm lo vỡ đất làm ruộng, khai hoang lập ấp. Đến tháng 10 năm sau (Canh-tuất 1790), đặt sở đồn-diền, giao cho quân-đội phụ-trách, khiếu dân và quân thi đua canh-tác hẫu bảo-dảm về mặt lương-thực, và thi đua phòng-vệ để bảo-dảm về mặt an-ninh.

Bốn đội đồn-diền nổi tiếng nhất, do Tả-quân Lê-văn-Duyệt điều-khiển, có công mở-mang miền Nam rất nhiều. Kịp khi cụ Lê-văn-Duyệt mất, 4 đội ấy tan-rã. Nhưng thành tích của họ, khiếu đoàn sau noi gương hăng-hái tiến bước trên đường khai-thác đất đai, phát-triển kinh-tế.

Riêng vùng Bạc-liêu, trong năm Tự-Đức thứ tư (Quý-sửu 1853), Kinh-lược Nguyễn-tri-Phương đã đến đây tổ-chức cuộc thiết-lập đồn-diền với hai mục-đích : vừa bình-dịnh vừa khai-thác. Những đồn-diền cấp phát cho binh-sĩ. Những người này lúc bình-thường thì lo khẩn hoang làm ruộng, khi có việc biến thì bỏ cày bừa mà làm nhiệm-vụ quân-nhân. Ấy là chính sách rất hữu-hiệu về cả hai mặt quân-sự và kinh-tế.

Tại tổng Thanh-hoa, Nguyễn-tri-Phương đã biến đổi 6 làng : Vĩnh-thạnh, Mỹ-thuận (nay là Vĩnh-mỹ), Bình-an, Hoà-thành (nay là Hòa-bình), Phước-thạnh và Tân-long (nay là Long-thạnh) thành 6 đồn-diền. Cũng có nhiều đồn-diền được thành-lập ở Cà-Mau. Ấp Tân-lợi được gọi là Xóm sở, chính là một di-tích còn lại để chứng-minh công nghiệp của Nguyễn-tri-Phương.

Khi binh Pháp chiếm đóng miền Nam để làm bàn dẹp tiến ra đánh miền Bắc, họ vẫn chấp thuận cho dân-chúng được lập đồn-diền, do Đô-đốc Charner ký sắc lệnh ngày 19-3-1861. Nhưng sau đó, qua các cuộc giao phong với các lực-lượng dân quân khởi nghĩa chống xâm-lăng, mà đa số binh-sĩ xuất phát từ các đồn-diền, người Pháp sực hiếu ra ý nghĩa tổ-chức đồn-diền của Nguyễn-tri-Phương đã khởi xướng. Do đó, đến ngày 20-9-1867, De Lagrandière ký sắc lệnh giải tán các cơ-sở đồn-diền, không cho dân-chúng tổ-chức hệ-thống ấy nữa.

Ngày nay, di tích đồn-diền trong tỉnh Bạc-liêu Cà-mau nói riêng, khắp lánh thò miền Nam nói chung, ta không thể quên được công lao của vị Kinh-lược đại-sứ Nguyễn-tri-Phương, cùng viên phụ-tá là Kinh-lược phó-sứ Phan-thanh-Giản, cách đây hơn một trăm năm.

4) CHÙA VĨNH-TRIỀU-MINH TRONG QUẬN VĨNH-LỢI

Trước kia, tại xã Vĩnh-lợi có rất nhiều người Minh-hương đến lập nghiệp. Họ ở từng vùng và đặt tên có chữ Vĩnh đứng đầu, với dụng ý hy-vọng sẽ lập nghiệp vĩnh-viễn tại đây, như các xã : Vĩnh-trạch, Vĩnh-châu, Vĩnh-hưng, Vĩnh-Mỹ v. v...

Khoảng năm 1895, nhóm người Minh-hương trong vùng Vĩnh-lợi đứng ra xây cất một ngôi chùa lớn, mang tên là « Vĩnh-triều-Minh ». Chùa này là một ngôi chùa cổ nhất trong vùng và hiện nay được gọi là chùa Minh.

Tương truyền : Một ngày xa xưa, có người Minh-hương già bơi thuyền trên rạch Giồng-me, bỗng thấy hai cái lư-hương bằng đồng nồi lèn-bèn trên mặt nước ở hai nơi khác nhau. Cho là điềm Trời Phật cảnh tinh minh nên hướng thiện tu trì, ông lão Minh-hương hì-hục với cắp lư-hương đem lên bờ, cất hai cái lư-hương che đáy. Nghe đồn, dân chúng quanh vùng kéo đến chiêm-ngưỡng, khấn nguyện. Hữu-cầu tất ứng, hằng ngày khách thập-phương lê-bái nườm-nượp, quang cảnh trong vùng trở nên phồn-thạnh, cảnh trí tươi đẹp hẳn lên. Cảm mộ ơn trên gia-hộ, nhóm người Minh-hương bèn đóng góp xây cất chỗ chiêm-bái cho khang-trang, biến hai cái lư-hương thành hai ngôi chùa tráng-lệ : một ngôi chùa Triều-Châu, một ngôi chùa Minh-hương tức chùa « Vĩnh Triều Minh » tục gọi chùa Minh như đã kể trên.

Nhân đây, tưởng nên nói rõ thêm về người Minh-hương và tinh-thần yêu nước của họ :

Khi nhà Thanh đánh nhà Minh, một số dòng giống Hán nhà Minh bỏ nước ra đi. Trong số kéo sang lánh nạn ở nước ta, có ba đoàn người nay hãy còn ghi nhiều dấu vết oanh-liệt.

1) Nhóm Trương-Cầu, Mạc-Cửu lập nghiệp ở Hà-tiên (chúng tôi sẽ nói rõ trong tập biên khảo về tỉnh Hà-tiên).

2) Nhóm Trần-thượng-Xuyên và tỳ-tướng là Trần-binh-An lập nghiệp ở Biên-hoà (xin xem quyển Biên-hoà xưa và nay sắp xuất-bản).

3) Nhóm Dương-ngạn-Địch và tỳ-tướng là Huỳnh-Tấn định cư ở Gò-công, Mỹ-tho, rồi sau vì Huỳnh-Tấn giết Dương-ngạn-Địch, đoàn người lưu-vong trong nhóm thứ ba này không phục Huỳnh-Tấn, nên lại đem nhau lên vùng gần Sài-gòn, lập nên Chợ-lớn còn dấu vết hiện giờ.

Đời chùa Nguyễn-phúc-Chu, tất cả mấy nhóm người Tàu sang ta định cư, đều được lập riêng hai xã là Thanh-hà-xã và Minh-hương-xã. Gọi là « xã » chỉ là một giả-định về mặt cai trị mà thôi, kỳ thật họ vẫn cư-ngụ ngay trên đất của làng xã Việt-Nam, chứ không có đất dai ranh giới chi riêng biệt. « Xã » của họ bấy giờ, gần như một « bang » của người Tàu ngày nay.

Danh-từ « Thanh-hà-xã » dần dần không được thông-dụng, chỉ còn danh-từ xã Minh-hương là được nhắc đến thường. Vì hai chữ « Minh-hương » nói lên rất rõ tặc lỏng không quên quê-hương đất-tổ của nhóm người Minh lưu-vong tị-nạn chính-trị, hằng nuôi chí giải-thoát giống Hán khỏi ách giống Mãn nhà Thanh. Do đó, nơi đâu có người Minh-hương thì có hội kín « Thiên-địa-hội », mà hội-viên đều tuyên-thệ với khầu-hiệu « phản Thanh phục Minh ».

Biết như thế, chúng ta không lấy làm lạ về tên chùa « Vĩnh-triều-Minh » của người Minh-hương đã thiết-lập nơi xã Vĩnh-lợi trong tỉnh Bạc-liêu xưa. Không bao giờ họ quên lai lịch của họ là con cháu của giống Hán trong đời Minh, phải bỏ nước lánh nạn Mãn Thanh xâm chiếm !

5) NGÔI CHÙA MIỀN BOUTHALET

Ngôi chùa cổ « Vĩnh-triều-Minh » của người Minh-hương có tiếng bao nhiêu, thì ngôi chùa Miền « Bouthalet » cũng đáng kề vào hàng di tích xưa có giá-trị bấy nhiêu.

Cũng như người Minh-hương, người Miền chẳng quên gốc của họ. Người Việt gốc Miền chiếm 18, 4% dân số trong tỉnh. Họ có mặt ở tất cả các quận trong tỉnh, nhưng ở mỗi nơi họ tập trung lại từng xóm kêu là « Sóc », đa số ở hai quận Vĩnh-lợi và Vĩnh-châu. Họ sống nghèè làm ruộng, trồng rẫy, chài lưới. Đời sống giản-dị thu hẹp trong sóc, ít di xa.

Dẫu mang Việt tịch, người Miền vẫn giữ nguyên phong tục, tập quán, lễ nghi và đạo giáo của họ. Về mặt tin-ngưỡng, ở đâu có người Việt gốc Miền thì đều có chùa Miền, chẳng khác gì người Minh-hương đã làm.

Chùa Bouthalet của người Miền lập từ thời trước, lâu ngày đã sụp đổ. Về sau được viên Phủ-Mầu (người Miền) tu-bồ lại. Đề-tỏ lòng biết ơn, người Miền còn giữ tro cốt của Phủ Mầu sau khi hoả táng, ở tại chùa này.

6) CHÙA VĨNH-PHƯỚC-AN VÀ CHÙA TAM-SƠN QUỐC VƯƠNG HAY CHÙA CÂY ME

Ngoài hai chùa Vĩnh-triều-Minh và Bouthalet đã kề, hấy còn có chùa Vĩnh-phước-An và chùa Tam-sơn quốc-vương hay chùa Cây me cũng có tiếng trong tỉnh.

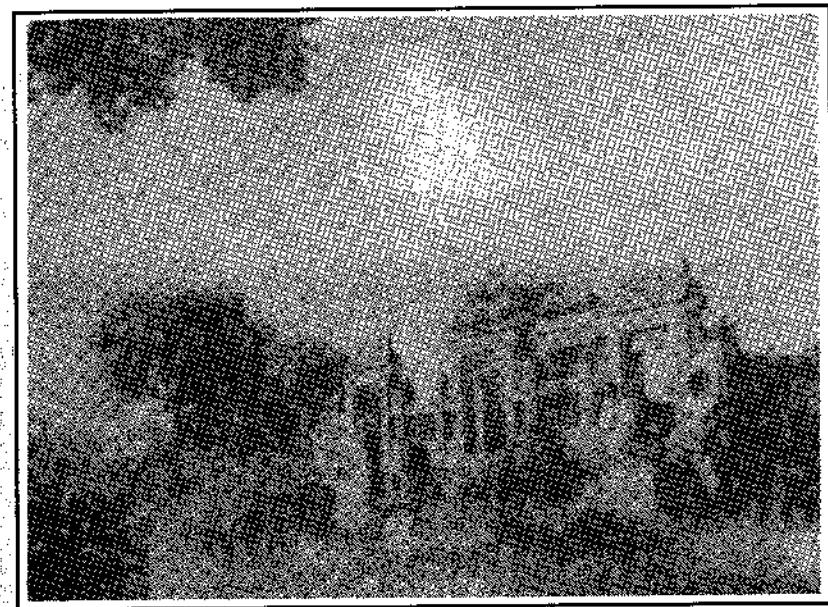
Chùa Vĩnh-phước-An trên đường đi ra biển, xây cất từ trước thời Pháp thuộc. Chùa này được thiện-nam tin-nữ đến lê bài rất đông, vì bên trong thờ phụng cũng như các chùa khác, chẳng có gì huyền hoặc. Trái lại, chùa Tam-sơn quốc-vương hay chùa Cây me lại có một đoạn sự tích truyền kỳ :

Sau cuộc nòi loạn của hai người Miên tên Tia và Sum tự xưng đại tướng hay đại nguyên-soái (Sana) xách động dân-chúng chống Nam triều, có hai người Hoa-kiều tên Tua và Siêu chẳng rõ từ đâu đến Bạc-liêu để tuyên-mộ người vào Thiên-dia-hội. Chúng tồ-chức ở những đồng ruộng gần con lô cao, đặt lư-hương dốt nhang trầm xông khói suốt ngày đêm. Mục-dịch là lợi-dụng sự mè-tín của nhân-dân để mưu đồ thực-hiện những mục-tiêu chính trị. Không thể dung-dưỡng những mưu toan gây rối này, Nam triều phái một vị lãnh-binh đem quân dẹp loạn. Chúng bị giải tán, bỏ những lư-hương lại giữa đồng trống, gãy rạch Giồng-me. Những trẻ chăn trâu nghịch-ngợm khiêng đè dưới gốc một cây me. Đám người sùng-tín thấy thế, mới cất một cái am tranh, lén nhang đèn cúng vái.

Bỗng có bệnh dịch-lả hoành-hành trong vùng. Hồi ấy y học còn phai-thai bất-lực ; đối với bệnh dịch người ta còn tin ở quyền-năng của quan-ôn hơn là nghĩ tới vi-trùng. Rồi thì khu khu lập dàn cầu đảo. Một vị thần nhập xác đồng tự xưng là Tam-son quốc-vương, hứa sẽ cứu-chữa những ai có lòng thành cầu-khấn.

Tin theo xác đồng, người trong vùng đua nhau đến am cây me dâng lě vật cúng tế suốt ngày đêm. Không rõ thần-linh thật hay sự tình-cờ, bệnh dịch cũng vừa ngưng sát-hại. Cảm ẩn ấy, người ta đóng góp xây nên ngôi chùa khà-quan lưu đến ngày nay, mang tên là chùa « Tam-son quốc vương ». Tuy nhiên, người ta vẫn quen gọi là chùa Cây-me hơn, mặc dầu cây me ở nơi đây lâu ngày đã tróc gốc không còn nữa.

Ngôi mộ kiến trúc theo lối cổ



Ngôi mộ này của ông bá hộ Minh,
một địa chủ tên tuổi thời xưa ở Bạc Liêu.

**7) NGÔI MỘ CỔ CỦA ÔNG ĐÀO-CHÂU-THÁI
VÀ NGHĨA-DỊA BINH-SĨ THỜI GIA-LONG TẦU QUỐC**

Tại làng Vĩnh-lợi có một ngôi mộ cổ : mộ ông Đồng-Việc Đào-châu-Thái dưới thời Nam-triều cai-trị hai tông Thanh-an và Thanh-hưng nhập một.

Mặt khác, năm 1929 khi người ta đào đất tại làng Tân-đuyệt (Cà-mau) để đúc nền xáy cát quận đường, có tìm thấy một nghĩa địa dự đoán là của binh-sĩ chúa Nguyễn-Ánh bị Tây-Sơn đuổi ngặt chạy đến vùng này. Quật những ngôi mộ lên, thấy có những nǔ-trang, nút áo bằng mă-não, và những vật-dụng chỉ có trong hoàng triều tại Huế.

**8) DI TÍCH MỘT CHIẾC THUYỀN NGỰ
CỦA CHÚA NGUYỄN-ÁNH TẠI RỪNG NĂM CĂN**

Tại rừng Năm-căn thuộc U-minh-hạ, hãy còn di-tích một chiếc thuyền ngự của chúa Nguyễn-Ánh đã vùi lấp nơi đây. Căn cứ vào di-tích này, người ta nhận thấy chỗ ấy trước kia là bãi biển mà nay đất đã bồi thành rừng.

Nguyên khi bôn-tâu vào Nam, chúa Nguyễn-Ánh đã lẩn theo vùng châu-thò Cửu-long-giang để lẩn tránh Tây-Sơn. Trong sự di-chuyen, chúa Nguyễn khi thì đi đường bộ, lúc thì dùng đường thủy, đặc biệt khi theo đường thủy xuống tận vùng U-minh-hạ bây giờ, chúa ngồi thuyền ngự đóng ruồi. Gặp con Tây-son đuổi bức, chúa phải bỏ thuyền, lèn bộ lướt dầm băng ngàn tị nạn.

Chiếc thuyền ngự bỏ hoang, lâu ngày chầy tháng đất phủ sa lấp hết cả thân thuyền, chỉ còn tro műi thuyền nổi lên cao. Chung quanh là rừng được, tràm vẹt mọc lên bao phủ.

Những nhà làm cùi về sau đến đây, trông thấy mũi thuyền còn lổ dạng, họ bèn hì-hục đào bới lên xem thử. Tim gấp trong lòng thuyền hấy còn những đồ vật đáng giá, động lòng tham họ lấy đem về. Nhưng họ không giữ được lâu. Vì lạ thay! lấy những đồ vật ấy về nhà thì ý như rằng có chuyện lục-đục xảy ra cho họ mãi. Cho là của thiêng có thần linh coi sóc, họ đâm hoảng đem lại trả chỗ cũ, rồi mới được an-toàn.

Lại một truyền thuyết khác : Nơi ấy, vào những ngày lành tháng tốt, khoảng nửa đêm người quanh vùng thường nghe có tiếng quân binh hô hét vang rền, tiếng chân bước rầm rập theo nhịp quân hành, trước chừng như có cả một tiêu đoàn đang xông pha trên bãi chiến trường.

Do những điều kinh-dị mà người quanh vùng từng chứng kiến, tiếng đồn lan xa, thiên-hạ biết đến ngày một nhiều. Cho tới nay, dân-chúng vùng U-minh-hạ không mấy người chẳng biết chuyện chiếc thuyền chúa Nguyễn còn lưu dấu vết.

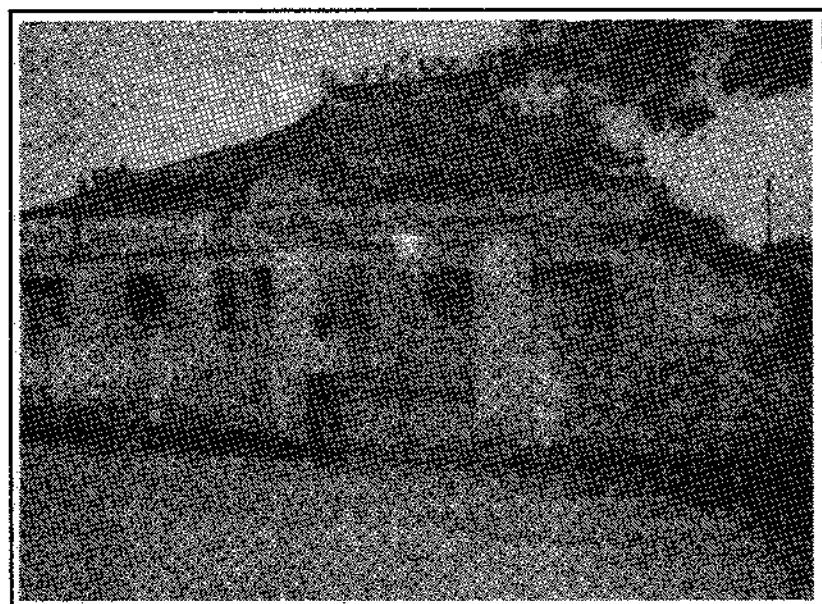
9) MIẾU HỘI-ĐỒNG VÀ MIẾU HẢI-LINH

Về các ngôi miếu xưa, ở Cà-mau có miếu Hội-đồng để thờ các vị linh-thần tam-giới. Và miếu Hải-linh, thờ linh-thần giang-hải.

Hai toà miếu cũ này, trải qua các triều vua nhà Nguyễn đều được chăm sóc đến. Vì rất linh-ứng.

Tương truyền : lúc lánh nạn ở Cà-mau, bao nhiêu lần thoát-hiểm của chúa Nguyễn-Ánh, phần lớn nhờ nơi oai-linh huyền-bí, ở nơi rừng đất linh-thiêng này. Bởi thế, chính chúa Nguyễn đã truyền thiết-lập miếu Hội-đồng và miếu Hải-linh, trước đáp ơn sau đánh dấu cuộc đời luân-lạc đã nhờ âm-phù mặc-trợ mà về sau gầy nên nghiệp lớn.

Đình thần Tân Hưng



Đan Huỳnh Minh đứng trước một ngôi đình cổ kính trên một thế kỷ,
tại thị xã Vĩnh Lợi (Bạc Liêu ngày nay).
Kỷ niệm ngày 15-3-65.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

**10) ĐÌNH-THẦN TÂN-HƯNG, VỊ BỒN-CẢNH THÀNH-HOÀNG ĐƯỢC
NHÂN-DÂN SỦNG-PHỤNG, VUA TỰ-ĐỨC BAN SẮC PHONG-THẦN.**

Khoảng trên một thế-kỷ, nhân-dân vùng Vĩnh-lợi đã họp nhau đóng góp xây-cất một ngôi đình thờ vị thành-hoàng trong vùng mìn. Cố nhiên, lúc ban-so ngôi đình chỉ lợp bằng lá, đâu đã được khang-trang mỹ-lệ như bây giờ. Nhưng chùa rách phật vàng, vị thành-hoàng bồn-cảnh rất linh-thiêng, hữu-cầu tất-ứng, khiến dân-chúng không ngớt tới lui chiêm-ngưỡng, khói hương phụng cúng.

Kịp khi cụ Phan-thanh-Giản ngồi chức Kinh-lược phó-sứ ở miền Nam (phụ-tá cụ Kinh-lược đại-sứ là Nguyễn-tri-Phương), cụ Phan rất siêng-cần việc nước, việc dân, thường di quan-sát tinh-hình sinh-hoạt của dân-chúng khắp nơi, đặt đại bản dinh tại Long-hồ (Vĩnh-long ngày nay).

Một ngày kia, đi kinh-lý huyện Long-xuyên (Cà-mau), ngang qua vùng này, trông thấy ngôi đình tuy sơ-xác song không thiếu vẻ tôn-nghiêm-trang trọng, cụ Phan dừng chân cảm-niệm, hỏi các quan chức địa-phương :

— Đình này thờ ai ?

Các bô-lão thưa :

— Chúng tôi thờ vị Thành-hoàng bồn-cảnh.

Cụ Phan chạnh lòng bảo :

— Được, để ta lo cho, hẫu thêm rạng vẻ phần nào.

Các ông nhớ tháng sau thì lên bản dinh của ta, ta sẽ viết sớ tâu vua, xin phong sắc Thần cho đầy đủ uy-lín.

Các quan chức địa-phương đều mừng. Gần đến ngày hẹn, hương chức trong vùng phái năm ba vị bô-lão đại-diện yết-kiến cụ Phan. Phái đoàn ngồi thuyền đến Vĩnh-long, dọc đường chẳng khỏi bức mình it nhiều với đám quân tuần còn quen thói hoạch hoé hạch sách dề đòi tiền hối-lộ. Dẫn lòng nuốt giận, chịu cực đủ thứ các vị bô-lão mới vào được tư-dinh cụ Phan, dâng điều thỉnh nguyện.

Cụ Phan nhớ lời và cảm tăm lòng thành của các vị bô-lão, bèn làm sớ trao cho. Đã chẳng quản ngại gian-lao, từ Bạc-liêu lên Vĩnh-long, chỉ vì một tấm tinh thành, sùng mộ vị Thành-hoàng bồn cảnh, các bô-lão lại vui-mừng nhận sớ lên đường thẳng ra đế-đô. Vất-vả bao nhiêu trên đường ngàn dặm (di bộ ròng rã suốt tám chín tháng), phái-doàn càng kiên trì tâm chí bấy nbiêu.

Ôn trên chảng phu, phái đoàn vào chầu vua (Tự-đức) được ban sắc thần cho.

Nguyên-văn bản sắc thần :

« Sắc bồn cảnh Thành-hoàng chi Thần, nguyên tăng quản hậu chi thần,

« Hộ quốc ti dân năm trừ, linh ứng chi kim phi ứng, đích mang niên niêm thần hựu.

« Khả gia tăng Quản-hậu chính-trực hựu thiện dôn ngưng chi thần

« Nhưng chuẩn Phong-thạnh huyện, Tân-hưng thôn, y cựu phụng-sự.

« Thần kỳ tương hựu, bảo ngã lê dân. Kham sai,

Tự-Đức ngũ-niên, thập nhất nguyệt,
trấp cửu nhật

Nghĩa :

« Lịnh triều-dình phong sắc cho vị Thành-hoàng bồn cảnh, chức cũ là vị thần Quản-hậu.

« Giúp dân giữ nước sáng tỏ công-lao, linh ứng đến ngày nay, nhân dân bồn địa đều nhìn nhận.

« Lòng trẫm cũng tin-tưởng là Thần giúp nên dân mới được bình an. Vậy hôm nay trẫm già phong thêm là Quản-hậu chính-trực, hựu-thiện dôn ngưng chi thần.

« Sắc này chỉ phong vị Thành-hoàng tại thôn Tân-hưng huyện Phong-thạnh, nhân-dân sở tại hãy y theo lối cũ mà phụng thờ.

« Thần sẽ giúp cho, và Thần phải hết bồn-phận gìn-giữ lê-dân của Trẫm. Hãy vâng theo sắc lệnh.

Tự-Đức năm thứ 5 (Nhâm-Tý 1852)
tháng 11 ngày 29

Phái đoàn thỉnh sắc thần về. Các vị bô-lão đứng ra cắt ngôi đình lại rộng lớn hơn, lợp ngói, vách ván.

Người đầu tiên dày công dồn đốc cắt ngôi đình, chính là ông Triệu-Vạn-An — một địa-chủ thời ấy.

Thời gian qua, khi ông Triệu-vạn-Tượng làm Hương cả, một ngày kia xem lại, phát giác sắc thần đã bị ai lấy mất, truy nguyên mãi không ra mối. Ông Cả Tượng và các vị hương chức dành phái hương dăng trà quả khấn cáo trước linh vị Thần.

Trong giờ phút thiêng-liêng, tôn-nghiêm kính cẩn, thần linh bỗng nhập xác ông Triệu-vạn-Tượng mà mách bảo :

— Tên ăn trộm là người trong làng, lấy bản sắc đem bán cho làng khác. Hãy đến làng Hoà-Tú, Vầm Xέo Cồ cò, sẽ tìm lại được.

Quả đúng như lời. Tiếng dồn thần thiêng ngày một vang xa. Nhân dân trong làng làm ăn càng ngày càng thịnh phát.

Sau, ông Triệu-vạn-Tượng đắc cử hội-đồng, và ít lâu lên cai-tông Thạnh-hoà, kiêm Chánh-báu tiền-biền. Lần-lượt các vị sau đây kế tiếp làm Chánh-báu :

Chúng tôi không rõ các bậc tiền-hiền thời xa xưa, vậy xin liệt-kê những vị sau này :

- 1) Triệu-vạn-An
- 2) Triệu-vạn-Tượng
- 3) Nguyễn-đức-Phượng
- 4) Lâm-đắc-Tho
- 5) Nguyễn-ngọc-Chỉnh
- 6) Nguyễn-văn-Thành
- 7) Lâm-hữu-Tổ
- 8) Lê-văn-Tượng. (Ông này hiện đang giữ chức vị Chánh-báي, tuổi đã trên 60).

Ngôi đình-thần, ngày nay nguy-nga tráng-lệ hơn xưa, mái ngói, vách tường cao-ráo.

Hằng năm đáo lê kỵ yên cúng tế 2 lần : đại lê cầu an nhằm ngày 20 tháng giêng, long-trọng hành-lễ suốt 3 ngày và ngày 12 tháng 7, lê cầu siêu bổ-thi.

Chúng tôi đến Bạc-liêu, sưu-tầm tài-liệu lịch-sử, hân-hạnh gặp bà Ngô-minh-Hờn, phó Hội-trưởng Hội Phật-Học tại đây, hưởng dẫn qua các ngôi chùa và đình-thần, đồng thời bà cũng giới-thiệu cho biết nhà ông chánh-báy đương kiêm đình Tân-hưng, nghe ông kể qua sự-tích ngôi đình đã có trên một thế-kỷ, được đồng-bào dân-chung ở đây hết lòng sùng-kinh, chung lo kiến-thiết nhiều đợt. Ngày nay rộng lớn đồ-sộ để bảo-tồn di-tích lịch-sử do công các bậc tiền-hiền đã kè trên.

11) MIẾU CÔNG-THẦN

Ngoài những di-tích trên bước đường lưu-vong của chúa Nguyễn-Ánh, còn có một di-tích đặc-biệt do chính chúa Nguyễn đã đốc-suất nhân-dân xây-dựng nên. Ấy là miếu công-thần tại Cà-mau.

Lúc từ Phú-quốc về, chúa Nguyễn ghé lại bãi Cửa Lớn tại vịnh sông Bãi-háp. Miên-man nhớ lại những ngày qua đây hãi-hùng lo âu, rồi tưởng niệm công ơn những người đã tử trận trong con hố-giá quanh vùng Cà-mau, chúa Nguyễn bèn truyền lập một toà miếu công-thần, để hằng năm khôi hương truy-diệu.

Toà miếu này đầu tiên xây cất ở một nơi mà về sau chánh-quyền Pháp đã lập bốt cò (Gendarmerie). Sau dời về phía bên kia sông gần chùa ông Tô-Xuân (Quan-Âm cù-tự) và đình làng An-Xuyên.

Miếu công-thần được thiết lập tại Cà-Mau là một minh chứng hùng hồn về cuộc đời ba chim bảy nồi của chúa Nguyễn-Ánh khi lần thân vào chốn rừng sâu nước độc, nói lên nợ-duyên khắng-khit giữa chúa Nguyễn với nhân-dân Bạc-liêu Cà-Mau (huyện Trần-di và huyện Long-xuyên) thuở xa xưa. Huống chi, chính chúa Đinh-vương (Túc Duệ-tông Nguyễn-phúc-Thuần, chú của Nguyễn-Ánh) đã bị Tây-sơn vây bắt được tại Cà-Mau vào năm Đinh-dậu 1777 và đem về Sài-còn (tức Sài-gòn bây giờ) hành quyết. Đây là mối huyền-hải thảm-thù mà Nguyễn-Ánh không sao quên được, khi thoát khỏi con nguy-biến đó. Bởi thế, lập miếu công-thần, dành rằng để ghi-Ơn những ai đã có công hộ-vệ, mà kỳ thật thân tâm Nguyễn-Ánh muốn lấy đó đánh dấu nỗi bi thảm nhất tại Cà-Mau đó nào.



ĐIỀU ĐÌNH SÂN CHIM LỚN NHẤT VÀO THỜI XƯA MỘT NGUỒN LỢI THIÊN-NHIÊN ĐÁNG KÈ Ở CÀ-MAU

NÓI đến thắng-cảnh địa-danh ở Bạc-Liêu Cà-Mau mà không đề cập đến sân chim nỗi tiếng của vùng này, thật là một điều thiếu sót cho việc sưu-tầm. Ngày xưa, tại đây có một sân chim quan trọng, khắp nơi đều nghe tiếng.

Chỗ sân chim ở là một vùng đất phù-sa, hoang vắng còn sinh lầy, àm tháp, cây cối um-lùm. Nào là vẹt, ducker, ráng, choại. Các loài chim chóc thường chọn chốn này để tụ-tập cư trú và sinh sống. Thời xưa ông-bà chung ta theo nho học quen gọi là «Điều-đình» (điều là chim, đình là sân), nôm na gọi là sân chim.

Đồng-bào miền Nam nước Việt từ Nam-Quan tới mũi Cà-Mau rất vinh hạnh được lộc trời ban cho nhiều sân chim như : Rạch Thứ Nhứt, Kinh Dài, Thầy quơ, Chắc băng, Đầm dơi, Cồ cò v.v... Sân chim lớn nhứt tại Cái nước, rộng hơn 7 mẫu tây, ở Bà-Hình, dọc trại là ấp Nhà Thính, chạy dài theo sông Bãi-háp ngày nay là quận Cái-nước thuộc vùng Cà-mau.

Cách xa khu vực này một ngàn thước, dân cư vẫn thấy hơi chim từ mặt đất xông lên như hốc khói, ngọt mùi phân chim tanh hôi nồng-nặc. Thường ngày, vào khoảng bốn, năm giờ chiều, chim từng đoàn bay về tò, quây-quắn trên không như đám mây to, che phủ một góc trời. Chim chóc quần tụ nơi đây đông vô số. Đầu các loài chim lớn nhỏ như : cò, sέo, diệc (vạc) le le, vịt nước, cồng-cộc, lóng ống, già dãy, bồ nông, chó đồng, v.v... Có nhiều loại chim to lớn như thắng bè (chàng bè) đôi cánh dài hơn hai thước. Cũng có loại chim như già sói cao tới một thước ba mươi phân, cánh dài tới 5 tấc. Khi chim ngóng cồ, đưa đầu sói sói như sọ dừa, xa trong chim già sói giống như một nhà nông mặc áotoi.

Bộ Đại-Nam nhứt thống chí và tập Nam-kỳ lục-tỉnh, có ghi một đoạn về «Điều-đình» (sân chim) như sau :

«Những chim ở ngoài biển đến đậu từng bầy không biết muôn ngàn nào mà kè. Thường năm, đến kỳ đẻ trứng có trà-hộ-ngạch bao lanh nạp thuế ấy, gọi là thuế Điều-đình và lấy cánh lông bán cho lái buôn Trung-Hoa. »

(Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, do Nhà Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản).

Theo tài-liệu đáng tin, thì vào tháng mười âm-lịch, chim bắt đầu làm ố. Qua tháng mười một, chim đẻ trứng mỗi ố chừng đoi ba trứng. Chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp. Trứng nở, chim mẹ và chim cha thay phiên đi tìm mồi ở miệt Hậu-giang và Tiền-giang, có khi tìm mồi xa tận Biển-hồ (Nam-vang) đem về nuôi con.

Chủ sân bắt đầu chuẩn-bị giết chim ngay từ lúc trứng chim vừa nở. Họ mướn bạn, cắt chòi ở giữ sân thường-trực và bắt nhơn-công chặt trám, đốn tre làm hai vòng rào vuông vức, mỗi bờ chừng năm, sáu trăm thước, cao hai thước. Vòng rào bên ngoài cắm cây khít nhau và đóng sâu xuống đất, phòng ngừa chim phá rào chạy thoát.

Cuối tháng giêng, chủ sân lo mướn người chuyên-môn giết chim. Giờ ra tay, thường vào đêm không trăng, vì họ lo ngại lúc trăng sáng, chim con đủ lông cánh sẽ bay mất.

Trong quyển «Tim hiều đất Hậu-giang» của nhà văn Sơn-Nam mô-tả sự bắt chim một đoạn trang VII như sau :

Vào nửa đêm, có tới hai ba mươi người, chuyên-môn giết chim, nai-nịt hắn-hỏi, xông vào sân, tay quơ đuốc lửa, tay cầm cây «xơ-quất» đè đập mòng, bò-chết hút máu chim bay ào-ào. Họ la hét, rồi dùng đuốc đập nhầu trên các ố chim. Chim hoảng-sợ, chạy vào vòng rào thứ nhứt, rồi tuôn qua vòng rào thứ nhì. Lúc này thì các tay giết chim bỏ đuốc, dùng hai tay gân-guốc mà bé cồ chim, hết con này đến con khác, cứ như vậy mãi, từ nửa đêm cho đến rạng đông mới thôi.

Trời rạng sáng, xác chim nằm la-liệt khắp sân. Böyle

giờ, đến lượt các bạn chuyên-môn nhô lông ra tay. Những người này nhô lông chim rất nhanh và bó thành nhiều bó, mỗi bó 30 lông lớn, hoặc 35 lông nhỏ, dù kết một chiếc quạt. Họ trao cho chủ săn, rồi lấy thẻ để sau này căn-cứ vào sổ thẻ mà lãnh tiền công. Chót hết đến phiên người đi hời. Họ được quyền nhô mót những lông chim còn sót, với điều-kiện là phải hốt hết các xác chim, đem bỏ tận ngoài sòng cái, vì nếu dê vây thi xác chim sinh thui, chim sẽ hoảng sợ bỏ sân bay mất.

Mỗi năm chim bị giết ba lần : Lần đầu cuối tháng giêng, hai lần sau vào cuối tháng ba âm-lịch.

Mỗi kỳ số chim bị sát hại từ 1.000 đến 5.000 con. Tính trung-bình mỗi con 10 ký lô thịt, thành thử có 10 tới 5.000 bò trâu sông. Ở miệt này thịt cá thừa thải, nên dân-cư không ăn thịt chim, thỉnh thoảng có vài người nướng một đôi con chim ra ràng đê nhậu nhẹt thôi.

Cũng vì sự sát hại chim chóc quá mức, thiếu phương-pháp dung-dưỡng chim, họ hủy hoại luôn cả trứng chim, cho nên vào khoảng 1910 thì chim bỏ di nơi khác. Ba chục năm sau, chim chóc mới lần lần qui tụ lại.

Đến năm 1950, người ta khai-thác triệt đê nguồn lợi thiên-nhiên tại vùng này. Quanh khu-vực chim ở, phân chim ngập cao 4, 5 tấc tây. Số cá bị chim tha về lồ làm rơi rớt mỗi ngày có thể lượm tới 5, 7 giờ.

Mỗi kỳ, người ta bắt chim ra ràng bán có trên năm, mươi ngàn đồng. Mỗi lần hốt trứng chim, phải dùng ghe lường mới chở hết. Đó là kè chuyện năm xưa.

Hiện nay, vì thời cuộc chiến-tranh, sân chim bị tàn phá, chim chóc đã di-cư nơi khác cũng trong Cà-Mau miệt U-minh Thương, giữa cánh rừng hoang-vu ít người lui tới.

Tỉnh Cà-Mau, Bạc-liêu có rất nhiều nguồn-lợi thiên-nhiên đáng kề, mật ong, sáp, cá đồng, tôm khô, cua biển, than dược, mỏp một tài-nguyên đem lại cho tỉnh với con số năng suất hằng năm, trong thời bình bằng mấy tỷ bạc.

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

Gốc kiểng cổ thụ trên 120 năm



Ông Trương Văn Yên, một nghiệp chủ ở Bạc Liêu,
(đứng mé trái), là chủ nhơn gốc kiểng thụ.

Ông đang trình bày qua sự tích gốc kiểng
với nhà sưu khảo Huỳnh Minh, tại tư gia ngày 10-3-1966.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

**MỘT GỐC KIỀNG THỤ SỐNG TRÊN THẾ-KỶ
TẠI BẠC-LIỀU**

X

Ở Bạc-liêu, từ trước tới nay nổi tiếng là một tỉnh giàu cỏ, ruộng đất cỏ bay thẳng cánh. Tài-nguyên ở đây là một vựa lúa dồi-dào, một vú sữa cung-cấp cho toàn cõi Việt-Nam và xuất-cảng ra ngoại-quốc, còn có thêm những nguồn lợi khác đáng kể như : muối, hải-sản, súc-vật v.v...

Bạc-liêu thời xưa, đã nổi tiếng lắm nhà triệu-phú, như bá-hộ Minh, ông huyện Sia, ông huyện Kê, ông huyện Sòn và những kiêng họ tên tuổi, Trần-Trinh, Cao-Triều, Chung-Bá v.v...

Các nhà giàu ở đây, sống với cuộc đời trưởng-già, tất nhiên có những biệt-thự lộng-lẫy, nào là huê-viên rộng lớn, trồng đủ loại hoa thơm cỏ lạ, với những chậu kiêng lâu đời, như-mai chiến-thủy, kim-quất, tảng-thăng, có gốc thâm-niên, năm bảy chục năm, cả trăm năm chẳng hạn.

Bạc-liêu đã vang bóng một thời, gầm vóc non sông. Đến nay tỉnh Bạc-liêu, hãy còn những tàn tích kỳ huê-phong nguyệt. Đáng kể nhất là một gốc kiêng thụ nơi nhà ông Trương-văn-Yên đã sống trên 120 năm, tức hơn một thế-kỷ.

Đến tỉnh Bạc-Liêu, nhắc tên Trương-văn-Yên, du-khách sẽ nhận thức sự quan trọng của địa chủ này đối với những người bản-xứ. Họ rất chú-trọng đến nơi đã từng nổi tiếng phong lưu dài các trong giới hào-hoa... và cũng là một nơi xuất chúng anh tài vinh dự cho xứ sở.

Ông Trương-văn-Yên là người nho học, có óc hiếu-kỳ trong các lạc-thú huê-viên... Ông cũng là người có tánh khiêm-tốn và làm sui-gia với nhà bác-vật nổi tiếng miền Nam thời bấy giờ là ông Lưu-văn-Lang.

Trước kia, ông có xuất-dương qua Pháp một thời-gian. Sau khi về nước, những sự thăng trầm thế cuộc, làm ông chán ngán nǎo-nè như nhà nho Nguyễn-công-Trú thuở nào :

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,
Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao !
Đám phòn hoa trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kè !*

Vì thế ông tìm thú vui phong nhã ! Cuộc cờ kiêng vật tiêu khiển diền-viên, gởi chí bình sanh bốn bề. Do đó, mà nơi nhà ông có trồng biết bao nhiêu kiêng lạ, hoa thơm. Mãi đến nay có đến bắng bao nhiêu gốc còn lại. Trong dàn kiêng của ông, đáng chú ý nhất là một gốc kiêng (⁽¹⁾) ngoài 120 năm.

Kè gốc kiêng này cũng trải qua mấy đời người. Người trồng gốc kiêng này đầu tiên là ông Lư-văn-Ngọc. Ông trồng vào khoảng ông trên 30 tuổi. Đến lúc chết, là 95 tuổi. Ông Lư-văn-Ngọc để lại cho ông Lư-hữu-Thành (tức cụ thân sinh của ông Lư-hòa-Nghĩa, cố Giám-đốc đoàn ca kịch Thanh-Minh, bây giờ là Thanh-Minh Thanh-Nga).

Gốc kiêng truyền lưu đến nay đã mấy đời người và thay chậu tới 5 lần. Hiện nay, gốc kiêng vẫn còn sống và cành lá vẫn xanh tươi.

Sự đặc-biệt nhất của gốc kiêng này là trồng trong chậu mà sống được lâu đời, quả là một việc ít có. Còn loại cây rừng sống dưới đất đến 2 hay 3 thế kỷ là sự thường.

Trước khi viết loạt bài này, tác-giả có đến tận nơi quan sát và chụp ảnh làm kỷ-niệm với ông Trương-văn-Yên.

Trước sự trường-tồn của kiêng vật đã làm cho người đời một niềm vui thiên-nhiên khó tả...

Nơi nào còn tồn lưu những kiêng vật, huê vién, thì còn phảng-phất nét oai-hùng cao đẹp của non sông.

(1) Gốc kiêng này bằng cây sẹp.

Chiếc đồng hồ gần một thế kỷ



Chiếc đồng hồ xây bằng gạch tàu, bè cao 1 thước, bè ngang 8 tấc, do nhà kỹ sư Việt Nam đầu tiên sáng chế, không có máy, kim khắc số La Mã, chỉ giờ bằng bóng mặt trời, rất đúng, xây mặt về hướng Đông.

Di tích này hiện nay vẫn còn tại Bạc Liêu.

Ảnh do Thiếu Tá Đ.V. Hiến tặng

**CHIẾC ĐỒNG-HỒ XƯA KHÔNG MÁY
XÂY BẰNG GẠCH, HIỆN CÒN DI-TÍCH Ở BẠC-LIỀU**

D

È do-lường thời-gian, ngày nay ai cũng biết đến công-dụng của cái đồng-hồ, nhất là vào thời-dai khoa-học phát-triển cực-độ, người đời càng ngày càng có thêm lầm kiều đồng-hồ xinh-dep và giản-tiện vô cùng.

Nhưng ngược dòng thời-gian, về thuở xa xưa, vẫn-dè do-lường thời-gian vẫn là vẫn-dè làm nhoc lòng người xưa không ít. Trong dân-gian, Âu-Á Đông-Tây gì cũng thế, lúc chưa sáng chế được đồng-hồ, người ta chỉ có mấy phương pháp thông-dụng nhất, đại-khai là nghe gà gáy, trống canh, xem mắt mèo, lá khế, hay là ban đêm trông sao, ban ngày cẩm sào đo bóng là cùng.

Đến đời Đường, đời Tống ở Trung-Hoa (thế-kỷ thứ X, thứ XI) người ta mới bắt đầu có đồng-hồ. Gọi là đồng-hồ, vì khí-cụ này rất đơn-giản, chỉ gồm có ba cái hồ nhỏ làm bằng đồng, hình vuông, đê cao thấp chênh nhau ; hồ trên hết đựng nước, rỉ lăn hồi từng giọt xuống hai hồ dưới, chuyền đến một hồ tròn kê thấp nhất, trong ấy cắm thẻ ghi số giờ khắc, nước dâng lên đến độ nào tức là giờ đó. Hết đồng-hồ nước, (lâu hồ clepsydre), lại đến đồng-hồ cát (sa lâu sablier) xuất hiện. Kịp đến thế-kỷ thứ XV, Tây-phương mới sáng chế ra đồng-hồ máy (horloge mécanique) chia làm nhiều loại : đồng-hồ lò-xo có dây cót (horloge à ressort), đồng-hồ quả lắc (horloge à pendule) v.v... Từ ấy,

cái danh-từ đồng-hồ vẫn là danh-từ chung để gọi tất cả các thứ khí-cụ dùng để đo-lường thời-gian ấy.

Ở nước ta, vào cuối thế-kỷ XVI sang đầu thế-kỷ XVII, dân ta đã biết đến đồng-hồ máy của Tây-phương rồi. Và người Việt-nam đầu tiên là Nguyễn-văn-Tú đã bắt chước được kỹ-thuật chế thành đồng-hồ của Tây-phương, mà chế ra một thứ đồng hồ chuông gọi là « Tự minh chung ».

Nhưng, ai có ngờ đâu vào thế-kỷ XIX, một vị Bác vật đầu tiên ở Việt-Nam thâu thai khoa-học Tây-phương, lại đã sáng chế ra một thứ đồng-hồ, khác hẳn các thứ đồng-hồ đã có. Ấy là đồng-hồ của bác vật Lưu-văn-Lang, chế tạo sau khi tỉnh Bạc-liêu thành lập.

Ông chế tạo một cái đồng-hồ đặc-biệt, xây bằng gạch, dựng ở trước sân dinh Tỉnh-trưởng trong thời Pháp-thuộc, nay là dinh của vị Chuẩn-trưởng Tư-lịnh sư-doàn 21 bộ-binhh.

Di-tích đồng-hồ này hãy còn, xây đồi chiếu dung về hướng đông. Mấy chữ số La-Mã chỉ giờ khắc gần [bằng] gạch tàu.

Sáng sớm, mặt trời vừa mọc, thì bóng rơi ngay số 7 ; mặt trời dần dần lên cao đến độ nào thì bóng cứ rơi lần-lên các số chỉ giờ, cho đến khi đứng bóng thì chỉ đúng số 12. Trời xế chiều, bóng dần nghiêng vẫn rơi đúng theo thứ tự thời khắc. Đến khi bóng hạ lần xuống mực tam-cấp thấp nhất thì mặt trời đã lặn, đồng-hồ này chỉ công-dụng khi có ánh-sáng mặt trời, còn mưa trời sầm, thì không coi được.

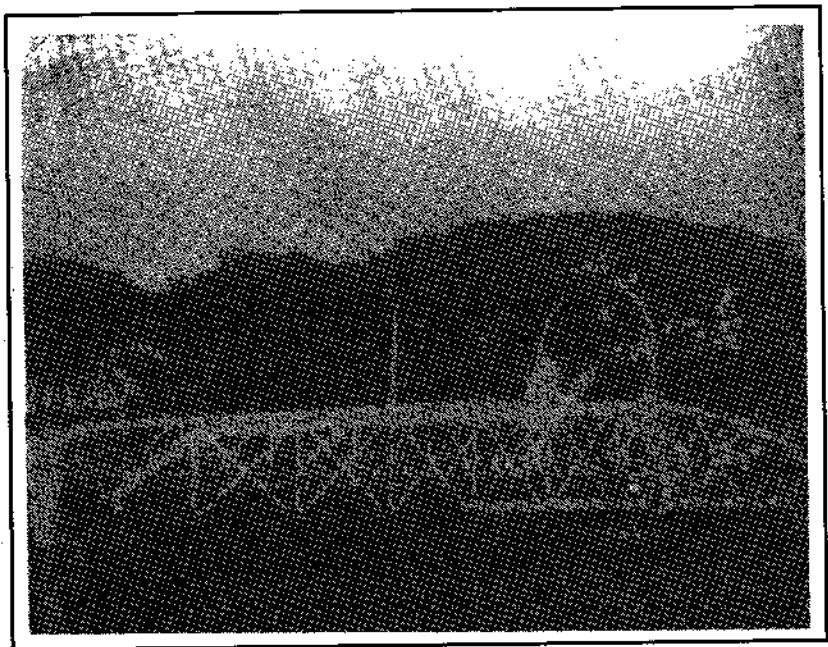
, Đồng hồ hoàn-toàn không có máy móc chi cả. Ngày nay, quý khách đến viếng tỉnh Bạc-liêu, nhìn di-tích đồng-hồ ấy,ắt chẳng khỏi liên-tưởng đến thứ đồng-hồ]Thái-dương (horloge solaire). Loại đồng-hồ Thái-dương xuất-

hiện từ thuở xa xưa, khi loài người chưa có cơ-khi, chỉ áp-dụng những dụng-cụ thô-sơ mà cấu-tạo nên. Đồng-hồ này gồm có một cái trụ đứng thẳng giữa một cái khung bán-nguyệt bằng-phẳng, gọi là nhật-quỹ (cadran solaire), có chia từng gạch, mỗi gạch là một giờ. Bóng cái trụ rơi xuống nhật-quỹ, đúng vào gạch nào, thì là giờ ấy.

Phải chăng ông bác-vật Lang, đã theo thề-thức đồng-hồ Thái-dương mà biến chế ra. Đầu ngày nay, còn dùng đến cái đồng-hồ của ông đi nữa, thiết-tưởng vẫn như là bảo-tàng một kỷ-vật có nhiều điểm đặc-biệt đáng gìn-gữ lại. Ngay như bên Âu-châu, người ta đã tiến đến mức tuyệt xảo trong nền văn-minh cơ-khi, thế mà tại trước sân, lâu đài Windsor ở vùng ngoại-ô Luân-Đôn (nước Anh), vẫn còn lưu đài một cái đồng-hồ Thái-dương, danh tiếng nhất của họ. Xem thế, lẽ nào ta không nhắc đến cái đồng-hồ bằng gạch — có một không hai — của ta ? Di-tích còn đó, chúng tôi ghi chép lại ít nhiều cảm-ghĩ của chúng tôi trong bài này, khi chúng tôi đã đến Bạc-liêu sưu-tầm tài-liệu, hầu cống-hiến bạn đọc bốn phương tập biên khảo về Bạc-liêu, tưởng chừng chẳng đến nỗi vô bờ.



Chiếc cầu quây ngày xưa



Chiếc cầu quây làm vào thời Pháp thuộc, bắt ngang sông
chợ Bạc Liêu đã bị chiến tranh tàn phá, nay đã thay cầu sắt khác.

Ảnh sưu tầm

CỐ - TỤC

CỦA NGƯỜI MIỀN TẠI BẠC-LIÊU



ỈNH Bạc-Liêu, Sóc-Trăng, Trà-Vinh, Châu-Đốc là một trong những tỉnh ở miền Tây có người Miên sống nhiều nhất.

Tìm hiểu đại-cương xứ sở qua nhân chủng, chúng ta không thể thấu đáo nỗi những sự cao đẹp cá biệt của địa phương... Và cũng không nhận thức được những cỗ-tục truyền thống từ xưa của người bản-xứ.

Tại Bạc-Liêu, ngoài những cảnh xa xưa cổ kính ; những lăng miếu đình chùa bên đồng áng bao-la, bát-ngát, còn có những tục lệ cỗ truyền của người bản xứ, nhất là người Miên... Những ngày hội hè lễ Tết, các tục-lệ này được diễn lại một cách linh động, khiến người chúng kiến như mờ thấy lạc bước xứ người vậy.

Khác với tục-lệ Việt-Nam, người Miên ăn Tết vào tháng ba âm-lịch, sau lễ Thanh-minh 7 ngày.

Trong những ngày lễ Tết của họ tung-bừng và náo-nhiệt tuy nhiên vẫn giữ được vẻ du-duong trầm bồng lâng-lâng trong âm diệu Đông-phương. Ngoài những ngày lễ Tết, người Miên còn có những cỗ-tục lễ bái có tính cách tín-nugưỡng. Họ lễ Phật (visa chochea) vào tháng tư âm-lịch, lễ Cẩm phòng sư vãi (cholvasa) vào tháng 6 âm-lịch, và lễ sư

vãi xuất phòng (chenhsava). Vấn đề tín-ngrõng và sùng bái đối với người Miên là một vấn đề hệ-trọng trong các cuộc hội hè. Vì thế nên họ đặt ra rất nhiều cuộc lễ bái.

Những lễ chính thức như ngày Tết, ngày lễ Phật có tính cách tín-ngrõng. Người Miên còn có tục-lệ của các lễ khác, như lễ Ông Bà (Bonta) vào tháng 8 âm-lịch, lễ Đưa nước (Oromkho) vào tháng 10 âm-lịch, lễ Dâng áo cho các chùa (Bonh-cà-Thanh) vào tháng 11 âm-lịch...

Đối với người chết, họ theo phong-tục hoả-tàng. Việc hôn-nhân của người Miên khác với tục-lệ của người Việt-Nam, như khi cưới hỏi dâng trai phải lo liệu tất cả nhứt là việc dãi ăn. Dâng trai phải đem đồ nấu nướng sang dâng gái để lo tiệc tùng v.v... Mỗi năm, người Miên còn có tục-lệ hào hứng và lý-thú nhứt là ĐUA GHE NGO giữa các chùa. Lễ này thường được tổ chức trong dịp lễ Đưa nước.

Về phương-diện kịch nghệ, họ có hai loại hát :

- Dù kê (như cải-lương của ta).
- Lô băm (lối hát cồ như hát bộ).

Về bộ môn vũ, họ có những vũ điệu LÀM THOL và nhạc ngũ âm, gọi nôm-na là « *đập bồn, đập bát* », không kém kích động nhạc ngày nay.

Tóm lại, tỉnh Bạc-Liêu có đủ trăm thức phong-lưu, tao-nhã từ dân bản xứ đến những chủng tộc thiểu số đều lich-lâm trên địa hạt phong-lưu.

Chùa Khôsetaran



Một ngôi chùa cổ của người Miên tại Sóc Đòn
quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc



**MỘT VÀI CỔ-TỤC
CỦA ĐỒNG-BÀO ĐỊA-PHƯƠNG**

T

HỜI XƯA, đất Bạc-liêu còn hoang-vu, nhà thưa người ít, đồng-bào dân-chung bản-xứ không được đồng, phần nhiều là dân khắp miền đến sanh cơ lập nghiệp, nhứt là người Triều-châu, nơi chân trời gốc bờ nào cũng có mặt họ đến dè khai-thác công-việc làm ăn sống chung với người địa-phương.

Thời ấy, sự giao-thông trong vùng không có đường bộ như ngày nay, mỗi lần trong thôn-ấp muôn di-chuyền từ làng này qua làng kia, thì phải đi bằng xuồng ghe, hoặc cõi ngựa băng đồng, chờ không có xe cộ, sự di-chuyền thời ấy là cả một vấn-dề khó-khăn, mỗi khi trong gia-dinh có người bình-hoạn, hoặc quan, hôn, tang, lễ, đến cho thân-nhân hay phải mất dời ba ngày mới tới chỗ, nhưng người dân địa-phương, họ vẫn sống nếp sống cần-cù chất-phác, dẫu cực-khổ cho thế mấy họ cũng kiên-gan nhẫn-nại, dè thực-thi cho được việc, chờ không thối chi ngã lòng trước những việc khó-khăn.

Qui bạn đọc hẵng nghe một giai-thoại ở thời xưa, ông già Batri, từ Kiến-Hoà di bộ ra tận Triều-dinh Huế, dè dảng sờ kêu oan một vụ kiện, phải mất cả năm trời gian-nan vất-vả mới tới Huế gặp được nhà vua. Câu chuyện ấy, dù chứng-minh việc làm của ông bà ta thời ấy. Dầu đường sá xa-xôi, ngăn sông cách núi, qua truong lèn đèo, gian-lao nguy-hiểm cho thế mấy, cũng toàn là đi bộ, hoặc chèo ghe, cõi ngựa, đi vỗng mà thôi, chờ đâu có phương-tiện như ngày nay.

Trở lại vấn-dề cõ-tục, đồng bào sauh-trưởng đất Bạc-liêu đời sống dân-cư ở đây rất hiền-hoà chất-phác, siêng cần mẫn-cáng, tận-tụy làm việc, phần nhiều đều hấp thụ nền đạo giáo Không-Mạnh, ăn ở theo xưa, trai gái không vượt qua bức tường lê giáo gia-phong, đây chúng tôi xin kể sơ một đôi tập tục cưới gả.

Mỗi khi chàng trai muốn nói vợ cho con phải cậy mai dong đến nhà chàng gái khăn đèn áo dài chàng-hoàng, và nếu được bên chàng gái chấp thuận cho đến coi, nếu cô dâu và cha mẹ 2 bên bằng lòng thì phải chọn ngày tốt làm lễ sờ-vấn đầu tiên, nào là đi rượu, trà, bánh ngọt gì đó để cho biết chàng gái nhận hứa gả con cho chàng trai, kè từ đó tình sưa gia được thông-cảm hiểu biết với nhau mà đi tới.

Đến giai đoạn đám hỏi, chàng trai phải đi cho cô dâu một món duy nhất là đói bông đeo tai, đó là cái hoa con gái đầu tiên, kế đó cắp đèn sáp, với đói món nữ-trang khác, nào là cây kiềng, nhẫn, dây chuyền hoặc một số bạc mặt tùy theo sự đói hỏi của chàng gái và gia-cảnh của chàng trai.

Thời xưa khi làm lễ hỏi rồi phải ba năm mới cưới vợ, trong thời gian chưa cưới, nếu trong gia-đình hai bên cha mẹ có chết, thì cô dâu, chú rể phải đến lo việc ma chay tế lễ rồi đợi cho mãn tang mới cưới.

Ngày giờ cưới, hai bên phải coi cẩn-thận, lựa ngày tốt, tránh ngày tam-nương, hoặc tuổi Thiên-Cang, sát mạng v.v.

Thời xưa, lễ cưới được diễn ra rất trọng thể, nào là cô dâu đội nón cụ quai to, mặc áo rộng xanh, chú rể khăn be cũng áo rộng xanh, có lọng che, có rề phu, những lễ vật đi cho chàng gái trong ngày cưới rước dâu, một đôi đèn sáp, hai chén rượu, hai mâm trầu cau trà bánh, và một con heo sống đỏ mũi khiêng đến trình diện cả hai họ, kế ông sưa trai sưa gái lên đèn cho cô dâu chàng rề làm lễ lạy ông bà, cha mẹ cô bác chàng gái, rồi chọn giờ kiết rước dâu.

Đàn trai cũng như đàn gái, thỉnh người đưa dâu, rước dâu, đều chọn các vị cao-niên có đức, dù vợ dù chồng và những thiếu-nữ thật-thà chất-phác, các thanh-niên tru-tú phu-sự trong việc bưng mâm, che lọng, khiêng đồ v.v... Thời xưa có nhiều đám cưới rước dâu di bộ 5, 7 cây số.

Rước dâu về nhà chàng trai, tối ngày thứ ba, bên sưa trai di với dâu con và một vài người thân-quyến đến nhà sưa gái làm lễ giờ mâm trầu. Lễ này di một con heo quay, rượu, trà, nếu giàu có, còn nghèo thì cắp vịt đòi lít rượu trắng cũng xong, gọi là lê phản-bái, để cho đòi tân-hôn động phòng huê-chúc trong đêm đó, người xưa rất kỹ về vấn đề này, cho việc hôn-nhơn là trọng-đại trong đời người⁽¹⁾. Với tinh-thần hiểu cõi, cần nhắc lại một đôi cõ-tục của đồng-bào miền Nam, chẳng riêng gì ở Bạc-liêu, thiết-tưởng dâu dâu cũng đều tôn-trọng và áp-dụng luật-lệ ấy, để duy-trì nền đạo-nghĩa của Thánh-hiền.

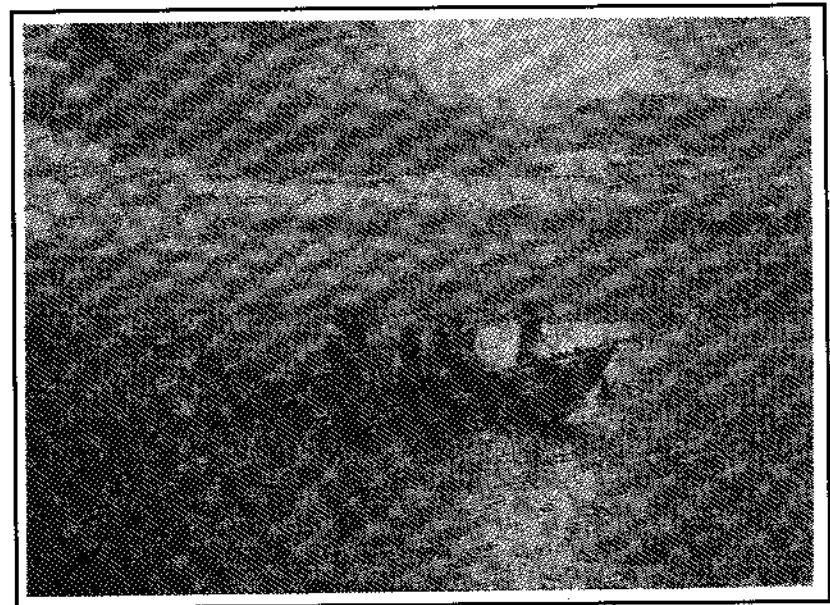
Ngày nay tình thế đổi thay nhơn tâm ly tán, trai thi hư thân mất nết, gái thi bán rẻ tiết trinh, luân-thường đạo-lý đảo ngược, tự do yêu đương kết hôn, bất chấp câu mòn-đặng hộ-đối, tam cang ngũ thường, tam tùng tử đức, cũng vì hai chữ văn-minh, khinh thường sự cưới gả, giản-dị hoá không còn giữ được theo lè-lối của người xưa.

Hồi ai là người mang dòng máu dân Việt thấy vậy chẳng khỏi đau lòng, vì lẽ đó mà chúng tôi cần soạn lại một đôi tập tục của tiền-nhân để làm sáng tỏ nền luân-thường đạo lý cho những ai đang đắm mình trong sự tự-do quá trớn, mà hồi tưởng lại nguồn gốc xa xưa của tổ-tiên ta đã có từ bao thế-kỷ.

Bài này chúng tôi chỉ trình bày sơ-lược để nhắc lại một vài cõ-tục, mong bạn đọc thông-cảm cho.

(1) Theo cõ-tục của ông bà, trong sự gả cưới phải là sáu lễ.

Cửa biển Mỹ Thanh



Giữa cảnh trời nước bao la, người dân bản xứ đem sức lực ra vật lộn với biển cả mà tìm sự sống một cách hào hùng bằng nghề chài lưới của ông cha truyền lại từ ngàn xưa.

Ảnh sưu tầm

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

Thắng cảnh Bạc-Liêu

BÃI BIỀN VĨNH-CHÂU VÀ CỬA BIỀN MỸ-THANH



RONG thời bình, du khách có dịp đến xứ Muối, không thể bỏ qua hai thắng-cảnh của tỉnh này, mặc dầu nó không được mỹ-quan hơn các nơi khác, nhưng hai bãi biển này lại có những đặc biệt mà các bãi biển khác không có. Đọc theo trên những giống cát đồng-bào có lập vườn làm rây, trồng các loại cây ăn trái măng cầu ta, táo, mía, dưa hấu và những loại hoa màu, rau cải hành hẹ v. v...

Bãi biển này có thè nỏi lớn nhất ở miền Tây Nam-Việt, dài độ 30 cây số ngàn từ Bạc-Liêu đến Vĩnh-Châu. Quang cảnh thiên-nhiên hùng vĩ, đêm ngày đều có gió thoảng lai rai như mơ-mơn ve-vuốt khách du, mắt thản-thè mà cũng êm dịu tâm-hồn khi dõi cảnh sanh tinh lâng-lâng thoải mái. Đã thế, đọc theo bãi, sóng biển nhấp-nhở, khi gợn lăn-tăn khi thì ào-ạt bùa vòi khoả dùa cát trắng, giục lòng du-khách hăng say dần bước, gọi niềm lưu-luyến dè có dịp so-sánh, xem có kém gì đâu những bãi biển miền đông, hay tận ngoài Trung, ngoài Bắc. Hơn nữa, du-khách là người sành ăn thích được món ngon vật bồ trong khi no lòng, mắt ngắm cảnh trời nước bao-la. Thị đây, bãi Vĩnh-Châu vẫn là chỗ sản-xuất lầm thức ăn ở biển : hàu, sò huyết, tôm cua v.v... há có kém chi bãi biển miền nào khác.

Lại nữa, trong đời bạn, ít ra cũng có một đời lầm nghe nói đến nhẵn ngon danh tiếng của xứ Muối ? Bạn nếu có dịp về chơi xứ Muối, xin hãy ra ngoạn cảnh ở vườn Nhãm Bạc-Liêu, sẽ được thích ý ngắm những vườn nhãm nơi đây giăng giăng san sát dọc theo bãi biển 9-10 cây số. Lúc trước có câu hai Trần-trinh-Đinh con nhà tỷ phú Trần-trinh-Trạch có cất nhà mát tại bãi biển này, dành khi nhàn rỗi rủ nhau ra đây thưởng-thức cảnh trăng thanh gió mát.

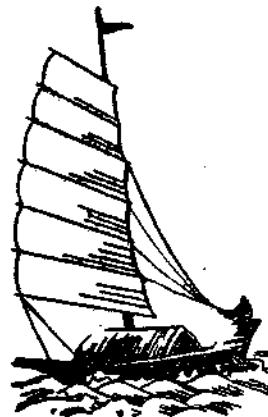
Ngay tại bãi biển này lại còn thêm cái bãi biển Mỹ-Thanh đi ra cách 20 cây số ngàn, cũng là một thăng-cảnh đầy thơ mộng khiến cho du-khách say mê, lúc trước người Pháp có cất một cái nhà mát công cộng cho đồng-bảo du khách đến ngoạn cảnh có chỗ tránh nắng đút mưa, điều đáng lưu ý bãi biển này trồng rất nhiều dưa-hấu ngon có tiếng.

Thời bình người ta thường đến chơi ở bãi Mỹ-Thanh nhiều hơn ở Vĩnh-Châu.

Ngày nay đất nước không yên hai nơi thăng-cảnh trên đây chịu cảnh hoang phế ít người lui tới.

Một mai chiến tranh chấm dứt, đất nước trở lại thanh bình, hai bãi biển này được kiến-thiết tốt đẹp, cảnh trí nhân tạo, hòa với thăng-cảnh thiên-nhiên, để cho du-khách đến ngoạn cảnh thưởng-thức hương vị hải sản, có thể nói đây là một địa-danh đặc-biệt của tỉnh Bạc-Liêu nói riêng, miền Tây nói chung.

Chừng ấy, đây là nơi quyến rũ biết bao tao nhãm mặc khách.



VĨNH

BÃI CÁT VĨNH-CHÂU

Cảnh thiên-nhiên xây lâu dài tráng-le
Của dã-tràng, chiến-bại với thủy-triều
Bè cười-cợt, đứa gom bao cát đẹp,
Giúp thế-nhân vui hứng cảnh xinh tươi.
Hiển du-khách chân đời êm-ả bước,
Cát trắng vàng, nước xanh biếc trong veo,
Cảnh thiên-tạo dệt tranh đời tuyêt-mỹ
Gió trắng về đom ngọc lộ bỉ-bàng,
Cảnh thêm nhỏ, người mơ trong lý-tưởng
Càng trông qua, như lạc động Đào-nguyên
Lá ngoắt trắng, gởi bao niềm thương-mến
Nước vênh mây nhắc núi sóng xưa.
Gió đại-dương, như gọi hồn Do-Thái
Chờ bàn tay số kiếp vụn theo về !
Ôm quá-khứ, thả trôi bè cả
Nhìn tương-lai, trong sáng đẹp huy-hoàng.
Cảnh xinh đẹp như vẫn tho tuyêt-mỹ
Lại mang tên, hào-hứng bể Vĩnh-Châu
Đẳng tạo-hoa, dệt bức tranh vô giá.
Cho thế-nhân, đem gởi nỗi đau sầu ! ! !

Thắng cảnh Cà-Mau

HÒN CHUỐI VÀ HÒN ĐÁ BẠC



RONG quận Sông Ông-Đốc có hai thắng-cảnh thiên-nhiên : Hòn-Chuối và hòn Đá-Bạc, nằm trong phạm-vi kiêm-soát của xã Khánh-bình-Tây.

Hòn-Chuối cách xã Khánh-bình-Tây độ 60 cây-số, diện tích phỏng định 40 mẫu. Hòn này còn hoang-vu, không có dân-cư sinh sống. Trên hòn mọc toàn chuối sứ và các loại cây tạp. Tuy nhiên, hình thắng vẫn quyến-rũ được khách du ngoạn cảnh, có đôi phút đắm hồn trong thủ quê đầy phong vị thanh bần, vì cảnh mộc-mạc cũng như tinh-hồn chất-phác của cư dân nơi rừng xa thăm-thẳm, chót dãy giang-san gấm vóc.

Nếu phong cảnh Hòn Chuối, kém nén thơ và vì đường xa xuôi nên ít được người đè bước thường-ngoạn, thì hòn Đá bạc rất được du-khách tán-thưởng, nghiêm-nhiên là một thắng cảnh danh tiếng của Cà-mau.

Cũng nằm trong phạm-vi kiêm-soát của xã Khánh-bình-tây, hòn Đá bạc cách xa xã này độ 18 cây số, diện-tích phỏng-định 10 mẫu, vắt-véo ngoài khơi ngang vàm sông Ông-Đốc, vịnh Thái-Lan.

Hòn chia ra làm 4 ngọn : 2 cao, 2 thấp, de ra ngoài biển, ba bề sóng biển búa lao-xao, giữa trời nước minh-

mòng. Chung quanh có nhiều tảng đá nổi lièn, tảng cát rậm-rạp bao phủ.

Bởi có nhiều tảng đá trắng chồng-chặt từ 100 năm về trước, nên người ta gọi là hòn Đá bạc. Nơi hòn có một dồi cao, có sân rộng độ 50 thước vuông, tục gọi «sân tiên», và có một tảng đá hình vuông dài, mặt bào phẳng, nằm dài ra bờ biển, được gọi là «cầu tiên». Vì thuở xa xưa, đây là nơi dành riêng cho đạo-sĩ tu tâm dưỡng tánh. Người ta đồn, nơi đây đã có những vị tu tiên đặc đạo, hiền-linh giúp thế.

Khoảng năm 1956, do Tịnh-độ cư-sĩ Phật-hội Việt-Nam đề-xướng, thiện-nam tin-nữ kẻ công người của, đứng ra xây-cất chùa «Hưng-Huệ» trên đỉnh hòn, vách ván, lợp thiếc Cao-bằng. Chùa giao cho hai đạo-hữu coi sóc, lo việc cúng-kiến và phát thuốc Nam cho dân chài ở vùng ấp Đá bạc. Mỗi kỳ cúng-tết, tin-dồ các nơi kéo đến lễ-bái khá đông.

Cây cối trên hòn, phần nhiều là xoài, chuối, ổi và các loại cây tạp, không có cây qui giá. Chung quanh hòn bao-bọc những tảng đá lớn nhỏ, phong cảnh trông rất hùng-vĩ thơ-mộng. Mỗi năm có hàng ngàn du-khách vãng cảnh, chụp hình, cắm trại. Một thủ nứa cho du-khách, là đi tìm cạo ở kẹt đá các loại hàu, ăn sống rất bò. Về mùa gió chướng, lúc trời êm bê lảng, từ xã Khánh-bình-tây ra hòn Đá bạc bằng tàu buồm, hoặc ghe biền có gắn máy phải mất hai tiếng đồng-hồ.

Những khi sóng to gió lớn, thuyền bè sắp bị đắm, chạy vào đây âu trú sẽ được bình-yên, một chỗ thuận-tiện cho ngư-phủ di lại làm ăn sinh sống.

Nơi đây có thể nói là một thang cảnh đặc-biệt của tỉnh chót miền Tây được nhiều du khách luyến mến và không tiếc lời ca-ngợi khi đặt chân viếng qua cảnh này.

VĨNH ĐÁ-BẠC CHƠN-QUI

*Khi bể vè đêm trăng đom ngọc lộ
Khi bóng vè chiều nắng hoa tràn lao
Khi con thuyền lênh-dênh chở mộng
Khi hải diều vè dệt đẹp khung trời !*

* *

*Trắng nhen lửa, giốn cùng màu đá bạc.
Đẹp thế này, hình dung bóng kỳ quan.
Màu đá bạc, nước xanh xanh pha trắng.
Đây bể sâu, như cung điện huy-hoàng.*

* *

*Đây những chỗ, muôn hòn thơ hò-hẹn
Đây những nơi, tiêu biếu cuộc dâu cồn.
Khiến du-khách, hòn láng láng mơ mộng
Qua phù kiều, êm thảng lối ngân-giang.*

* *

*Như lạc lối, đến non Bồng, nước Nhược
Vui gặp người, lý tưởng ở non Tiên,
Ôm dĩ-vãng, gói cho non nước hừng
Thuyền tương-lai, êm đẹp thả xuôi dòng !*

* *

*Nơi triền-lãm, tôm-hòn trời bể rộng
Nơi êm-dềm, thẳn tri nghỉ suy nhiều
Bể Nam-Hải, là một trong thang-cảnh
Của nghìn đời, trang-diêm bể thêm xinh.*

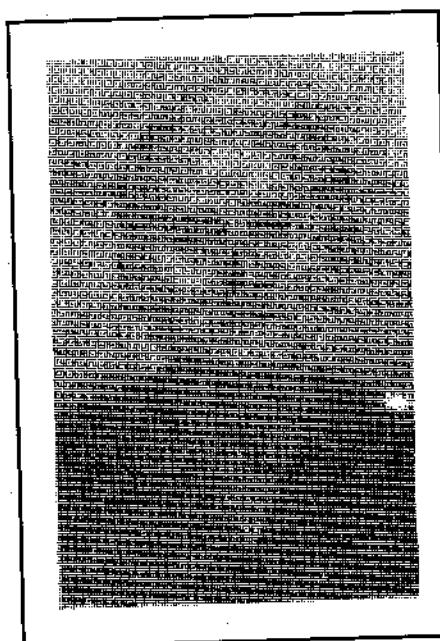


Phần thứ năm

VẺ ĐẸP BẠC-LIÊU – CÀ-MAU
QUA THI-CA

NƠI SÀN-XUẤT NHẠC-SĨ, NGHỆ-SĨ LƯNG DANH

BẠC-LIÊU QUA BỘ MÔN SÂN-KHẤU KỊCH-TRƯỞNG QUÊ-HƯƠNG SẢN-XUẤT CỦA BẢN VỌNG-CỒ



Nhạc sư Cao-văn-Lầu

Người sáng-tác bản vọng cồ đầu tiên tại Bạc-liêu.

Người sáng tác bản vọng cồ chính là ông Cao-văn-Lầu tự Sáu-Lầu, quê ở Hoà-Bình thuộc tỉnh Bạc-Liêu. Đầu tiên, theo nghệ-sĩ Bảy-Nhiều khúc nhạc Vọng-cồ do ông Cao-văn-Lầu chế biến, chỉ có mang tên là «*Dạ cồ hoài lang*» với ý nghĩa diễn tả tâm trạng người đàn bà xưa vò vĩnh chồng đi xa vắng, đêm nghe trống canh mà bàng-hoảng tưởng nhớ chồng.

Rồi từ Vọng-cồ nhịp tư, dần dần các nhạc-sĩ khác phỏng theo mà chế biến ra nhịp 8, nhịp 16, cho đến nhịp 32, và 64 như bây giờ. Và người đầu tiên mở đầu cho giai đoạn phổ biến bản «*Vọng-cồ*» Bạc-Liêu từ thời đại chiến

NHỮNG lúc dư nhàn, ngồi lại bên máy vô-tuyến truyền thanh mà vẫn nghe âm-nhạc nước nhà, hoặc vào hi-viện xem qua một vở tuồng giải-trí, hờ nghe các tài danh sân khấu ca bản Vọng-cồ, qui bạn có cảm nghĩ gì ? Đến ngày nay, phần đông hẳn đều đã rõ biết bản Vọng cồ từ đâu mà ra. Danh-từ vọng-cồ Bạc-Liêu đã nói nhiều đến xuất xứ của bản ca này.

thứ hai chính là nghệ-sĩ *Lư-hoà-Nghĩa* tức *Năm-Nghĩa*, cũng là người tinh Bạc-Liêu vang danh với bản «*Vắng-vắng tiếng chuông chùa*». Đến nghệ-sĩ *Nguyễn-thanh-Út* tức *Út-trà-Ôn*, với làn hơi thiên phú và kỹ-thuật độc đáo, bản *Vọng cõ* vượt tiến sang thời hương-thịnh và cực-thịnh ở ngày nay.

Ông *Cao-văn-Lầu* tục gọi *Sáu-Lầu* nay hãy còn sống ở tỉnh Bạc-Liêu, tuổi đã trên 75. *Lư-hoà-Nghĩa* tức *Năm-Nghĩa* thi đã ra người thiên-cõ.

Lại đã có một dạo hẫu như theo sáng kiến của thi-sĩ *Hà-huy-Hà* tự *Kiên-Giang*, người ta bầu ông *Sáu-Lầu* ra sân khấu tại rạp hát Quốc-Thanh làm chủ toạ cuộc thi tuyển lựa ca-sĩ vọng-cõ cùng khán-giả mờ diệu ca cầm, để người người biết qua lai lịch. Thậm chí báo chí hâm mộ còn đề xướng việc kêu gọi các nghệ-sĩ đã nổi danh nhờ bản vọng cõ, hãy giúp đỡ ông *Sáu-Lầu*, gọi là «*uống nước nhớ nguồn*» kè ra cũng vinh hạnh cho ông *Sáu*.

Chỉ cần sáng tác được một bản vọng-cõ tên tuổi đủ ghi vào lịch-sử sân-khuất kịch-trường, thơm riêng một người, mà cũng thơm lây một tỉnh. Vì hai chữ «*vọng-cõ*» thường đi kèm với hai tiếng «*Bạc-liêu*» mới nói lên được đủ ý-nghĩa. Khác nào thi-sĩ *Félix d'Arvers* bắt-tử với mỗi một bài thơ «*Sonnet*».

Trên đây chúng tôi đã đặc-biệt nhấn mạnh về nhạc-sư *Sáu-Lầu* với bản *Vọng-cõ* đã đẽ tiếng trong lịch-sử cầm ca, làm cho tỉnh Bạc-liêu được nổi bật trên vòm trời âm-nhạc nước nhà, qua các ca, nhạc-sĩ hữu-danh khai-thác thêm về sắc thái đẹp-dẽ du-duong của bản nhạc ấy.

Bản nhạc «*Vọng-cõ*» đầu-tiên, sáng-tác khoảng 1919-1920 dây bắc nhịp tư, xuất xứ từ Bạc-liêu đã di vào lịch-sử, thiết-tường cũng nên ghi nhạc ký và lời ca lại đây, để quý bạn đọc được hiểu rõ hơn. Toàn bài 20 câu nhịp tư như sau :

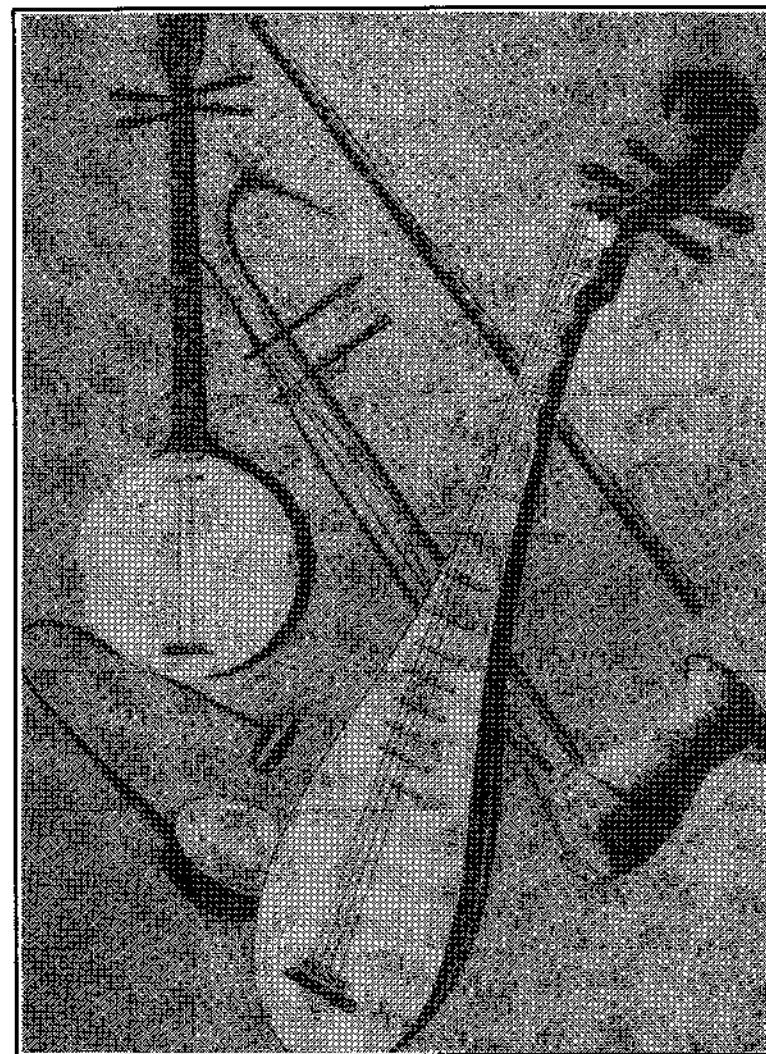
1. *Hò là — xang xê cõng,*
2. *Ú liu cõng liu cõng xê xang,*
3. *Hò xê liu cõng xê xang là hò,*
4. *Xê xang xê xang là hò.*
5. *Liu xâng u liu xâng,*
6. *Liu xâng xâng xê liu ú liu,*
7. *Hò là xang xê cõng,*
8. *Xê liu xû cõng xê liu xû xâng,*
9. *Hò xê cõng xê xang xû,*
10. *Xê liu xû cõng xê xû xâng*
11. *Xû — xang xû cõng xê xang là hò,*
12. *Xê xang xê là hò xê la hò,*
13. *Cõng xê xang hò — xang cõng xê,*
14. *Xê liu xû cõng xê liu xû xâng,*
15. *Ú liu cõng liu — cõng xê xâng,*
16. *Liu xâng xâng xê phan liu ú liu,*
17. *Là xû cõng xê xang là hò,*
18. *Xê liu xû cõng xê liu xû xâng,*
19. *Ú liu cõng liu cõng xê xâng,*
20. *Liu xâng xâng xê phan liu ú liu. (*)*

(*) Theo nhiều nhạc-sĩ, bài *Dạ-cõ hoài-lang* chịu ảnh-hưởng về nét nhạc của bài *Hành-Vân*.

Nhạc khí cổ điển Việt Nam

Lời ca :

Từ là — từ phu tướng
 Báu kiếm sắc phong lên đàng
 Vào ra luống trông tin chàng
 Và năm canh — mơ-màng,
 Em luống trông tin chàng.
 Ôi ! gan vàng thêm đau !
 Đường dầu xa ong bướm,
 Xin đó đừng phụ nghĩa tào-khang :
 Còn đêm luống trông tin bạn,
 Ngày mồi-mòn như đá Vọng-phu.
 Vọng — phu vọng luống trông tin chàng,
 Lòng xin chờ phụ-phảng
 Chàng là chàng có hay :
 Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.
 Biết bao thuở đó — đây xum-vàng ?
 Duyên sắt cầm đừng lợt phai —
 Là nguyện — cho chàng :
 Hai chữ bình-an — bình-an
 Trở lại — gia-dàng,
 Cho én nhạn hiệp đôi.



Tiêu, Tỳ Bà, đòn Nguyệt hay đòn Kim, đòn Cò, Song lang.

CÁC NHẠC-SƯ TÊN TUỔI

V

È nhạc-sĩ cồ-nhạc có danh ở Bạc-liêu, ngoài một Sáu-Lầu nhờ sáng tác bản Vọng-cồ mà tên tuổi trở nên bất-hủ, hãy còn có Hai-Hứa, Sáu-Tửng, Mười-Khói, Hai-Nhuận, Sanh-Sia (người Tiều) v.v... với lắm bản sáng-tác khác.

Đặc-biệt là nhạc-sư Hai-Khị tục gọi Nhạc-Khị, rất mực tài-hoa.

Một mình Nhạc-Khị xử-dụng 4 món nhạc-khi Đàn, Bạc, Kèn, Phách tấu lên cùng một lúc, rất mực diệu-luyện, ai cũng khen-phục. Nhưng tiếc cho tài hoa mạng bạt, vì vướng bệnh cùi mà Nhạc-Khị phải lui dần vào bóng tối. Chính ông đã sáng-tác bản nhạc « Ngự giá đăng lầu » và bản « Ái tử kê »⁽¹⁾. Cái danh hiệu « hậu tồ » mà đời đã ban cho ông, tưởng đã đủ nói nhiều về tài danh ông lừng-lẫy thế nào.

Bồng thời với Nhạc-Khị, nhạc-sư Bảy-Kiên cũng được xưng tặng là hậu-tồ. Nếu Nhạc-Khị đã vì bệnh phong-đơn mà phải sớm lui, để ngâm-ngùi cho khách mộ-diệu không ít, thì Bảy-Kiên cũng khiến giới cầm-ca cầm-mộ vô cùng vì đoạn đời, khá ly-kỳ của ông. Thuở thanh-xuân, ông vẫn khét tiếng là trang tài-hoa phong-nhã. Hèm vì cảnh ngộ lắm nỗi đau-thương sầu-hận, bao nhiêu tâm-sự ôm-ấp bên lòng, ông gởi thân nơi cửa thiền, rắp toan :

« Cửa thuyền một đóng duyên trần dứt,
Quên hết người quen chốn bụi hồng ».

(1) Các nhạc-sĩ còn chưa hẳn đồng-ý nhau về chữ Ái-tử-kê hay Ai-tử-kê. Thâm nghĩa bài này có ý tiếc thương số-phận đàn gà con mất mẹ, mà thương mến hay buồn-bã. Bài này được sáng-tác vào dịp vua Thành-Thái vào « Nam-kỳ », lúc xứ này đã mất vào tay người Pháp.

Nhưng lòng người muôn vây, mà hoàn-cảnh có chiều sâu. Trót dã vương mang nghiệp tài-hoa, thi «*nghệ-sĩ trót sinh giàu cảm lụy*» dẫu tàn thân-thề chưa dễ Bảy-Kiên quên được những tiếng nhạc lời ca dày sức truyền cảm ru hồn hơn là câu kinh tiếng mõ. Chày ngày vẫn không sao giữ sạch trần-duyên được, Bảy-Kiên lại bỏ lớp tu-sĩ, trở về khoác bộ cánh phong sương của kiếp tài-tử cầm-ca như cũ. Cố nhiên càng đa-tài đa-tình, càng dễ lụy thân. Nhưng đường như đã sẵn-sàng chịu trả quả nghiệp trót vương mang, lần trở lại cuộc đời tục lụy này, Bảy-Kiên hoàn-toàn say-dắm với nghiệp cầm-ca, không còn nhớ gì đến những ngày khoác áo cà-sa nơi cửa Phật nữa. Cung đàn, nhịp phách êm tai, lời ca giọng hát du-duong mê-mẫn, đêm ngày Bảy-Kiên say-sưa nắn tiếng tơ-đồng, cống-hiến khách mộ-diệu bốn phương nghe biết đến. Tận dụng công-phu và tâm-tịnh chuyên nhất trau chuốt ngôn ngữ như thế, cho nên Bảy-Kiên được khen-nợt, liệt vào hàng xuất-sắc kè cũng là xứng-đáng. Cho đến năm 1949, Bảy-Kiên mang bệnh chết tại nhà thương Chợ-Rãy (Chợ-lớn), giới nghệ-sĩ đều bàng-khuâng luyến-tiếc.

Sau Nhạc-Khi, Bảy-Kiên, người xuất sắc đáng liệt vào hàng thứ ba trong giới nhạc-sư Bạc-Liêu, hẳn phải kè Ba-Chợt. Mà nhạc-sĩ Ba-Chợt lại chính là con Nhạc-Khi, thật là hổ phụ sinh hổ tử. Ba-Chợt sáng tác nhiều bài bản mới như các bản «*Thuấn-hoa, Liêu-giang, Mẫu-đơn, Huỳnh-ba, Van-thợ, Hoà-duyên, Cảnh-xuân, Tam-quan-nguyệt, Nhứt-nghuyệt*» được hầu hết nghệ-sĩ tán thưởng biệt tài của Ba-Chợt là đòn đoán và đòn sến, ngôn đàn khò cò ai hơn.

Kế đó, phải kè Ngó-mộc-Thái, Phú-Quối, Bùi-hữu-Tri, Tư-Biện, Tư-Nho, Tư-Bình, Năm-Nhỏ đều là các nhạc-sĩ ưu tú của Bạc-Liêu. Tư-Bình điêu luyện nhị hõ, có sáng-tác bản «*Hứng trung thịnh*» khá thâm trầm réo rắt. Năm-Nhỏ thì sở trường lục huyền cầm, ai ai cũng đều biết tiếng tài tình.

SOẠN-GIẢ NỔI TIẾNG

V

È mặt soạn tuồng, Bạc-Liêu khét tiếng với một cố soạn-giả Mộng-Vân (¹). Ngày nay nói đến Mộng-Vân, giới soạn-giả không ai không tỏ niềm kính mộ chân thành cagy bút lối lạc từng đào tạo cho đoàn Hậu-Tấn có căn bản vững-vàng về nghệ-thuật ca cầm.

Mộng-Vân mất sớm là một sự thiệt thòi chẳng ít cho Bạc-Liêu nói riêng, nền ca kịch nước nhà nói chung. Tài hoa và tư cách của Mộng-Vân chinh phục được cảm tình của khắp các giới, nhất là anh em văn nghệ sĩ ai cũng chẳng tiếc lời tán tụng Mộng-Vân qua các công trình của Mộng-Vân đã bồi dắp và xây dựng cho nền kịch nghệ nước nhà. Đè thúc đầy anh em văn nghệ-sĩ hăng say phục-vụ nghệ-thuật cầm ca — một bộ môn văn-hoa dẽ khích động tâm lý đại-chung nhất — Mộng-Vân hăng khích lệ anh em ca nhạc-sĩ luòn luôn có óc cầu tiến, nhận chân sứ-mạng mình trên đường phụng-sự văn-hoa dân tộc. Sân-k khấu cải lương mấy mươi năm trước từng đã hấp dẫn lôi cuốn được đông-dảo khách mộ-diệu, chính do Mộng-Vân đã đóng góp phần nào về những tuồng tích đặc sắc, dàn cảnh linh động, thay đổi sân-k khấu có vẻ mỹ-thuật, tiến-bộ hơn xưa cho đúng với nghĩa tầm nguyên của hai tiếng «*cải-lương*». Về các bài bản cỗ-nhạc canh tân, Mộng-Vân đã sáng-tác hay phỏng-tác *Tân-xá-phỉ, Phong nguyệt, Sơn đồng hướng mă, Tân-phong, Bá-hoa, Quý-Phi* túy tửu.

(¹) Cố Soạn-giả Mộng-Vân còn người con kế nghiệp, lấy biệt hiệu là Mộng-Vân-Tử, hiện cộng-tác soạn tuồng với đoàn «*Trăng-Mùa-Thu*» và các đoàn hát lớn, được nổi tiếng lâm người biết.

Cùng một chí hướng với *Mộng-Vân*, còn có soạn-giả *Trịnh-thiên-Tư*. Nhiệt-thành yêu nhạc Việt, *Trịnh-thiên-Tư* rất tận-tâm xây-dựng nền âm-nhạc dân-tộc. Nào soạn tuồng hát, nào đặt lời ca cho các bài bản theo đường hướng phò-biển lịch-sử nước nhà, *Trịnh-thiên-Tư* lúc nào cũng tỏ ra hăng say tó diẽm sân-k khấu cải-lương, phò-bày ý-chí toan thức tinh đồng-bào bằng sóng nhạc, lời ca chan-chứa tình-yêu đất nước, lay-động hồn thiêng dân-tộc.

Khoảng năm 1962, *Trịnh-thiên-Tư* cho xuất-bản quyền «*Ca-nhạc cỗ-diễn diệu Bạc-liêu*», nội-dung trình-bày gồm đủ các bài bản đã có từ xưa, thêm các bài canh-tân cỗ-nhạc do nhóm nhạc-sĩ Bạc-liêu hợp-tác soạn thành (¹). Đặc biệt, *Trịnh-thiên-Tư* sáng chế nhạc-ký mới, một thứ nhạc-ký mà *Trịnh-thiên-Tư* đã tha-thiết ngõ lòng: «... tuy hình-thúc không giống nhạc-ký Âu-Mỹ, song có đủ các yếu-tố công-dụng dễ-dàng như tân-nhạc. Chúng tôi có nhã-ý hiến cho bạn đồng-diệu dùng nó để vừa xem, vừa dờn, cũng như vừa xem, vừa ca, cho đỡ phải nhớ nằm lòng».

(CA-NHẠC CỖ-DIỄN DIỆU BẠC-LIÊU trang 14)

Ngoài việc sáng chế nhạc-ký mới, *Trịnh-thiên-Tư* còn sáng-tác một bản cỗ-nhạc canh-tân, đề là «*Hận-tình*» (dài bắc 12 câu nhịp tư lợi), và bốn bản *Đông-mai*, *Thu-cúc*, *Xuân-lan*, *Hạ-liên*, tiết-tấu du-dương thanh-thoát.

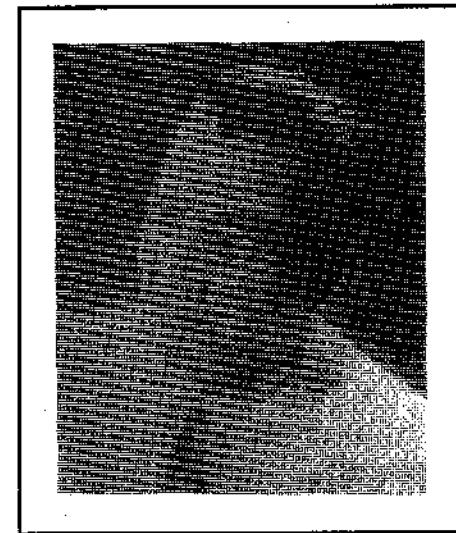
(1) Rất nhiều chi-tiết trong bài này đã rút trong cuốn sách của ông *Trịnh-thiên-Tư*.

NAM NỮ CA-KỊCH-SĨ LỪNG DANH



Đây là nơi xuất phát bản *Vọng-cô* đầu-tiên, có nhiều nhạc-sư, nhạc sĩ tài hoa, có soạn-giả hữu-hạng so với các soạn-giả toàn-quốc, lẽ cố nhiên Bạc-liêu cũng là nơi có nhiều nam nữ ca-kịch-sĩ tài danh.

Kè về nữ ca-sĩ, ngoài một cô ba *Vân-Léo* đã nhắc ở đoạn trên, Bạc-Liêu còn có cô *Hai-The* mà giọng oanh vàng từng làm say mê lòng thính-giả, mặc dầu nhan sắc cô kém sút hơn các nữ ca-sĩ khác. Đặc biệt cô *Thanh-Nga* cũng là một cây ca tốt giọng, khả ái đoạt giải *Thanh-Tâm* (1961). Em *Ngọc-Cầm*, một mầm non rất nhiều triển vọng với giọng ca ấm đung điệu nhịp.



Nghệ-sĩ *Lư-hoà-Nghĩa*
cố Giám-đốc đoàn *Thanh-Minh Thành-Nga*
Xuất-sắc trong bản vọng cò Bạc-Liêu nhịp 32

Nam ca-sĩ đáng kề có *Kim-Thanh*, *Ngọc-Vĩnh*, *Ngọc-Dương*, *Sanh-Lợi*, *Văn-Chương*, *Bồ-Lộc-Châu*. Ấy là những hạt gạo cội trong giới cầm ca tỉnh Muối, làm cho ca nhạc cỗ diễm Bạc-Liêu vang truyền tăm tiếng xa gần.

Riêng về kịch sĩ, những ai hăng quan tâm đến kịch nghệ nước nhà, theo dõi hoạt động của sân-khấu cải-lương, hẳn không lạ gì tên tuổi *Ba-Khuê, Năm-Nghĩa, Bảy-Cao* với các đại ban «Hữu-Tâm» — «Thanh-Minh» — «Hoa-Sen». Ba kịch-sĩ ưu-tú của nền ca-kịch nước nhà, đều là người tỉnh Bạc-Liêu.

Ai cũng biết *Năm-Nghĩa (Lư-hoà-Nghĩa)* đã xuất sắc trong bản ca *Vọng-cô Bạc-Liêu* nhịp 32 «*Văng-vắng tiếng chuông chùa*» và *Bảy-Cao* với bài «*Viếng mồ bạn*» (thu-thanh vào đĩa Asia) làm cho người người bắt đầu có cảm tình với giới cò nhạc ở Bạc-Liêu. Tên tuổi *Năm-Nghĩa, Bảy-Cao, Ba-Khuê* bắt đầu vang xa từ ấy. Bảng hiệu đoàn hát nào có tên ba người này nêu lên, thu hút khán-giả khá đông. Kịp khi *Năm-Nghĩa* chủ trương lập gánh «Thanh-Minh» (nay là Thanh-Minh Thanh-Nga), *Ba-Khuê* làm bầu gánh «Hữu-Tâm», *Bảy-Cao* điều khiển đoàn «Hoa-Sen», khách mờ diệu bốn phương càng hoan-nghinh nhiệt-liệt.

Ngoài ra, còn có đoàn *Phong-Sắc*, và *Ưu-Tiên* cũng là những kịch-sĩ có danh của Bạc-Liêu.

Thế là trên phương-diện nghệ-thuật cầm ca, sân-khấu cải-lương Bạc-Liêu đã nghiêm-nhiên tiến xa hơn nhiều tỉnh khác. So với Định-tường và Vĩnh-long là hai nơi đã phát động trước hơn hết về nghệ-thuật «ca ra bộ» tức sân-khấu cải-lương ngày nay, Bạc-Liêu chẳng kém sút gì cho lầm. Từ gánh cải-lương đầu-tiên, có rạp nhà là gánh «*Thầy Năm Tú*» thành lập ở Mỹ-tho, tiến dần cho đến ngày gop mặt của các đoàn Thanh-minh, Hữu-tâm, Hoa-sen của nhân-vật ưu-tú trong làng ca-kịch Bạc-Liêu chủ-trương, sự tiến-bộ vượt bậc hẳn ai cũng công nhận.

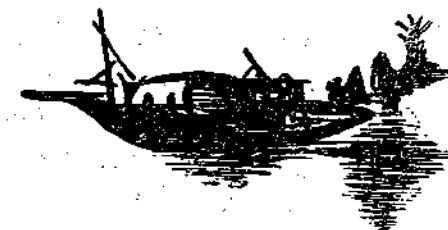
Lại luận riêng về mặt tuồng tích, dùn ngày nay giới soạn-giả đã có lầm cây bút tài hoa son trẻ không nhượng

chi các bậc đàn anh, nhưng hẳn không ai có thể phủ nhận giá-trị của cố soạn-giả *Mộng-Vân*. Xem thế, bao giờ người ta còn xem vần-dè chấn-hưng nền ca-kịch nước nhà là quan trọng về văn-hoa dân-tộc, chắc-chắn mỗi khi bàn đến bộ môn ca-kịch là phải nhắc đến tỉnh Bạc-Liêu, nơi sản-xuất bản *Vọng-cô* đầu-tiên, nơi cố soạn-giả *Mộng-Vân*, và những kịch sĩ ưu-tú *Năm-Nghĩa, Bảy-Cao, Ba-Khuê v.v...* đáng mến.

Các nghệ-sĩ tài danh trên đây đều xuất thân tại Bạc-liêu, đem chuông đi đánh xứ người, với tài-hoa nghệ-thuật lưu-diễn khắp cả ba kỳ, từ Nam-Quan chí mũi Cà-Mau, làm sáng chói cho giới ca-sĩ nước nhà nói riêng, và cả các nước láng-giềng nói chung, thật là một điều vinh-hạnh cho nền Tân Cồ Nhạc Việt-Nam, ngày nay đã tiến-bộ rất nhiều trên mọi mặt, ngành này cũng đóng góp một phần quan-trọng là phục-vụ Quốc-gia và đại-chủng.

Bài này, chúng tôi nói qua đại-cương của giới ca cầm và bộ-môn sân-khấu một phần nhỏ đó thôi, không thể đi sâu vào chi-tiết.

Loại sách sưu-khảo, phải cần tìm hiểu qua nhiều cốt chuyện khác của tỉnh này, vì lẽ đó mà chúng tôi phải trình bày sơ-lược, xin bạn đọc thứ lỗi cho.



VẺ ĐẸP BẠC-LIÊU CÀ-MAU QUA THI CA

Dưới mắt văn-nhân, thi-sĩ.



RONG số các nhà văn nhà thơ của miền Hậu-giang kè ra có tình có nghĩa, có thủy có chung nồng mặn với Hậu-giang, hẳn không ai không biết đó là nhà thơ Kiên Giang Hà-huy-Hà, một nhà thơ ở miền Nam được nhiều cảm tình với độc-giả bốn phương. Anh đã sáng tác rất nhiều thi văn dăng trong báo chí và sách vở, nói lên cái hay cái đẹp của quê-hương để tặng người biết yêu Hậu-Giang. Kiên Giang ca ngợi «Đẹp Hậu-Giang» qua sắc thái từng vùng từng xứ, mặc dầu anh là người ở Kiên-Giang (Rạch-Giá), đặc biệt (Bạc-Liêu và Cà-Mau) được nhà thơ nhắc nhở «mặn nồng» đúng với tinh chất của xứ Muối và xứ Than được có danh :

Đây Hậu-Giang, đây Hậu-Giang,
Nhánh sông gắn bó Cửu-long-Giang.
Phù sa cuộn chảy trong dòng nước,
Khói sóng hoà hơi thở xóm làng.

Nơi đây đời sống thanh-bình lắm,
Với đất phì nhiêu nước Hậu-Giang.
Vú sữa Cần-Thơ căng ý mong,
Sâu riêng Long-Mỹ nhớ mang mang...

Muối Bạc-Liêu mặn tình biển cả,
Tiêu Hà-Tiên nồng ý quê hương.
Thơm tho khói thuốc mùi Cao-Lãnh,
Cá cháy bùi ngon vị Sóc-Trăng.

Gạo mồng chim thơm mùi rạ ngọt,
Nấu nồi Hòn Đất, lò Hòn-Me.
Chum than đượm lửa lòng cây đước,
Ôi lửa Cà-Mau đẹp ý quê.

Hồn thơ đã lay-dộng sóng tâm-tình, yêu quê-hương bao nhiêu, thi-sĩ càng nung-nấu lòng yêu người đẹp của quê-hương tha-thiết bấy nhiêu qua hình bóng dân quê chất-phác :

Tàu mât cát em chầm nón lá,
Anh đội đầu, che nắng chang-chang.
Sáng cây, khuya cây, chiều phảng lười,
Anh nhớ tâm tình gái Hậu-Giang.

Năm nào thiếu áo không mùng ngủ,
Sao nhớ bàn tay gái Thất-Sơn...
Đêm tối... nhồ bằng dương đêm nôp,
Mặc cho tiếng súng vọng bên đồn.

Qua mùa nước nổi... vùng Châu-Đốc,
Nhớ là Cà-Mau, với lóng tre,
Cộng choai U-minh thương nuôc lạc...
— Đèn khuya mới sáng giữa nhà bè.

Tinh càng thâm-thiết, ý càng nung-nấu niềm áp-ủ sống chết với quê-hương, sẵn-sàng hoà hồn mình vào hồn quê, chặt máu tim mình làm sinh động-mạch đất khắp vùng Hậu giang trong cảnh trạng đau-thương thầm lặng :

Hòn-Tre, Phú-Quốc dù xa bãi,
Vẫn nối tình thương mảnh đất liền.
Nước biển phù sa trào máu đất,
— Đắp bồi cho máu trở về tim.

Nếu thiếu lá dừa soi bóng nước,
Thiếu bông lúa trồ, búp măng tre.
Cánh diều không vút trên lưng gió,
Thì chết trong lòng những ý quê !

Nếu có thôn-nật ngừng câu hát,
Nếu bạn thương hờ bắt tiếng ca.
Nước bạc trường giang không chảy nữa,
Hoa bần thối rụng xuống phù-sa !

Nhớ lại năm nao, ngày chay loạn,
Hậu-Giang trầm mặc giữa niềm kinh.
Mùi diêm thuốc súng mờ hương khói,
Chuông vọng niềm đau khóc thái-bình.
Trở lại xóm dừa, mùa lúa loạn,
Ngồi trên bến cũ lắng không gian...
Vô tình tôi vớt trong dòng nước,
Giọt lệ miền Nam, mán Hậu-Giang.

Nước chảy một dòng ra biển cả,
Vẫn mang tình nước Cửu-long-Giang.
Sông ơi ! dù nước ra khơi biển,
Vẫn nhớ chan hoà nước Hậu-Giang.

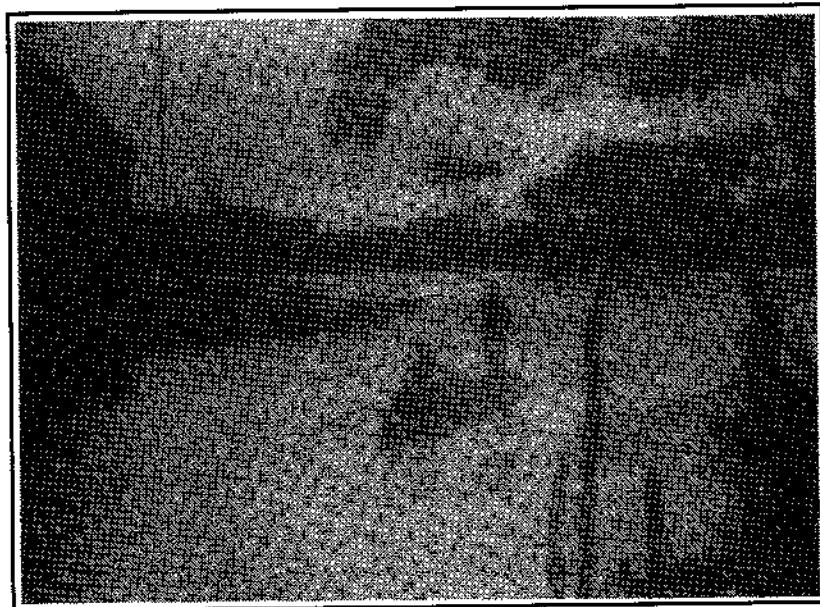
Ngâm xong toàn bài « Đẹp Hậu-giang », nếu qui bạn đã cảm thấy yêu Bạc-liêu « mặn » (muối), Cà-mau « nồng » (than) nói riêng, và toàn-thể Hậu-giang nói chung, bạn sẽ càng cảm thấy yêu Cà-mau chan-chứa hơn nữa, với bài thơ « Đốn củi » :

Rừng nho chen chúc đã từng qua,
Đốn củi không quen mệt sức ta.
Búa nguyệt săn dành vanh cội đurdy,
Gươm linh chi sá chém cây dà.
Đoạn ngay chi dốc hăng kinh chín,
Khúc vay phỏng toan đè chặt ba.
Văn vỗ bao nhiêu ta đè đó,
Phỏng khi có nước sẽ đem ra.

BỐN**CỦI**

Bài thơ của ai làm không rõ. Nhận xét kỹ, hẳn ai cũng thấy ăn ý của tác-giả muôn nói gì. Rõ ra tác-giả là một nhà nho xưa, một chí-sĩ, chưa gặp thời thế nên dành phải giấu tâm-tư mình dưới lốt gã tiều. Câu thúc kết « Văn vỗ bao nhiêu ta đè đó », phải hiểu theo nghĩa chữ « Vắng » (cô g), và chữ « Vỗ » (dẫu hỏi thay vì dấu ngã), nghĩa là đậm cho vỏ cây vắng ra mà đè dành đó, rồi lại hầm nghĩa tài

Cảnh đẹp trên sông Bạc Liêu



ĐÊM THU NHỚ BẠN

Nhin đây trường giang luống ngậm ngùi,
Đêm Thu thơ thẩn thả thuyền chơi.
Trời treo màn rách sương rơi lụy,
Nước công trăng leo sóng bạt cười.
Văng vẳng Hồ và cao thấp giọng,
Véo von Đỗ Vũ mỏi mòn hơi.
Ngược giòng nén phài neo thuyền lại,
Để đợi chờ ai nhẫn nhường lời.

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

gồm văn võ mà còn phải «để đó» mà chờ lúc dùng đến, thâm-thúy biết bao. Mà chờ đến bao giờ? Chờ khi «có nước sẽ đem ra». «Có nước» ẩn ý chờ lúc nước nhà thoát cảnh lầm than nô-lệ. «Đem ra» là đem tài văn võ ra phục vụ đất nước đồng-bào. Mà «đem ra» theo nghĩa trắng trong thơ, là đem dám vồ cày ra... nhúm lửa nấu nước khi có nước, ý-tử cao-diệu cực-kỳ.

Ai chẳng biết Cà-mau là vùng rừng sát quan-trọng nhất của Việt-Nam. Đốn cùi trong rừng sát, dấn thân nơi Cà-mau thuở xưa đầy khồ-ài, nuôi chí, đợi thời, thật là hình ảnh bậc trượng-phu lối-lạc, khắc-khắc, kiêu-hùng. Đẹp cho người đã sáng tạo áng thơ, thật chí hiên-ngang, mà cũng thơm lây cho Cà-mau đã ấp-ủ linh-hồn ấy — linh-hồn của con dân nói được tinh-thần bất-khuất của dân-tộc, lấy nơi đất hiềm làm cái thế đứng, sẵn-sàng chống bất-công bất-cứ từ đâu đến.

Giờ đây hẳn bạn đã yêu Cà-mau thêm lên qua bài thơ «Đốn cùi», đầy ý-chí quật-cường của người xưa! Bạn sẽ tăng thêm niềm yêu-mến và không thể không xót-xa đến cùng cực vì hình ảnh Cà-mau thân yêu kia có lầm nỗi đau thương tê-tái. Vì... bạn ơi! thật ra, Cà-mau ngày trước đã mang bộ mặt âm-u thảm-não thấy mà chạnh lòng, dưới ngòi bút vẽ-vời của học-giả lối-lạc Phan-Khôi.

Vào khoảng mùa thu năm 1927, đau nỗi đất nước chìm đắm, Phan-Khôi ôm lòng u-uất vào ở chơi tịnh... trong rừng Cà-mau với một bạn thân. Khu rừng này thuộc xóm Tân-bình, mặt trước rừng là con sông Tân-bình, không có đường sá gì cả. Bên cạnh khu đồn-diền của người bạn Phan-Khôi có một cái rạch gọi là «Rạch Tân-trào», nơi thuở trước chùa Nguyễn-Ánh lẩn tránh Tây-sơn.

Sau một buổi hơi thuyền trên sông Tân-bình, xúc cảnh sanh-tinh, lảng-lảng cảm-khai động hồn thơ.

Khéo diễn-tả những cảnh ghê-rợn quanh vùng dè bặt
lộ nỗi buồn man-mác của mình, hồn thơ của Phan-Khôi
cực-kỳ linh-động :

Eo đất vắt rừng già ra nước,
Thành con sông xanh biếc dài ghê.
Khỉ ho cò gáy tư bẽ,
Ai đem ta đến chốn này mà chi ?
Kè từ thuở gian nguy từng trải.
Bước giang-hồ bước mãi không thôi !
Mảnh thân còn chơi với đời,
Hiềm nghèo là bạn, bơi voi là nhà.
Cảnh hiu-quạnh, có ta, có chủ,
Bằng không ta, nào phụ hoá-công.
Vẽ ra cái cảnh lạ-lùng,
Mà cho cọp bẽ, cá đồng hay sao !
Xuồng ba lá đâu nào chàng Thỏ.
Rượu dể đem theo mờ lung bầu.
Mũi chàng trước, lái ta sau,
Mái cheo khoan nhặt con trào ngược xuôi.
Kia xa thẳm ngùi ngùi trong ngút,
Bực thuyền cầu vùn-vụt ngang dòng.
Nguồn Đào có phải đây không ?
Vũng Lương-sơn phuơng-phất cùng là đây.
Lỗ túp lá chùm cây đèn sám,
Vào càng sâu càng lầm vẻ u.
Cảnh dừa lá thồi hu-hu,
Chim về ô hót, vượn ru con chuyền.
Bỗng cái sạt bên triền, hùm vọt,
Bực sáng loà ngọn đuốc ma troi.
Ó vùng đây, khỉ reo cười,
Trăm yêu ngàn quái dè người mà trêu.
Thoáng trước mũi già chèo toan đánh,
Lái bát ngay phòng tránh cơn nàn.

Thấy kia con rắn hồ mang,
Vượt sông nỗi sông băng ngàn như tên.
Thoát dưới nước trồng lên cây trụ,
Hắn dây rồi cá sấu nguyt đuôi.
Trăm cái sợ cướp cái vui,
Tôi dà chẳng tiện, muốn lui chẩn e...

Dưới ngọn bút tả cảnh tuyệt-diệu của Phan-Khôi, Cà-mau thuở trước là chốn khỉ ho cò gáy, vào càng sâu càng lầm vẻ u-tịch. Rồi nào cọp, nào đuốc ma troi, rắn hồ-mang, sấu, «trăm yêu ngàn quái, dè người mà trêu».

Xót-xa cảnh chứng nào, càng nghĩ thương thân-thê người đã dấn thân chốn hiềm vì phần chi :

Tầm u bước dã quá xa,
Canh khuya, sương nặng, liệu mà về đi.
Xoảng hơi cúc khi khì cười mãi,
Tóc phết-phết đường trải bóng trăng.
Giữa dòng chiếc lá tung-tăng,
Lần dò lối cũ băng-khuàng chạnh niềm.
Gầm thân-thê ba chim bảy nòi,
Lại phen này lạc lối tới đây,
Một đêm cảnh vội đổi thay,
Rồi ra sao nữa sau này trăm năm ?
Ngâm mắng vạn tạm làm du-ký,
Chép gửi người tri-ký đường xa.
Người như rõ biết g ta,
Thi nâng chén rượu mà ca khúc này.

Cảnh nhở khách tài-hoa, dể thơ kiệt-tác mà cảnh được lưu b้อง muôn đời. Người nhớ cảnh thê-lương thẳm-não mà nung-đúc thêm chí-khi cang-cường, nuôi lòng thương nước yêu quê. Ba bài thơ trên đây, nếu qui bạn nhented hay, muốn ghi muôn nhớ, hẳn là qui bạn cũng sẽ không quên Bạc-liêu Cà-mau với những hình ảnh trung-thực đã diễn-tả trong thơ nhỉ.

NHỮNG THỒ-SẢN ĐỊA-PHƯƠNG DANH TIẾNG QUA CA-DAO

BẤT-CỨ địa-phương nào, cũng đều có ít ra là một dôi món ngon vật lạ của vùng mình, để giới-thiệu với thiên hạ bốn phương. Cần-thơ hanh-diện với quit, Biên-hoà nổi tiếng với bưởi, Bến-tre mang danh xứ dừa v.v... đến nỗi người dân địa-phương đã có những lời ngắn, gọn, để truyền tụng, gần như là tục-ngữ ca-dao : quit Cần-thơ, bưởi Tân-triều (hay Biên-hoà), cam Cái-bè, mận hồng đào Trung-lương, nhᾶn Bạc-liêu, tôm cá ở Long-xuyên v.v...

« Ghe phen qua nói với diều,
Cù-lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm ».

Cá tôm ở cù-lao Ông Chưởng có nhiều đến đỗi quạ với diều nhủ cho nhau biết để tìm tới đó, hình-thức truyền-tụng khéo biết bao.

Hay đám bình-dân khích-lệ nhau :

« Tháng giêng cơm nước ra hòn,
Muốn ăn trứng nhạn, phải lòn hang mai ».

Hang mai, chữ « mai » ở đây không phải là chỉ đoá hoa nở lúc Đông về Xuân tới, và hang mai chẳng phải hang có những giống hoa thản dáng mê say. Mà « mai » chỉ là nói về đám con cháu... loài hầu, muốn ăn trứng nhạn thì phải chịu khó chui lòn qua những hang đầy-dầy loài khỉ ăn náu đấy thôi.

Bạc-liêu Cà-mau, kè ra có biết bao điều đáng ngợi. Ngoài sự nổi danh xứ muối, hay đặc-diểm trào lộng « dưới sông cá chốt, trên bờ Triều-châu », thồ-sản Bạc-liêu vẫn hằng được truyền tụng qua những câu ý-vị. Trong quận Vĩnh-châu, nức tiếng với nhᾶn, và dưa hấu :

Đây là hình ảnh một cô gái năm xưa ở xứ muối. Trên gương mặt lộ vẻ ngây-thơ duyên-dáng, đôi mắt long-lanh hiền-hoà đầy tình-cảm.

Cô đã nói lên tấm lòng yêu-đương chung-thủy qua tiếng nói quê mùa chất-phác.

Cô không ngăn-ngại giới-thiệu cho người trai xứ khác biết qua những thồ-vật của quê-hương, từ sắc-thái, dệt nên những văn thơ êm-dịu tình-tú xuất-phát tự đáy lòng...

CÔ GÁI BẠC-LIÊU NĂM XƯA



GÁI CÀ-MAU MONG TRAI HAI HUYỆN

Nghĩa mặn mà lòng em đà đậm,
Xứ Bạc-Liêu Ba-Thắc muối ngọt,
Tinh thơm tho trăm năm vẹn giữ,
Như Vĩnh-Châu mùi Nhᾶn ngọt lành.

Nguyễn gán bó lòng em son đỏ,
Như mía Trà-Nho dưa hấu Rach-Dinh.
Tinh đượm nồng Năm-Căn than đực,
Da mõ màu như lúa Ngã-Năm.

Em yêu anh, người trai hai Huyện (1).
Em mong anh bước tới gia đình.
Tiệc tân-hôn em dọn đồ hải-sản,
Hảo, mực, sò, tôm lụi, rùa, cua.
Nào cua kinh Giá-Rai gạch béo,
Nào yến sào Đá-Bạc chọn quý.

(1) Người xưa ở Huyện Long-Xuyên (Cà-Mau) gọi người xứ khác đến là trai hai Huyện.

Đèn tân-hôn sáp U-Minh săn có,
Em hồi môn bằng chiếu đẹp Cà-Mau.

Dớn (2) U-Minh tiết đồng suối ấm,
Đất Tân-Bằng cùi đượm than nồng.
Trăm năm em giữ chữ đồng,
Bố kinh vẹn phản chỉ hòng se săn.

Gái Bạc-Liêu hiền hoà chất phác,
Gìn một lòng son sắt không phai.
Vẽ rồng thêu phượng mặc ai,
Thè không mất một dạ hai với chồng.

BÌA-PHƯƠNG QUA CA-DAO

Đất Bạc-Liêu muối tên Ba-Thắc,
Nhân cơm dây dẽ lột thơm ngon,
Dưa-Hấu cát nhiều mỏng vỏ,
Mía Trà-Nho ngọt gắt có dâu bằng,
Miền Giá-Rai con rắn hổ lội dày,
Cua kình, Chim, chuột, tôm tươi, lụi đều,
Nơi Phước-Long cá đồng, đìa đặt,
Lúa ngập đồng thơm rực khắp nông thôn,
Than Năm-Căn, chiếu miền Tân-Duyệt.
Mặt U-Minh, khoai ngọt chốn Trà-Bằng,
Dưa Bà Cai, nồi tiếng khắp làng,
Ba khía Rạch gốc có dâu dầm sánh,
Đầm Bà Tường là nơi sấu lánh,
U-Minh-Hạ săn chim tràn ngập đất,
M López U-Minh là nguồn lợi nhất,
Choại Cà-Mau đợt mặt cật đốt ngào;
Cá Thác-lác sông Cái-Tàu đục nước,
Đất Tân-Bằng là đất than đun nước,
Xứ Cái-Keo khoai, săn, cải, rau, hành,
Nơi Mũi-Đuốc, Mũi-Trầm cua rùa khí.

Phần thứ sáu

BẠC-LIÊU NGÀY NAY TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HƯNG

(2) Dớn là những lá cây rụng xuống đất sinh lầy lâu ngày trở thành một thứ khoáng-sản than đất đốt cháy, loại than này chưa được khai-thác.

DƯỜNG XUÔI HẬU-GIANG VỀ TỈNH MUỐI

B

AC-LIỀU, Cà-mau nằm ở dãy chót đất miền Nam trong dư đờ nước Việt, và cũng là tỉnh sau rốt của vùng Hậu-giang. Thậm chí khi xưa có người đã lèn-thần ghép tên tắt của hai mươi tết miền Nam sao cho dễ đọc dễ nhớ, cũng đã khéo ghép Bạc-liêu, Cà-mau ở sau rốt cho đúng thê : **Gia** (định), **Châu** (đốc), **Hà** (tiên), **Rạch** (giá), **Trà** (vinh), **Sa** (đéc), **Bến** (tre), **Long** (xuyên), **Tân** (an), **Sóc** (trăng), **Thủ** (dầu mội), **Tây** (ninh), **Biên** (hoa), **Mỹ** (tho), **Chợ** (lớn), **Bà** (rija), **Vĩnh** (long), **Gò** (công), **Cần** (thơ), **Bạc** (liêu), **Cà** (mau).

Bạc-Liêu tuy đứng sau rốt, mà giá-trị đáng liệt ở hàng đầu. Vì nguồn lợi của tỉnh này, ngoài những ruộng lúa cò bay thẳng cánh, ruộng muối, vườn nhãn v.v... mà ai cũng biết tiếng, còn có hải-sản, lâm-sản toàn đem lại cho quốc-gia những con số lợi-túc lớn-lao, thu-hoạch đáng kề về mặt kinh-tế.

Bạn đã viếng tỉnh Bạc-liêu lần nào chưa ? Xin mời bạn.

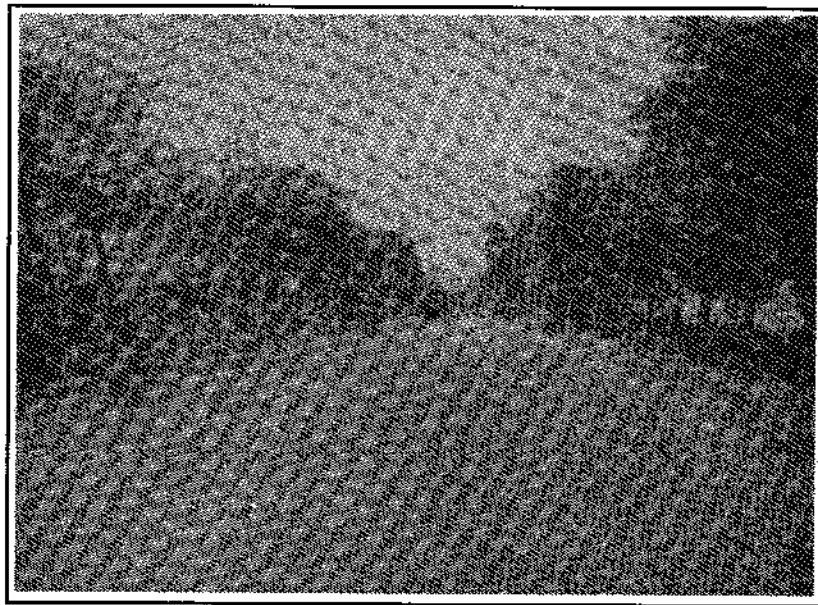
Con đường từ thủ-dô xuống Cần-thơ hẳn bạn đã biết rõ ràng. Hoặc bạn đi xe suốt từ thủ-dô xuống thẳng An-xuyên, (Cà-mau) hoặc bạn đi xe chuyền, từ thủ-dô xuống Cần-thơ rồi sang xe khác, từ Cần-thơ xuống thẳng Bạc-liêu, bạn sẽ lần lần cảm thấy mến Hậu-giang vì những cảnh đồng bằng, những ruộng lúa, những thửa vườn giăng giăng mút mắt, nói lên sự trù-phú thịnh-vượng trong thuở thanh-bình.

Theo quốc-lộ số IV đến Bạc-liêu, hai bên đồng ruộng mènh-mông, nếu bạn đi vào vụ mùa lúa chín, bạn sẽ thấy bâng-khuâng, một mối thương quê cha đất tổ, vốn là mảnh đất của dân-tộc chuyên nghiệp, qua hình ảnh đám nông-dân cần lao nhẫn-nại, mà Hậu-giang là tượng-trưng. Rồi từ bâng khuâng cảm-khai, bạn sẽ yêu-mến người nông-dân sông Hậu và tất-cả đồng-bào miền tây, vì hình-thức quê mùa mộc-mạc, mà bạn hẳn có lúc chế diễu là đồng « Phèn », nhưng tâm-tư thì chân-thành chất-phác biết bao.

Thỉnh-thoảng theo bờ kinh, bạn mục-kịch những thửa vườn nhỏ ẩn hiện, hoặc phía trước, hoặc phía sau, hay hai bên sông của từng ngôi nhà cất rái-rác, khang-trang, khoáng khoát, bạn mới thật sự cảm thấy thèm yêu thủ-vị đồng quê, hoa ngàn cỏ nở man-manh duyên gió ruộng đồng.

Gần tới tỉnh Bạc-liêu, về phía hữu, có phi-trường quân sự. Phi-trường quân-sự, thì chẳng có gì lạ với bạn, vì hẳn bạn đã từng thấy nhiều nơi ngày nay đều có. Nhưng một phi-trường ở vào vị-trí một tỉnh ruộng đất bao-la bát-ngát, lại có sắc-thái đặc-biệt đáng ngắm nhìn hơn cả. Vì giữa khoảng trời đất mènh-mông, đột-ngoét công-trình nhân-tạo xây-dựng lên rất mực độ-sộ, hùng-vĩ, thế mới nỗi bật co-cầu phòng-thủ, bảo-vệ non sông khi biến trắc. Từng đoàn chim sắt bay lên đáp xuồng, đi đi về về rộn-rãp một góc trời, bạn sẽ phải hồi tưởng đến khu diều-dịnh, tức khu vực sân chim của Bạc-liêu, Cà-mau xưa, mà bạn chắc cũng có lúc nghe nói đến. Và ngay trong quyển « Bạc-liêu xưa và nay » của chúng tôi trình-bày dưới mắt bạn đây, nơi phần di-tích thăng-cánh, chúng tôi đã có nói nhiều về sân chim, một nguồn lợi thiên-nhiên của Bạc-liêu xưa, rất tiếc không còn nữa ! Cơ-khi trong đời văn-minh khoa-học đã vô-tinh xưa lấn hăng đám chim không-lồ kia đi mất. Chỉ còn qua đàn chim sắt trong khoảng sân cát sỏi, gợi nhớ cho chúng

Đại lộ Độc Lập



Một con đường lớn nhất ở Bạc Liêu, nối liền Quốc lộ số 4,
chạy thẳng xuống trung tâm thành phố.
Mỗi khi trong tỉnh có làm lễ, chọn đại lộ này làm nơi khánh tiết.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

ta chút hình ảnh xa xưa ấy. Buồn vui lẫn-lộn xáo-trộn tâm tư, ngồi trên xe miên-mạn nghĩ-ngợi, để sống phút giây hoài-cố, nghiện-kim, âu cũng là một điều thích-thú, giết được thì giờ trong khoảng đường xa.

Từ phi-trường, xuống tinh độ 2 cây số ngàn, hai bên nhà cửa dân-cư thưa-thớt. Điều ấy cổ-nhiên phải chăng bạo. Khu vực cần bảo-dàm an-ninh, nhà cửa dân-sự dành phải dời xa khoảng cách. Có như thế, mới tăng thêm vẻ nghiêm-trọng của khu quân-sự ở vào thời-đại chiến-tranh bằng cơ-khí tối-tân, diền-hình là đàn chim sắt nhân-tạo với sân chim khoa-học.

Xuống tới ngã ba, quẹo qua tay mặt là đường đi Cà-mau. Nơi góc ngã ba này, toạ-lạc ngoài cõi miếu Tiên-sư thờ các vị anh-hùng liệt-sĩ vị-quốc vong-thân.

Khéo thật. Sắp vào chầu-thành, đã thấy ngay nơi tưởng niệm những bậc người cứu nước, dựng nước, có công ơn với đất nước đồng-bào, hình ảnh ấy cũng khiến cho du khách thêm cảm thấy yêu-mến Bạc-liêu lần nhân-vật cõi, kim, đã dang và sẽ nối tiếp nhau xây-dụng một phần đất của non sông dân-tộc hơn bốn ngàn năm văn-hiến.

Xuôi theo đại-lộ Độc-Lập, thẳng xuống trung-tâm tinh-ly. Kia bên mặt là Tông-hành-dinh Tư-lịnh sư-đoàn 21 bộ-binh đóng, đối-diện là Ty Bưu-diện, Toà Hành-chánh, và Ty Ngân-khố, kế tới bến xe đò, bên tay mặt là khu thương mại, chợ búa bên tay trái. Nếu bạn muốn đi ra biển, vùng ruộng muối và vườn nhãn thì phải đi thẳng thêm 5, 6 cây số ngàn bằng xe lôi. Còn đi Vĩnh-châu thì quá giang xe đò thêm 30 cây số ngàn nữa.

Đến cả hai nơi nói trên, đều phải đi qua cây cầu sắt, bắt ngang sông Bạc-liêu cách bến xe đò độ non trăm thước, mà hằng ngày ghe tàu tấp-nập vận chuyển hành-khách và hàng-hoa đến tận các xã xa-xôi trong tỉnh.

Xe dừng tại bến. Hình ảnh châu thành Bạc-Liêu đã phô bày, tha hồ bạn thâu vào ống ảnh nếu bạn có máy ảnh đem theo. Nhưng chắc rằng bạn sẽ thâu được rất nhiều hình ảnh đẹp vào ống ảnh thiên-nhiên, đôi mắt quan-sát tinh-tế của bạn để rồi ghi nhớ mãi, lưu-luyến mãi với bao cảm tình mà bạn săn-có, đối với Bạc-Liêu là xứ quê mùa, nhưng quê mùa bởi chất-phác, quê mùa mà nỗi tiếng giàu có, vì đồng-bào hầu hết cần-cù siêng-năng với công việc đồng áng «Bao nhiêu tắc đất tắc vàng bấy nhiêu» không gì đúng bằng, dân tình muối đáng được đề cao, quý mến.

TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HƯNG KIẾN-THIẾT

DÙNG danh-từ « Phục-hưng » để nói lên các tỉnh nào khác thì e rằng không đúng. Nhưng bảo rằng Bạc-liêu đang trên đà phục-hưng thì chẳng phải nói ngoa. Thật thế, suốt 9 năm bị « phế » xuống hàng quận lỵ, thua cả Cà-mau, hình ảnh Bạc-Liêu đã ú-rũ không kém gì hàng phi-lan phai lợt sặc bương đã bị dâng quân vương ghẻ lạnh. Nay được phục hồi phong độ cũ, lại theo đợt kiến-thiết khắp các tỉnh đang làm, Bạc-Liêu hưng vượng chẳng mấy hồi.

Giá sinh hoạt trong tỉnh lại không mấy đắt-dò như các tỉnh khác, đời sống dân chúng nhờ thế được dễ chịu. Người người đều có vẻ hân-hoan.

Khắp nơi trong tỉnh, hàng ngàn nhân công hoạt-động rộn-rãp. Qua sự chỉnh-trang thị-xã quận-ly, cả về ngoại-ô cũng náo-nức tu bồ lại nhà cửa ; lại qua ánh mắt nụ cười dân chúng đủ các giới, Bạc-Liêu nói lên một cách hùng biện về sự ấm no của nhân-dân toàn tỉnh, sự trù-mật của đất-dai được khai thác triệt để, tăng năng xuất hoa mầu, tăng vẻ mỹ-quang tân-tạo.

KINH-TẾ

NGUỒN LỢI KINH-TẾ ĐẦY HỨA HẸN



HƠI búa phổ phường buôn bán tấp-nập. Từ tiệm tạp-hoa nhỏ đến hàng, xưởng lớn, trưng bày đủ các mặt hàng, sản phẩm, chẳng thiếu thức gì. Công, kỹ-nghệ phát-triển đúng mức, thanh hành vượt bực.

Đặc biệt ở chợ Bạc-Liêu bán đủ thức ăn miền biển, bong bóng cá, cua, sò, hàu, hến, tôm-khô v. v... Du-khách sành ăn, nếm hương vị thức ăn miền biển của tỉnh này trăm người như một đều cảm thấy thích khẩu. Đã thế bãi cát Vĩnh-Châu dẫu chưa được mở-mang nhưng các vườn nhãn ở dài theo đấy, và bao cảnh tri bắp-dẫn dã quyến-rũ khá nhiều du-khách khiến cuộc thương-mại được bành-trướng, nguồn lợi gia tăng.

Phần đông dân-cư sống về nghề nông và ngư-nghiệp thành phần liệt kê như sau :

Có khả-năng về nông-nghiệp	68 %
Có khả-năng về ngư-nghiệp	12 %
Có khả-năng về tiểu công-nghiệp	10 %
Có khả-năng về các nghề khác	10 %

Về ngư-nghiệp, ngư-phủ toàn tỉnh có đến 14.920 người, hải-ngư 1.900 người. Công cụ để xúc tiến nghề-nghiệp gồm có 482 người có ngư-thuyền có động-cơ, 2.530 chiếc ngư-thuyền không động-cơ.

Về nông-nghiệp, với tỷ-lệ 68 % dân chuyên về nghề nông với khả-năng canh-tác, đưa đến năng suất lúa mỗi mẫu được 1 tấn 600, trong toàn-thể diện-tích ruộng cày cấy trên 400 ngàn mẫu, cộng với diện-tích hoa màu phụ như : bắp, khoai, rau cải ; cây ăn trái gồm non 600 mẫu nữa, đủ chứng-minh Bạc-Liêu quả là vựa thóc miền Nam.

Còn thêm diện-tích ruộng muối :

Quận Vĩnh-lợi có 1.382 mẫu. Quận Giá-rai có 544 mẫu.

Tóm lại nguồn lợi nông-sản, hải-sản, lâm-sản rất mực dồi-dào như thế, một mai thanh-bình trở lại trên đất nước, dân-chứng thêm phấn-khởi dốc toàn-lực đầy mạnh cuộc thi đua làm cho dân giàu, đê nước nhà được hùng-cường, Bạc-Liêu chắc chiếm đầu công.

VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ BẮC-LIÊU TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HÙNG KIẾN-THIẾT

NỀN kinh-tế vững-chãi nhân-dân ấm-no sung-túc ấy là điều đem lại cuộc trị bình, chính-quyền sẽ được thanh-thản trong sự điều-khiển guồng máy hành-chánh, mưu hạnh-phúc an-ninh cho đại-chúng.

Toà hành-chánh, là cơ-quan đầu não của chánh-quyền tỉnh, là mái nhà chung của nhân-dân tối lui mỗi khi có việc chi cần đến thủ-tục giấy tờ. Toà hành-chánh, nay đã xây cất lại, ở mé sau rộng-rãi hơn, tuy không đẹp, nhưng so với toà hành-chánh các tỉnh khác, có thể tương-đối với bộ mặt khiêm-tốn dễ coi. Về sự điều-hành công-vụ cũng có vẻ khả-quan, vì các cấp nhân-viên thừa-hành hầu hết đã tận-tâm phục-vụ dân-chúng.

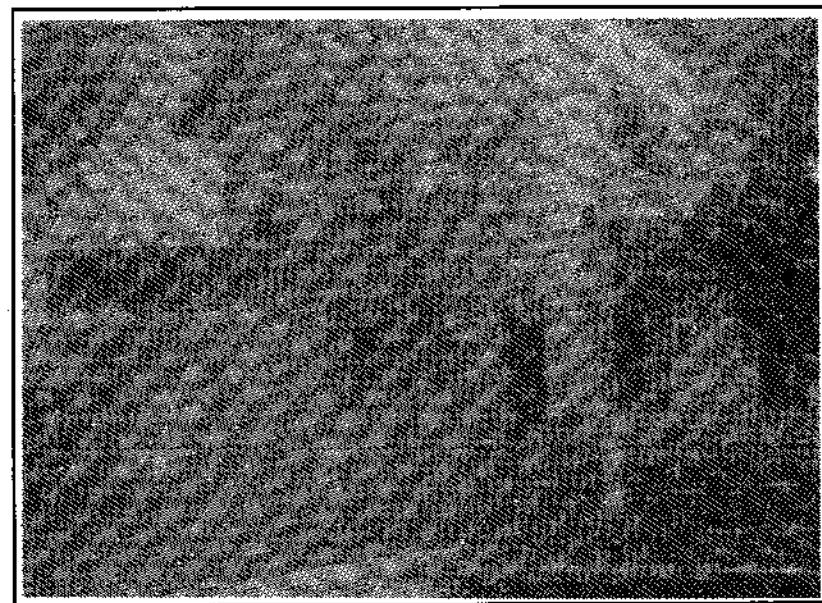
Ai cũng biết tình cảnh dân quê ở giai đoạn này rất thương hại mỗi khi có việc phải cực-lòng đến cơ-quan hành-pháp !

Lại nữa người dân thấp cò bé miệng, có điều oan khô hay có việc chi thắc-mắc, thì có Hội-Đồng hàng tỉnh sốt-sắng can-thiệp cho, các vị là Đại-Diện của nhân-dân, nhiệt thành lo điều công-ích trên mọi công-tác xã-hội, nhìn thấy sự thống khồ của dân, hoà minh di sát với dân để tìm hiểu nguyện vọng của dân. Với tinh-thần phục-vụ quần-chung, các vị thật xứng-đáng với câu «vì dân, vì nước».

Bao nhiêu ước-vọng của người dân đến khi cầm lá phiếu chọn người tài-đức thay mặt cho họ, đê đạt lên cấp trên với những nhu-cầu chánh đáng.

Việc làm của quý vị sẽ nêu gương sáng cho thế hệ mai sau, đã hi-sinh đặt quyền lợi tờ-quốc trên hết, thế-nhân sẽ phê phán ca-ngợi tài-đức của quý-vị với những trang sử lưu danh hậu thế.

Tòa Hành Chánh Bạc Liêu



Tòa Hành Chánh nằm day mặt ra Đại lộ Độc Lập.

GIÁO-DỤC

NỀN TẢNG GIÁO-DỤC ĐƯỢC QUAN TÂM ĐẶC BIỆT

D

ÀN ấm no, nước trị binh, nhưng chênh mảng về sự giáo-dục, liệu dân khôn nước mạnh được không ? Hắn là không một dân tộc nào nói chung, một địa-phương nào nói riêng, dám xao lăng việc lo-lăng học tập của con dân trong nước, trong tỉnh.

Điều kiện căn-bản là phải có đủ trường sở các cấp để cho con em có chỗ trau giồi trí đức rèn luyện tài năng. Còn gì xót xa bằng cái cảnh thấy con em mình phải học dồn lớp, hoặc chia nhau tốp học sáng, tốp học trưa, tốp học chiều. Như thế trình độ văn-hoa của con em có được là bao, khi học chẳng đủ giờ đủ khoá. Bằng như cứ học thúc học dồn, tri hoá con trẻ càng chóng sinh mệt mỏi, thêm có hại tinh-thần !

Vì thế điều đáng mừng hơn cả cho phụ-huynh học-sinh là thấy được con em mình có đủ trường sở, đủ thầy hay hầu được đào luyện nên người hữu-dụng cho quốc-gia xã-hội mai sau.

Tính đến nay tình hình giáo-dục tỉnh Bạc-Liêu tiến-triển khả quan :

Bạc Tiêu-học, gồm cả công-lập và tư-thục toàn tỉnh, đã có 28 trường, sĩ số nam nữ tòng cộng trên 15.000 em.

Bạc sơ học gồm có tất cả 56 trường, sĩ số nam nữ gần 10.000.

Bạc Trung-học, đệ nhất cấp, kè gồm công-lập, bán công và tư-thục được tất cả 5 trường, sĩ số nam nữ hơn 1.500. Đệ nhị cấp thì chỉ mới có một trường công-lập tại tỉnh-ly, sĩ số nam nữ là 1.034.

Theo đà tiến-triển của nền giáo-dục quốc-gia, sự giáo-dục con em trong tỉnh cũng trên đà phát-triển. Bằng có là mỗi năm trường ốc được mở thêm.

Số cung ứng với số cầu, học-sinh mừng rõ tránh được sự học tập thất thường, học sinh thêm niềm hy-vọng ở tương-lai con em nói riêng, xí sở nói chung.

Đảng mừng hơn nữa, với sắc-luật của Trung-tướng chủ-tịch ủy-ban lãnh-đạo quốc-gia, cho phép xây-dựng Viện đại-học miền tây ở tỉnh-lỵ Cần-thơ (Phong-dinh), rồi đây hàng ngàn học-sinh, khi đã học xong ban trung-học, chuyển sang đại-học chỉ cần lên Phong-dinh đào-luyện thêm, khỏi phải lên tận thủ-đô hay lên Đà-lạt ra Huế. Trình-độ văn-hoa của thanh-thiếu-niên miền tây sẽ được nâng cao, tốt đẹp biết bao.

Sa-Déc, Aug 12, 2015

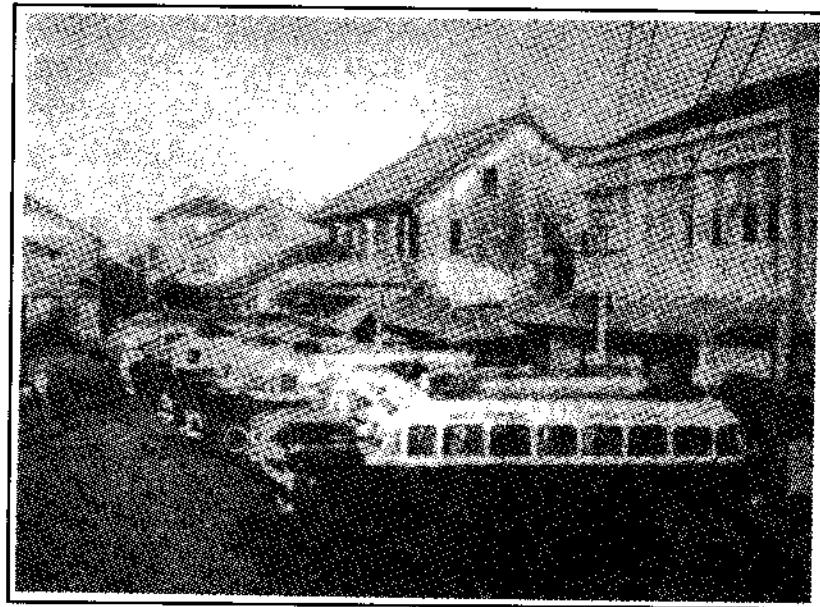
NÔNG-LÂM-SÚC : TIẾN-TRÌỀN ĐỒNG ĐỀU

MỘT tỉnh nặng về nông-nghiệp như Bạc-liêu, có-nhiên chánh-quyền sáng-suốt đôn-dốc phát-triển về mặt canh nông. Công-cuộc dẫn-thủy nhập-diền được tiến-hành mỹ-mẫn. Hiện nay thêm xáng mức con kinh bè ngang 22 thước, cách tỉnh-lỵ 2 cây số, để lấp đất mở rộng thêm thành-phố.

Các Ấp Tân-sinh toàn tỉnh, nơi nào cũng được chánh quyền săn-sóc chu đáo, các cán-bộ nỗ-lực tiến về nông-thôn mà phục vụ đặc lực. Mức sinh-hoạt của nhân-dân ấp xã khá ổn định chứng-minh tình-trạng nông-thôn Bạc-liêu nay khá an-toàn.

Việc chăn nuôi của dân quê, cũng được chánh-quyền ghé-mắt, phái cán-bộ về tận thôn-ấp xa-xôi, sống gần-gũi với dân quê mà thân-mặt chỉ bảo những điều cần-thiết. Do đó số heo, gà, vịt sản-xuất tăng-gia gấp đôi, gấp ba mấy năm trước, phải xuất tỉnh chở lên thủ-đô tiêu-thụ. Lợi tức chăn nuôi đem lại cho dân nông-thôn những nguồn lợi đáng kể, thêm phương-tiện đảm-bảo đời sống sung-túc ở tương-lai.

Bến xe đò Bạc Liêu



Từ Tỉnh lỵ xuyên qua các Quận và chạy thông suốt thủ đô với những kiểu xe lồng lẩy.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

GIAO-THÔNG : MỞ RỘNG ĐƯỜNG SÁ

TRỰC giao-thông càng tiện-lợi chừng nào thì nền kinh-tế càng vững-mạnh chừng ấy. Ở chau-thành, các con đường đều đã được nới-rộng hơn trước. Chánh-quyền lại phong thêm nhiều con lô mới, nối liền xã này sang xã khác rất thuận-tiện. Từ quận ly xa-xôi cũng được Ty Công Chánh giúp đỡ mọi mặt, đào giếng, bắt cầu, xé cổng với những dụng-cụ tối-tần nhanh chóng, nhờ đó đời sống dân quê như gắn-liền với đồng-bào thị-thanh, được hưởng mọi nhu cầu tối-đẹp. Đồng thời, bến xe đò cũng được chấn-chỉnh nới-rộng, xếp đặt vén khéo. Giao-thông đường thủy, đường bộ từ tinh-ly vận-tải hàng-hoa về thủ-đô cũng được duy-trì.

QUÂN-SỰ : XÂY CẤT PHI TRƯỜNG

PHÍ-TRƯỜNG quân-sự thiết-lập cách tinh-ly Bạc Liêu 2 cây số ngàn, từ trước vẫn đã hoàn-bị mà nay hẵn còn chấn-chỉnh thêm, nới-lên sự hùng-mạnh của quân-dội tăng cường bảo-vệ an-ninh cho đồng-bào.

Một khi đất nước thanh-bình, phi-trường quân-sự này đổi-ra thành phi-cảng hàng không dân-sự chắc-chắn Bạc-Liêu chiếm được ưu-thể hơn các tỉnh. Nhất là tu-bồ mọi phương-diện cho khang-trang.

Y-TẾ : SỨC KHOẺ DÂN-CHỦNG ĐƯỢC BẢO-VỆ

BAO nhiêu việc kiến-thiết tốt-dep về mọi ngành kẽ trên đều phải hoà-ram-hoài của hoài-công, nếu sức-khỏe đại-chủng không được chăm sóc thường-xuyên. Bởi thế, ngành Y-tế lại quan-trọng hơn tất-cả.

Đè xứng danh, là tỉnh có tiếng giàu có nhất nhì ở miền Tây, trong tương-lai gần đây, Bạc-liêu tỏ ra rất ưu-ái chăm lo dưỡng bệnh cho đồng-bào toàn tỉnh. Bệnh viện tăng cường số bác-sĩ chuyên-khoa, bổ sung nhân-viên y-tá. Đồng thời, thêm nhiều giường cho bệnh nhân, cũng như dụng-cụ Y-khoa và thuốc men đủ loại thường luôn luôn có dư chờ chằng đẽ cho thiếu sót.

Bảo-sanh-viện cũng được lưu tâm chỉnh-dốn, khiến các sản-phụ càng được nhẹ-lòng, trẻ sơ-sinh thêm được bảo-vệ sinh-mạng an-toàn. Theo bảng thống-kê gần đây của y-tế tỉnh, số trẻ tử-vong chỉ có 2, 3% đối với số hài-nhi chào đời khoẻ mạnh.

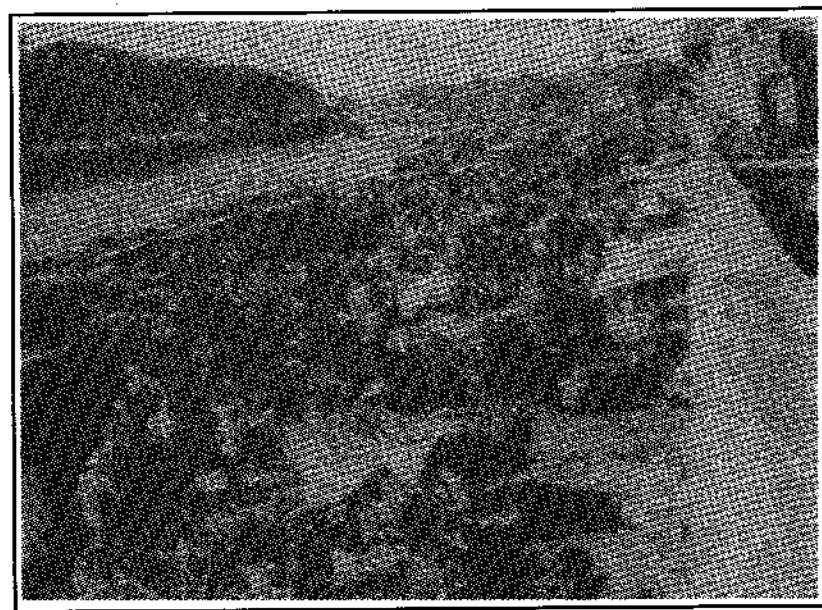
Khắp vùng hương thôn, nơi nào cũng đã thiết lập ty y tế hoàn-hảo, dụng-cụ thuốc men đầy-dủ chằng kém gì nơi tinh-ly, nhân-viên tận-tâm phục-vụ đồng-bào nông-thôn rất đặc-lực, từng khiến đồng-bào cảm-khích hoan-nghinh ca-ngợi.

Trong tương-lai, Bạc-liêu đầy hứa hẹn dẫn đầu các tỉnh về đủ phương-diện... Chờ xem.

* *

Chúng ta đã xem xét Bạc-liêu qua nhiều khía-cạnh, nhưng nếu không nhấn mạnh về sự phát-triển tông-giao của tỉnh này e là điều sơ-sót đáng phàn-nàn. Vì là diêm đặc-biệt hơn cả của tỉnh này, chính là vấn-dề đạo-giáo. Thật không có đâu dung nạp đủ các sắc-thái về đạo-giáo như Bạc-liêu, ấy là điều đáng nói. Huống chi vấn-dề đạo-giáo vẫn là tối-đại quan-hệ đến nhân-sinh thiết-tưởng xét lại Bạc-liêu với sự tin-ngưỡng của nhân-dân ắt chẳng đến nỗi vô bờ-ít.

Chợ Bạc Liêu



Quang cảnh buổi nhộm chợ dừa bờ sông Bạc Liêu.

Sự mua bán trống qua rất phồn thịnh.

Chợ này bán đồ hải sản nhiều hơn hết.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

ĐÀO-GIÁO

BẠC-LIÊU XUYÊN QUA CÁC GIÁO-PHÁI



ĐÀO người dẫu tiến-bộ đến mức độ nào, tri-hoa
dẫu có tinh-tiến siêu-việt đến đâu. Ngay trong thời nguyên
tử vạn-tinh này cũng còn cảm thấy lầm điều huyền-bí trong
vũ-trụ, mà thân-phận nhỏ bé của loài người, so với vũ-trụ
bao-la lấy tri độ mà xét cho cùng tột lẽ huyền-vi, chẳng
khác nào mò kim đáy bể. Nhưng khi dùng đến tâm linh
để thông-thần, tiếp nhận diệu-linh từ cõi hư-vô truyền cho,
có được trực-giác sắc bén, tri-tuệ viên-thông, con người
mới thấy mình hoàn-toàn được siêu phàm thoát tục. Chờ
còn đeo đuôi theo khoa-học, dành rằng có được nhiều tiện
ích cho đời sống vật-chất thật đấy, nhưng tâm-linh thiển
ánh đạo soi-sáng cho con người, càng dễ bị sa-đoạ đắm
chim trong biển vật-dục. Thời-đại khoa-học dù cực thịnh,
cơ-khi dù phát-triền đến mức nào, đã khai-thác triệt-dễ
tinh năng nguyên-tử, rồi đi đến sự khám-phá không-gian
bằng hoả-tiền, phi-thuyền, nhưng con người đầy tục lụy
vẫn là con người trần-tục ! Do đó, khoa-học càng xường-
minh, tông-giáo vẫn song song triền-khai, có nghĩa là thần
huyền chẳng nhượng gì khoa-học. Bởi có tông-giáo, con
người mới có được sự diệu-mẫu về tâm-linh, không thiên
lệch lầm với thể chất để nhiễm đầy vật-dục của đời khoa-học.

Hiểu như thế, chúng ta không lấy làm lạ về con số
hàng triệu người trên thế-giới vẫn còn mang nặng tin-
ngưỡng sùng-phụng tôn-giáo mặc dù vẫn chuộng khoa-học.

Ngay trên nước ta, vẫn-dè tông-giáo cũng rất là trọng hè mà các nhà tri-thức, không thè không quan-tâm nghĩ đến. Khắp các tỉnh miền Nam, ngày nay nơi nào cũng có một số đông dân-chủng sùng đạo. Đặc biệt là tỉnh Bạc-liêu, nghiêm-nhiên như một tỉnh thần-huyền ! đồng-bào người Việt chinh-tông, hay người Việt gốc Hoa, hoặc gốc Miên, phần nhiều đều nặng về tín-ngưỡng, tôn thờ đạo-giáo.

CÁC GIÁO PHÁI HIỆN-HỮU

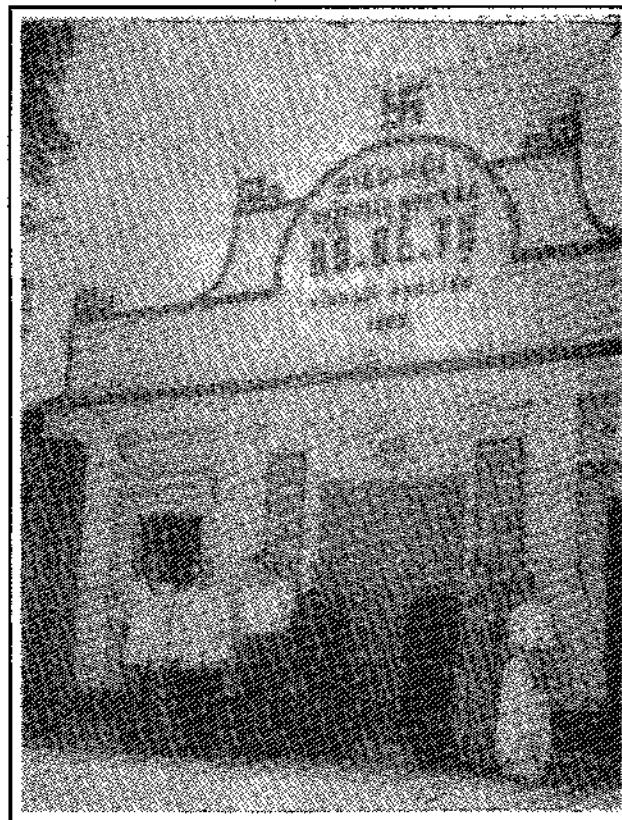
CÁC giáo-phái trong toàn tỉnh Bạc-liêu, hiện nay gồm có như sau :

1. Tỉnh-hội Phật-học Việt-Nam.
2. Tỉnh-hội Phật-giáo Thống-nhất.
3. Thiên-Chúa.
4. Tin-Lành.
5. Cao-dài lưỡng phái Tiền-Giang và Hậu-Giang.
6. Phật-giáo Hòa-hảo.
7. Du-tăng Khất-sĩ.
8. Cư-sĩ Lâm (của người hoa-kiều).

Mỗi giáo phái có trụ sở hoặc cơ sở thờ phượng thiết-lập rải rác nơi bốn quận trong tỉnh, và giáo phái nào cũng có đóng đẻo tín-dồ.

Ngoài các nhà thờ của đạo Thiên-chúa, Tin-lành và các chùa chiền của Phật-giáo mà ai cũng biết qua về hình thức, điều đáng chú ý là giáo phái Du-tăng Khất-sĩ thì có thiết-lập tịnh-xá, Cao-Dài thì có Cao-thượng bửu-toà ; Phật-giáo Hòa-hảo thì có ban trị-sự tỉnh, quận, phòng đọc giảng và chùa Bồ-đề.

Chùa Bồ-Đề



Chùa này của Phật Giáo Hòa Hảo,
xây cất vào năm 1963 tại Thị Xã Vĩnh Lợi.

GIÁO PHÁI DU-TĂNG KHẤT-SĨ

T

Ừ khi sư-trưởng Minh-dăng-Quang khai sáng giáo phái Du-Tăng Khất-Sĩ đến nay, dần dần được dân chúng chú ý ngưỡng mộ. Rải rác khắp các tỉnh miền Đông và miền Tây nơi nào cũng có Tịnh-xá của Du Tăng Khất-Sĩ.

Riêng trong tỉnh Bạc-Liêu, giáo phái Du-Tăng Khất-sĩ do pháp-sư Giác-Huệ chăm nom việc tu trì hành đạo, có hai tịnh-xá :

1. Tịnh-xá Ngọc-lợi.
2. Tịnh-xá sư nữ Ngọc-Liên.

Tuy mới phát hiện gần đây, song phái Du-Tăng Khất-sĩ vẫn đã được thiện nam tín nữ dành cho lâm cảm tình tốt đẹp. Dưới sự chăm nom săn-sóc của pháp-sư Giác-Huệ tại tỉnh Bạc-Liêu, Giáo-Hội Tăng Già Khất-Sĩ thịnh thế nhiều qua bước đường tu tập. Hai tịnh-xá Ngọc-Lợi và Ngọc-Liên, một dành cho tăng sĩ, một dành cho sư nữ, được dân chúng quan chiêm ngưỡng mộ chẳng ít. Nếu những người có đạo tâm mến chuộng cảnh tri u nhàn thanh tịnh của chùa Hưng-Huệ, do Tịnh-Độ cư-sĩ Phật hội Nam-Việt xây cất trên hòn Đá-Bạc, thì đối với hai tịnh-xá của Du-Tăng Khất-sĩ hẳn người có lòng mộ đạo ai mà chẳng luyến cảnh lâng lâng sạch bụi trần mà bâng-khuâng cảm mộ.

TỊNH-ĐỘ CƯ-SĨ PHẬT HỌC NAM-VIỆT VÀ CƯ-SĨ LÂM CỦA NGƯỜI HOA-KIỀU

N

GƯỜI Việt chúng ta có phái Tịnh-độ cư-sĩ họp nhau làm một học hội, để các đạo-hữu có nơi lui tới trao đổi tâm tình và các điều tu tập, thì người Hoa-Kiều ở Bạc

Liêu cũng tồ-chức với nhau trong «Cư-sĩ Lâm» cũng mục-dịch như nhau.

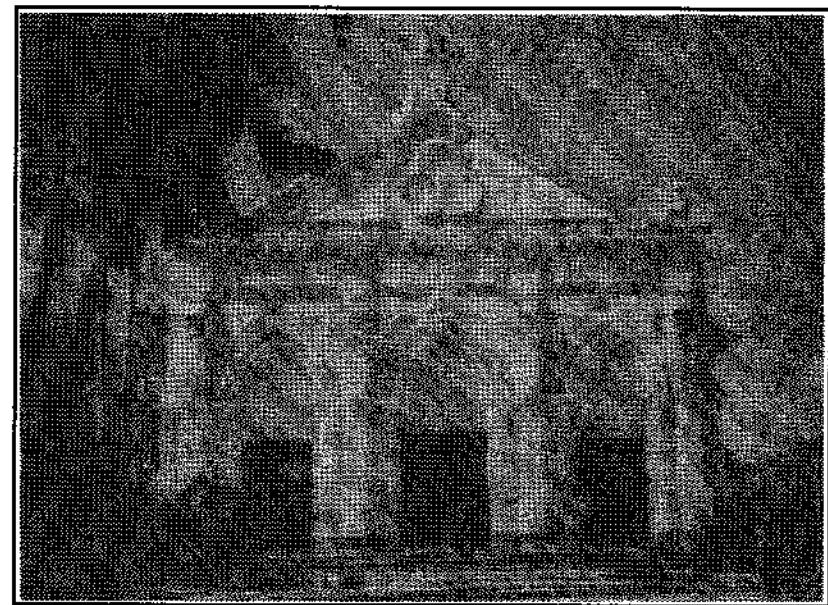
Tinh-Độ Cư-Sĩ Phật-Học Nam-Việt của người Việt và Cư-sĩ Lâm của người Hoa-Kiều rất khă-quan với số đạo-hữu càng ngày càng đông. Vì trên đường Tu Phật bao giờ số người tu tại gia cũng đông hơn số tăng ni Phật-tử. Càng có nhiều cư-sĩ càng chứng tỏ lòng sùng đạo của phần đông dân chúng có đạo tâm, chuộng nhân nghĩa, rắp tri chí tu-hành, noi gương đức Từ Phụ mà học dời phong-thái từ-bi hỉ-xả, hầu trí-huệ càng ngày càng được viễn-minh. Có như thế thì bậc cư-sĩ mới sống được vẹn-vẻ cả hai phần bên dời-bên: Bên dời thì bao giờ cũng nhiệt-thành làm những công-tác xã-hội phước thiện, bên đạo thi luôn luôn phát Bồ-dề tâm, nguyện xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, dâng công quả của mình lên đấng cao cả mà hồi hướng độ trì nhân sinh đồng loại.

CÔNG-GIÁO TIN-LÀNH

DÀO Thiên-Chúa, Tin-Lành từ lâu nay vẫn đã có hàng ngàn con chiên ngoan đạo. Mỗi chủ nhật, người người tấp-nập dồ-xô về hướng các nhà thờ làm lê, dù nói lên tâm lòng tin-dồ sùng kính Chúa dũng-mạnh tinh tiến chẳng khác nào bên Phật-giáo đã thành tâm đảnh lê ngôi tam-bảo.

Dưới sự châm nom của quý-vị linh-mục, các tin-dồ Thiên-Chúa đều cảm thấy hài lòng. Những bài giảng hàng tuần vang ngân trong cảnh uy nghiêm trang trọng, gieo hoan-lạc vô biên và rọi ánh-sáng đạo-lý vào tâm-hồn của người sùng đạo sống đời sống thánh thiện.

Nhà Thờ Công Giáo



Một ngôi nhà Thờ kiến trúc theo lối xưa cách nay 60 năm, nay đã phá và cất theo lối mới.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

CAO-ĐÀI LƯỞNG PHÁI TIỀN-GIANG VÀ HẬU-GIANG



AO-ĐÀI vốn đã có uy-lín dối với đồng-bào Bạc-Liêu từ khoảng năm 1936. Nền đạo này có thè coi như dung hoà lồ hợp các mối đạo, cứ xem qua việc thờ-phượng dù các bậc Thánh, Thần, Tiên, Phật thì đủ rõ. Mấy ngôi Cao-thượng bửu-toà thiết lập gần đây, xem rất trang trọng tôn nghiêm. Điểm đặc biệt, trước Cao-thượng bửu toà mé bên kia bờ sông, có dựng tượng ông Ngô-quang-Chiêu cõi rồng.

Về trước, một họ lớn có danh vọng nhất nhì trong tỉnh Bạc-liêu là họ Cao-Triều, vẫn đã từng nhiệt-thành, sùng-phụng nền đạo Cao-Đài. Có thè nói ông Chung-bá-Khanh đã tám thành quy ngưỡng Phật-giáo Hoà-Hảo thế nào, thì ông Cao-triều-Phát cũng cảm mộ Cao-Đài chẳng kém.

Trải qua lăm cuộc thăng-trầm, vì thời cuộc biến thiên, lòng người điên-dảo, nhất là từ khi đức Hộ-pháp Phạm-công-Tắc qui thiên, tin-dồ Cao-Đài chẳng khỏi ngâm-ngùi. Giờ đây nền đạo phục-hưng, cơ tiến-hoa đun-đầy, Cao-Đài xem ra nhiều khởi sắc, các tin-dồ dày lòng hoan-hỷ tin-nhiệm nơi các đấng thiêng-liêng mà sẵn-sàng làm công-quả.

PHẬT-GIÁO HOÀ-HẢO



GIÁO-PHÁI Phật-giáo Hoà-Hảo, thi đang phát-triển trên đường tuyên-dương, và truyền-bá giáo-lý tu-nhân học Phật của đức Huỳnh giáo-chủ. Từ năm 1942, Bạc-liêu đã từng được tiếp-xúc với đức Huỳnh giáo-chủ. Khi ngài bị thực dân Pháp đưa đi an tri, nơi đây qua sự bảo lãnh của ông Kỳ-Giỏi (Võ-văn-Giỏi) với chính-quyền hồi ấy. Những nhân-vật tai tiếng trong tỉnh, đầu tiên qui-y thọ-giáo với Huỳnh giáo-chủ gồm có ông bà kỵ Võ-văn-Giỏi, ông bà

hội-dồng Chung-bà-Khánh, ông hội-dồng Điều v.v... Lại nữa, khi đức Huỳnh giáo-chủ thọ bệnh, bác-sĩ Cao-triều-Lợi cũng đã tận tâm điều-trị với cảm-tình chan-chứa. Các tín-dồ trong thời đó, kè được hơn 2.000 người.

Ngày nay, ngoài ba ngôi chùa Bồ-dề đã xây cất xong, hai ở Vĩnh-lợi, và một ở Giá-rai, trụ-sở giáo-hội tỉnh cũng được thành lập trong năm 1965, tại đường Nguyễn-Du. Phật-giáo Hoà-Hảo càng có thêm đông tín-dồ trong tỉnh.

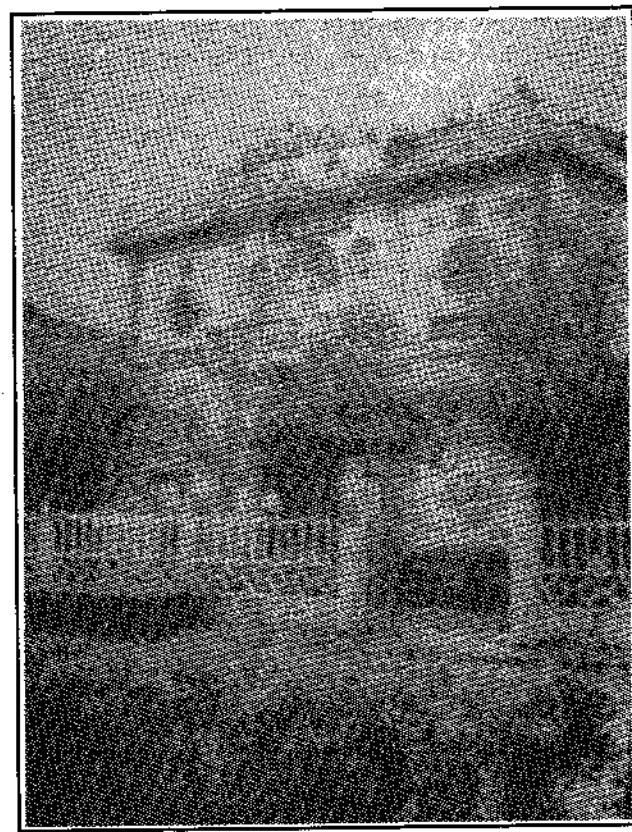
Mỗi tháng vào 6 ngày chay : mồng 8, 14, 15, 23, 30 và mồng 1 đều có lễ cúng nơi chùa Bồ-dề, rồi đọc giáo-lý trên máy vi-âm cho đồng-bào, đồng-dạo tại tinh-lanh hội.

TỔNG-KẾ CÁC CƠ-SỞ THỜ-PHƯỢNG

Kè về các cơ-sở thờ-phượng, của tất-cả giáo-phái có trong tỉnh Bạc-liêu, xin mời quý bạn ghé-mắt qua bảng liệt-kê dưới đây thì rõ :

CƠ SỞ THỜ PHƯỢNG	VĨNH LỢI	VĨNH CHÂU	GIÁ RAI	PHƯỚC LONG
Đình	1	—	4	—
Nhà thờ Công-Giáo	3	—	5	2
Hội-thánh Tin-Lành	1	—	—	—
Chùa Nam-Vang	5	3	5	5
Chùa Huệ-Kiều	4	—	5	—
Tịnh-dộ cư-sĩ	1	2	3	1
Cao-Dài	2	—	8	3
Chùa Hoà-Hảo	2	—	1	—
Chùa Miên	7	18	—	3

Cao Thượng Bửu Tòa



Thánh thất này nằm bên bờ sông Vĩnh Lợi, là nơi thờ đức Cao Đài Thượng Đế.

Thất này chịu hệ thống của một trong giáo phái Cao Đài Trung Uong Đại Thánh ở Gia Định..

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

Xem bảng liệt-kê, qui bạn có cảm nghĩ thế nào ? Nhiều chǎng ? ít chǎng ?

Không phải so-sánh các tỉnh khác đâu xa, cứ lấy ngay Cà-mau vốn là một quận của Bạc-liêu khi xưa mà so về sự phát-triền tông-giáo, ta sẽ nhận thấy như thế Bạc-liêu vẫn còn là ít đấy.

Dựa theo một bảng thống-kê của chánh-quyền trong năm 1961, về mặt tông-giáo hoàn-toàn bị hạn chế. Các nhà thờ, đình, chùa, thánh-thất, hầu hết đều bị tàn phá. Sau tiếp theo chinh-quyền quốc-gia, tái lập ban bố mọi quyền tự-do tín-ngưỡng, các tông-giáo được phát-triền tin-dồ khắp nơi, nhất là Công-giáo, Tịnh-dộ Cư-sĩ. Nhân-dân bèn xây-dựng lại các cơ-sở thờ-phượng, chấn-hưng nền giáo-lý cõi-truyền của dân-tộc. Trong tinh-ly có 5 đền thần, 1 chùa Phật, 1 chùa Bà, 4 nhà giảng Tin-Lành, 4 Thánh-thất Cao-Đài, 28 chùa Tịnh-Đô Cư-Sĩ, 42 Miếu, 16 Nhà Thờ Công-Giáo.

Cà-mau mà còn phát-triền tông-giáo đến mức ấy huống là Bạc-liêu ?

Vả chǎng, Bạc-liêu xưa kia người Hoa-kiều chiếm đa-số và người Miên cũng khá đông ; mà người Miên và người Hoa-kiều lại càng nhiều tin-ngưỡng hơn cả người Việt, cho nên các ngôi chùa Miên và các ngôi chùa Hoa-kiều lại cũng chiếm đa-số, chẳng là gì. Điều đáng nói hơn cả, ngoài các chùa của người Hoa-kiều thờ Ông (Quan-thánh dế-quân) Bà Mă-Châu v.v... còn có một ngôi chùa Ông ở ngang chợ Bạc-liêu, bến đò đi qua, có sắc-thái đặc-biệt khác lạ hơn cả mọi nơi.

MỘT NGÔI CHÙA ĐẶC-BIỆT CỦA HOA-KIỀU



UA bến đò ngang chợ Bạc-liêu sẽ trông thấy một ngôi chùa của người Hoa-kiều thiết-lập đã lâu rồi. Chùa thờ các vị :

1. Quan-dế.
2. Châu-xương.
3. Ông bồn.
4. Bác-dế.
5. Ông Tè (Tề-thiên Đại-thánh).

Hàng năm, đến ngày lễ chánh của chùa, họ bày lâm trồ rùng-rợn, ma quái : xiêng quay, ngồi chòng, tắm dầu sôi, đi trên than lửa v.v...

Ngoài ra, còn bày thêm cuộc lèn đồng, chỉ cho bắt ma. Lâm chuyện thần-kỳ, quái-dản, rùng-rợn cả người.

Thế mà số đồng dân-chúng sùng-kinh rất mực. Điều này chứng tỏ vẫn-dè tín-ngưỡng ở Bạc-liêu quả thật tự-do.

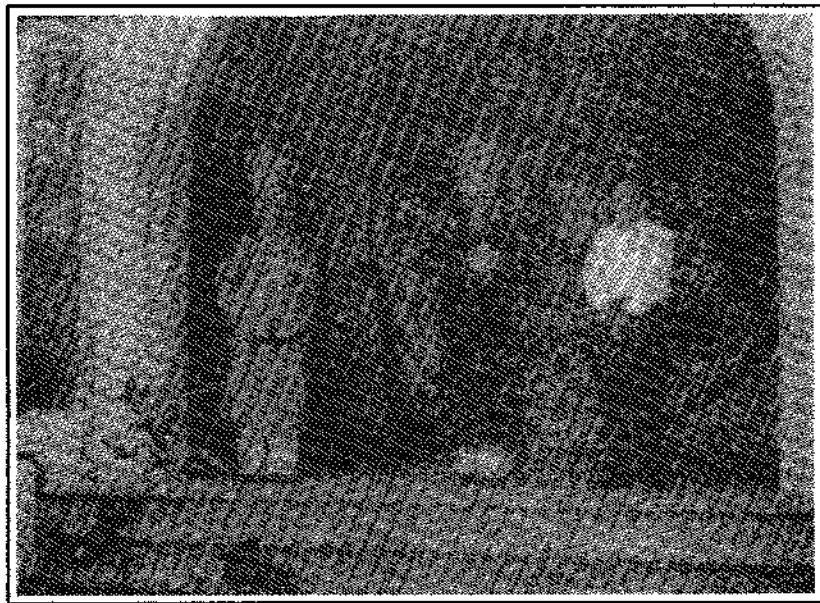
Có người bảo rằng, Bạc-liêu là tinh thần-huyền. Có lẽ không sai mấy.

Xuyên qua các giáo-phái mà chúng tôi đã phác hoạ vài nét đại-cương, nhất là nêu lên một ngôi chùa đặc-biệt của Hoa-kiều dãy dãy mê-tín dị-doan, làm diền-hình cho sự tin ngưỡng thần-huyền của da-số tại đây, bạn có cảm nghĩ gì ? Tốt hay xấu ? Có lợi hay có hại ?

Sùng mộ đạo-giáo là điều rất hay, bô-ich cho sự tu-duong thân-tâm. Nhưng tuyệt-đối không nên mê-tín những tà-thuyết, những chuyện ảo-úc, sự đối-trá với tính cách lường gạt, làm tiền đồng-bào vốn sẵn nặng lòng tin-ngưỡng.

Dẫu sao, bên cạnh cuộc canh tân kiến-thiết vĩ-dai, tạo lập cảnh đồi mới, cho đồng-bào sống an vui trong đồi sống mới, đầy-dủ tiện-nghi của thời-dai khoa-học, mà dân-chúng vẫn còn có lòng mộ đạo, áu cũng là điều tốt đẹp. Vì có sự thăng-bằng giữa đồi sống tâm-linh và cảnh sống vật-chất ngoả-nguê thoả-mãn thân xác, con người mới không đến đỗi sa-doạ thân-tâm trong biền dục-vọng đáng ngại.

Cao Thượng Bửu Tòa



Trước Thánh điện Cao Thượng Bửu Tòa Bạc Liêu, nhà sư khảo Huỳnh Minh và hai vị chức sắc trong Giáo hội chụp ảnh kỷ niệm.

Ngày 19-3-1966.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

Tổng kết

Q

UA những sinh-hoạt kể trên, tỉnh Bạc-Liêu, từ địa hạt vị-trí, lãnh-vực, đến chau-thờ phì nhiêu phong-phú trong mấy nghìn năm lịch-sử đã vang lừng khắp non sông đất Việt, những tráng-lệ huy-hoàng của miền quê-hương đất tò.

Tuy nhiên tỉnh Bạc-Liêu cũng từng trải lăm bước thăng trầm thế cuộc. Từ ngàn xưa, vì cuộc chạy loạn của chúa Nguyễn-Ánh đến đây, mà Bạc-Liêu Cà-Mau thành bãi chiến trường. Lại thêm những cuộc biến loạn của Hoa-Kiều Phủ Liêm, nhóm Thiên-địa-hội, nhóm người Miên Tia, Sum gây biêt bao diêu đứng trên mảnh đất mà đại đa số quần chúng là nông dân hiền lành chất phác, cùi đục làm ăn. Gần đây hơn, suốt 9 năm Ngô-dình-Diệm chấp chính, Bạc-Liêu lại phải chịu cảnh tủi hờn từ một tỉnh thu hình lại thành một quận-ly nhỏ nhoi ! Tuy nhiên, nguồn sinh lực dồi-dào của mảnh đất phì nhiêu vẫn là niềm an ủi khiến con dân trong tỉnh kiên trì chịu đựng được tất cả bao biến cố.

Rồi trời hết tối thi đến sáng. Theo đà canh tân, kiến-thiết, chỉnh trang, Bạc-Liêu ngày nay chẳng những đã lên lại địa-vị cũ mà còn hứa-hẹn tiến xa cho xứng đáng hơn nữa trong tương-lai gần đây.

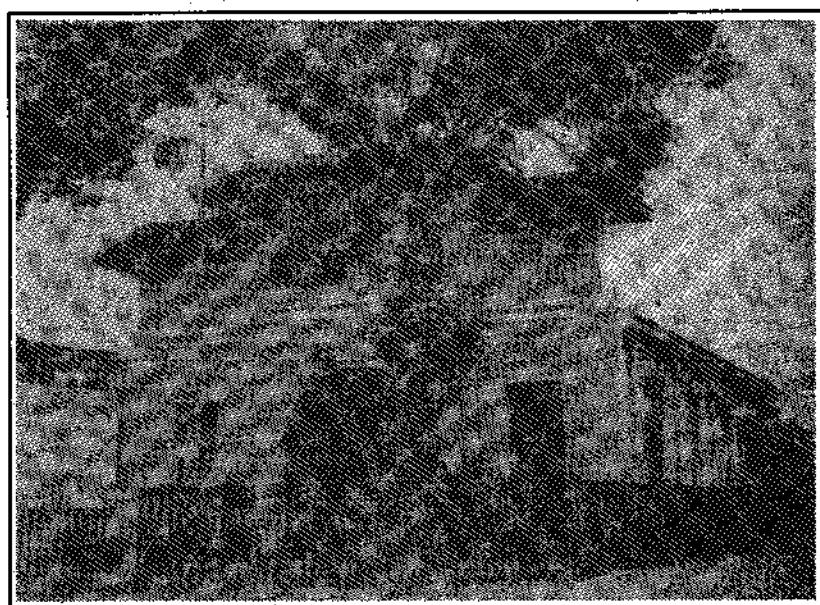
Nguồn lợi kinh-tế dồi-dào, ấy là có thừa điều kiện để tiến nhanh vượt xa, dành quyền dẫn đầu các tỉnh. Với bãi cát Vĩnh-Châu thiên-nhiên hùng vĩ, nếu thêm vào sự diêm tò nhân-tạo, chắc-chắn sẽ quyến-rũ du-khách đến viếng thăm tấp-nập, kém gì những nơi danh-thắng khác. Lại nữa, tâm tình dân chúng hồn nhiên chất phác, quy ngưỡng đạo giáo

— bằng chứng là giáo-phái nào cũng đều có đóng đao-hữu tín-đồ, do đó đời sống nhân-dân có sắc thái hiền hoà. Về các phương-diện : y-tế, giáo-dục, văn-hoá, các công-tác đều đang trên đà phát-triển, đầy hứa-hẹn tốt đẹp. Ngàn ấy dữ kiện khả-quan, cho ta có quyền lạc quan tin-tưởng Bạc-Liêu rồi sẽ là tỉnh khả ái nhất, có nhiều du-khách đến viếng nhất trong các tỉnh miền Tây.

Các nhân-vật ưu-tú của tỉnh nhà, về mọi ngành hoạt-động, từ trước đến nay từng đã treo cao thinh-giá, góp công-góp của, dắc-lực trong việc phụng-sự quốc-gia dân-tộc, kè ra cũng khá nhiều, đủ để gieo tiếng tốt cho quê hương, để tên trong lịch-sử. Ba họ lừng-lẫy tiếng tăm nhất trong tỉnh là Trần Trinh (Trach), Chung Bá (Khánh), Cao Triều (Phát) người người đều biết. Các văn-nhân kỵ-giả khét tiếng trong làng văn-làng báo, ai còn lạ gì với tên tuổi Nguyễn-văn-Đinh, Tố-Phang, Việt-Quang, Phi-Vân. Các nhạc sĩ, nghệ-sĩ Cao-văn-Lầu, Lư-hoà-Nghĩa cũng đã để tiếng thơm roi một thuở cho xứ-sở. Ngoài ra còn lâm-vị bá-c-sĩ, kỵ-sư, giáo-sư v.v... hoặc đang phục-vụ trong lãnh-vực của mình tại tỉnh nhà, hoặc đã ra đi phục-vụ khắp nơi trên lãnh-thổ miền Nam, hầu thúc đầy guồng máy quốc-gia tiến mạnh. Bạc-liêu đã ôm vào lòng những đứa con đất nước đáng yêu, tất nhiên với lòng triu-mến, kỳ-vọng ở đoàn hậu tấn noi gương dõi bước, mảnh đất đầy sinh-lực này-nở này, rồi sẽ tài-bồi trưởng dưỡng nhân-tài chẳng ít.

Dựa vào các ưu-diêm đã nêu, trong cuộc thi đua vượt tiến giữa các tỉnh miền Tây, ta có thể tin chắc Bạc-liêu sẽ có bộ mặt huy-hoàng hơn các nơi. Và trong tinh-thần hổ-tương, Bạc-liêu sẽ là nguồn sinh-lực tiếp-tế cho các tỉnh yếu-kém trên đất nước Việt-Nam, để cùng vươn lên mà hanh-diện chung với năm châu thế-giới.

Hội Phật Học Bạc Liêu



Hội này trực thuộc về Giáo hội Phật Học
Trung Ương chùa Xá Lợi Sài Gòn

**DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH-TRƯỞNG
ĐƯỢC BỔ-NHIỆM TẠI TỈNH BẠC-LIÊU
TRONG THỜI-GIAN CẬN-ĐẠI**

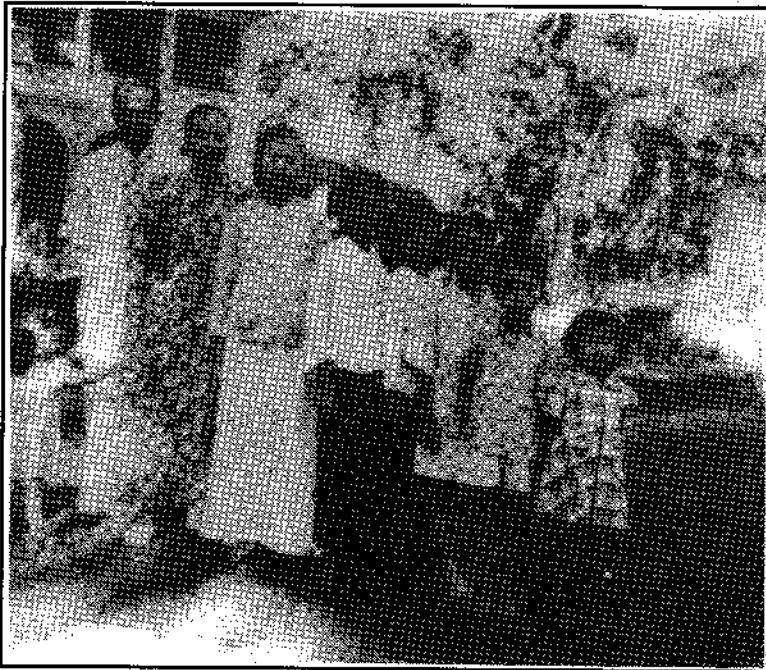
SỐ THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	NGẠCH-TRẬT VÀ CẤP BỨC	THỜI-GIAN ĐÁM-NHIỆM
1	Lương-khắc-Nhạc	Đốc-phủ-sứ	1949-1953
2	Phạm-văn-Tùng	Đốc-phủ-sứ	1953-1954
3	Đỗ-văn-Công	Đốc-phủ-sứ	1954-1955
4	Trần-hoàng-Quân	Trung-Tá	1955-1957
5	Võ-quốc-Sử	Trung-Tá	1/10/64-10/3/65
6	Bùi-văn-Sảnh	Trung-Tá	10/3/1965

Cúc-chú:

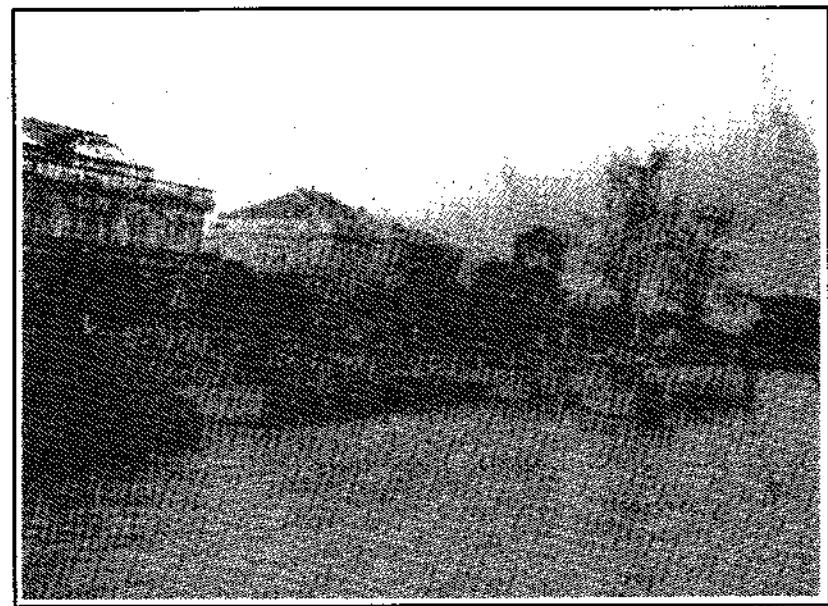
Kể từ ngày 1-4-1957, Tỉnh Bạc-Liêu được sáp nhập vào Tỉnh Ba-Xuyên (Sóc-trăng) cho đến ngày 30-9-1964



*Gia đình tỉnh trưởng đầu tiên của Bạc Liêu,
ông Lương Khắc Nhạc. Cô gái ngồi ở chính giữa phía trước
là giám đốc nhà xuất bản Bách Việt (1954).*



Gia đình tinh trưởng Lương Khắc Nhạc trước tư dinh



Châu Thành Bạc Liêu

Xuyên qua phố sá tỉnh Bạc Liêu, trước mắt chúng ta thấy một biệt thự lầu lộng lẫy day mặt ra sông, đó là biệt thự của nhà Tỷ phú Trần Trinh Trạch ở xứ này.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

MỤC-LỤC

— Bản đồ tinh lỵ Bạc-Liêu	3
— Lời nói đầu	5
— Biên tập đại ý	7

PHẦN THỨ NHẤT :

— Bạc-Liêu qua các thời-đai gồm Địa-lý, Lịch-sử, dân số, khí-hậu, canh-nông, ngư-nghiệp, lâm-sản v. v...	9
--	---

I

— Trải 142 năm (1740-1882) từ huyện Trần đi đến tỉnh Bạc-Liêu.	12
— Tìm hiểu danh-từ Bạc-Liêu.	15
— Bạc-Liêu trải qua các cuộc biến loạn :	16
1) Loạn Hoa-Kiều Phủ Liêm.	16
2) Cuộc nổi loạn của người Miên Tiề, Sum.	17
3) Người Minh-Hương và Thiên địa hội.	18
4) Loạn Lâm-Lâm.	19
— Những thăng trầm và biến chuyen của Bạc-Liêu.	20
— Bộ mặt Bạc-Liêu hiện thời.	23

II

Phụ biên : Cà-Mau — Năm-Căn	36
-----------------------------	----

PHẦN THỨ HAI :

DANH-NHÂN

1) Hồ tướng Dương-công-Trừng.	53
2) Ngô-công-Quý tận trung giúp chúa.	55
3) Trần-phước-Chất, một võ tướng theo chân chúa Nguyễn.	56
4) Ngô-văn-Lưu bách chiến bách thắng.	57
5) Nguyễn-hiền-Năng, tri-huyện thanh-liêm, chánh-trực lùng danh « Thần-Minh ».	61
6) Nguyễn-văn-Đức tiên hiền khai ấp lập xã Viên-An.	63
7) Tô-Xuân, vị tu-sĩ nồi danh ở Quan-Âm Cồ-Tự.	65
8) Anh em Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự oanh-liệt chống Pháp	69
9) Nguyễn-thị-Nương tiết phụ được vua Thiệu-Trị thưởng	70

Cảm tạ

Chúng tôi có đôi lời cảm-tạ Trung-Tá Tỉnh-Trưởng Bùi-văn-Sảnh — quý vị quan chức sở-tại tỉnh Bạc-Liêu — nhà nghiệp ảnh Viễn-Đông — Nhân-sĩ Nguyễn-thành-Trạc — Thi-sĩ Kiên-Giang,

đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc hoàn thành quyển sách này.

Xin quý vị nhận nơi đây tấm lòng cảm mến và biết ơn của chúng tôi.

H. M.

PHẦN THỨ BA :

ĐỊA DANH – GIAI THOẠI – HUYỀN SỬ

— Bạc-Liêu là xứ quê mùa ?	77
— Tìm hiểu danh-từ các quận Vĩnh-châu, Giá-rai, Năm-căn ?	79
— Đồng Nọc-nạn.	85
— Công-tử Bạc-liêu do đâu mà nổi tiếng.	89
— Chuyện Bà Mụ trời...	93
— Miếu bà cổ linh-thiêng.	99
— Miếu bà Mã-Châu.	104
— Chuyện cá sấu cứu chúa Nguyễn-Ánh được phong chức.	9
— Nơi đất thiêng, một vị thần phơi tiền của nhà vua ...	112
— Nguồn gốc Ao-ngự và ấp Giá-ngự.	114
— Chung quanh lịch-sử kinh Cảnh-dền, ấp Cảnh-dền.	119
— Kinh Chắc-Băng với Nguyễn-Ánh	125

PHẦN THỨ TƯ :

DI-TÍCH – THÁNG-CẢNH – CỔ-TỤC

I

DI-TÍCH

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

— Đồn binh trên cửa sông Mỹ-thanh và ngôi mộ của một công-nương nơi làng Tân-Khánh.	130
— Sông Ông Đốc : Đốc binh họ Huỳnh liều thân cứu chúa	131
— Những cơ sở đồn-diễn do Kinh-lược-sú Nguyễn-trí-Phương thiết lập.	135
— Chùa Vĩnh-triều-Minh trong quận Vĩnh-Lợi.	137
— Ngôi chùa Miên Bouthalet.	139
— Chùa Vĩnh-phước-An và chùa Tam-Sơn Quốc-Vương	139
— Ngôi cổ mộ của ông Đào-châu-Thái, và nghĩa-dịa binh-sĩ thời Gia-Jong tàu quốc.	143
— Di-tích một chiếc thuyền Ngư của chúa Nguyễn-Ánh tại rừng Năm-Căn	143
— Miếu Hội-dồng và miếu Hải-linh.	144
— Đền Tân-hưng — Vị bờn-canh thành-hoàng được nhân-dân sùng-phụng, vua Tự-Đức ban sắc phong thần.	147
— Miếu Công-Thần.	151

II

THÁNG CẢNH

— Sân chim lớn nhút ở Cà-Mau.	152
— Một gốc kiềng sống trên thế-kỷ.	157
— Chiếc đồng hồ xưa không máy...	161
— Cõi tục của người Miên tại Bạc-Liêu.	167
— Một vài cõi tục của đồng bào địa-phương	171
— Bãi biển Vĩnh-Châu và cửa biển Mỹ-Thanh	177
— Hòn Chuối và hòn Đá bạc.	180

PHẦN THỨ NĂM :

BẠC-LIÊU QUA THI-CA TẬP QUÁN

— Bạc-liêu qua sân-khau kịch-trường, vọng-cõi.	185
— Bạc-liêu, Cà-Mau qua thi ca.	198
— Thờ-sản địa phương qua ca-dao.	206

PHẦN THỨ SÁU :

BẠC-LIÊU NGÀY NAY TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG

KINH-TẾ	: — Đường xuôi Hậu-giang về tỉnh Muỗi.	211
	: — Trên đường phục hưng kiến-thiết.	216
	: — Nguồn lợi kinh-tế dồi hứa hẹn.	217
	: — Vài nét đại-cương về Bạc-Liêu	218
GIÁO-DỤC	: — Nền tảng giáo-dục được quan tâm đặc-biệt	221
NÔNG-LÂM-SÚC	: — Tiến triển đồng đều	222
GIAO-THÔNG	: — Mở rộng đường sá	225
QUÂN SỰ	: — Xây cất Phi-trường.	225
Y-TẾ	: — Sức khoẻ dân-chúng được bảo vệ	225
ĐẠO-GIÁO	: — Bạc-liêu xuyên qua các giáo phái	229
	: — Các giáo phái hiện hữu.	230
	: — Giáo phái Du-Tăng Khất-Sĩ.	223
	: — Tịnh-Độ Cư-Sĩ Phật Học Nam-Việt. và Cư-Sĩ Lâm của người Hoa-kieu.	233
	: — Công-giáo — Tin-lành.	234
	: — Cao-Đài lưỡng phái Tiền-giang và Hậu-giang	237
	: — Phật-giáo Hoà-hảo.	237
	: — Một ngôi chùa đặc-biệt của người Hoa-kieu	242

HÌNH BẠC LIÊU XUA

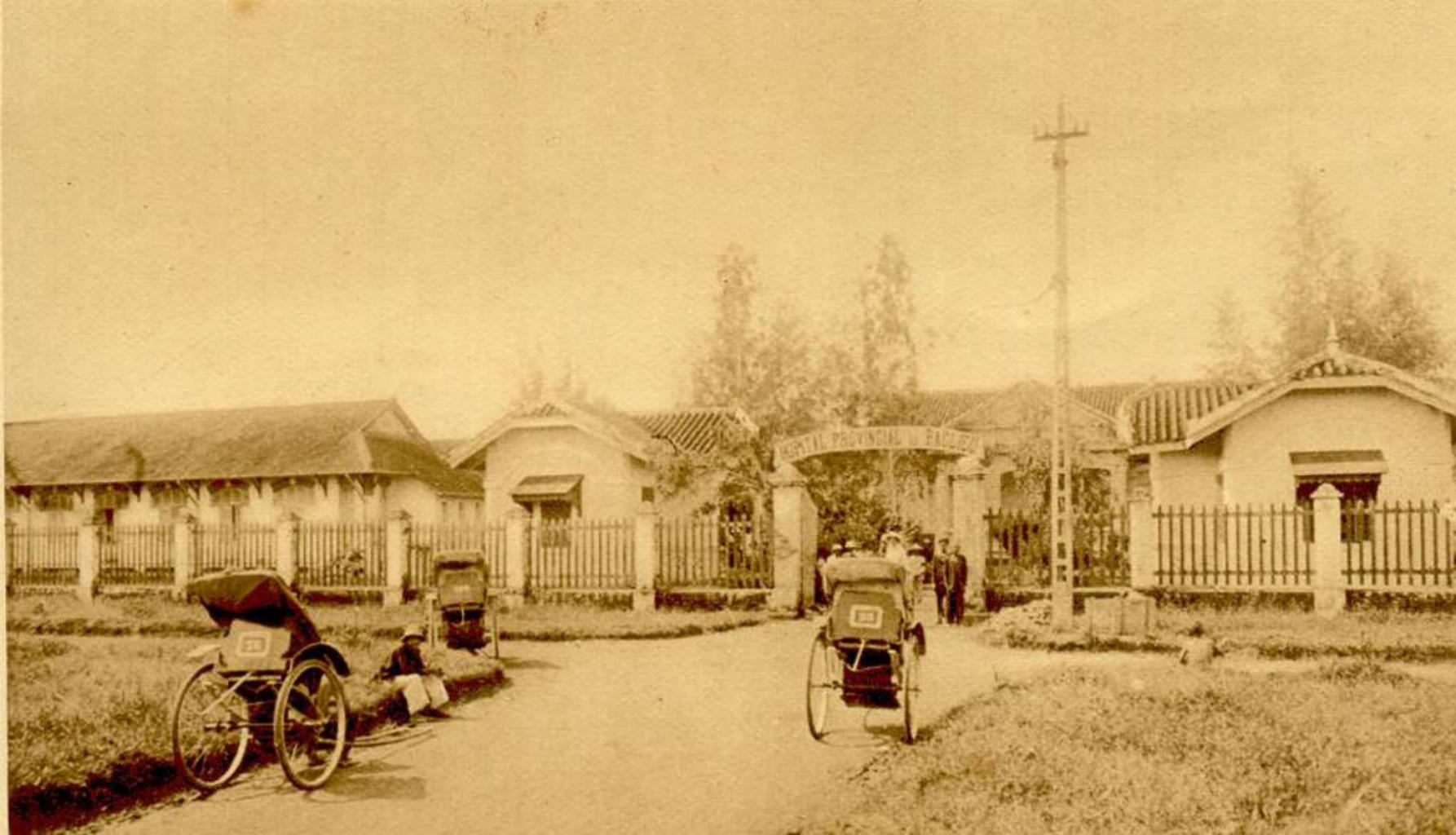












PROVINCE DE FAPU



